

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

## MỤC LỤC

| STT        | NỘI DUNG   | TRANG |
|------------|--|-------|
| <b>I</b>   | <b>Chương I: Giới thiệu chung</b>  |       |
| 1          | Thông điệp chủ tịch Hội Đồng Quản trị  |       |
| 2          | Thông tin chung về Công ty   |       |
| 3          | Các chỉ số cơ bản KPIs   |       |
| <b>II</b>  | <b>Chương II: Quản trị Công ty</b>   |       |
| 1          | Cơ cấu tổ chức   |       |
| 2          | Nhân sự chủ chốt: HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành                           |       |
| 3          | Thông tin dành cho Cổ đông   |       |
| 4          | Hội đồng Quản trị  |       |
| 5          | Ban kiểm soát  |       |
| 6          | Kiểm toán nội bộ   |       |
| 7          | Quản trị rủi ro  |       |
| 8          | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát |       |
| <b>III</b> | <b>Chương III: Báo cáo tình hình hoạt động 2016</b>                            |       |
| 1          | Tổng quan nền Kinh tế và TTCK 2016   |       |
| 2          | Báo cáo của Hội đồng Quản trị  |       |
| 3          | Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc  |       |
| <b>IV</b>  | <b>Chương IV: Kế hoạch 2017</b>  |       |
| 1          | Chiến lược phát triển 2016 - 2020  |       |
| 2          | Mục tiêu và cam kết hành động năm 2017   |       |
| <b>V</b>   | <b>Chương V: Phát triển bền vững</b>   |       |
| 1          | Thông điệp của Tổng Giám đốc BVSC về Phát triển bền vững                       |       |
| 2          | Chiến lược phát triển bền vững tại BVSC 2016 - 2020                            |       |
| 3          | Đánh giá hoạt động Phát triển bền vững trong năm 2016 tại BVSC                 |       |
| 4          | Một số tiêu chí cơ bản đánh giá PTBV tại BVSC (theo GRI)                       |       |
|            | <b>Phụ lục I: Bảng chỉ tiêu Camel</b>  |       |
|            | <b>Phụ lục II: Bảng GRI</b>  |       |

|           |  |  |
|-----------|--|--|
|           | <b>Phụ lục III: BẢNG TUÂN THỦ BÁO CÁO THEO GRI</b> |  |
| <b>VI</b> | <b>Chương VI: Báo cáo tài chính</b>                |  |
|           | <b>Mạng lưới hoạt động</b>                         |  |

## CHƯƠNG I – GIỚI THIỆU CHUNG

### 1. THÔNG DIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác của BVSC,

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý cổ đông, Khách hàng và các Đối tác đã luôn tin nhiệm và đồng hành cùng BVSC trong năm 2016 cũng như trong suốt chặng đường 17 năm thành lập và phát triển của Công ty.

Năm 2016 ghi nhận những điểm sáng trong nền kinh tế khi thanh khoản trong hệ thống ngân hàng dồi dào, mặt bằng lãi suất cho vay, tỷ giá tương đối ổn định, tuy nhiên nền kinh tế vẫn tồn tại những thách thức như tăng trưởng GDP thấp hơn so với mục tiêu Chính phủ đề ra trong khi chỉ số lạm phát toàn phần tăng, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu có cải thiện nhẹ so với 2015 nhưng vẫn ở mức khá thấp trong vòng 6 năm qua. Trên phương diện thị trường chứng khoán (TTCK), năm 2016 là năm đánh dấu khá nhiều yếu tố thuận lợi của thị trường, chỉ số Vnindex chạm mốc 660 – 680 điểm và xu thế ổn định quanh mức này trong phần lớn thời gian nửa cuối năm, thanh khoản thị trường tăng trưởng khoảng 20% so với 2015. Trong năm cũng chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng diễn ra như việc bán vốn nhà nước ở VNM, mở room ngoại, các doanh nghiệp lớn lên sàn như SAB, BHN và việc ra mắt bộ chỉ số chung VNX-Allshare... Những sự kiện này thể hiện những bước tiến vững chắc của TTCK Việt Nam trên con đường phát triển và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, trong một số giai đoạn thị trường vẫn bộc lộ tính “dễ tổn thương” do chịu tác động của yếu tố ngoại biên như động thái tăng lãi suất của FED, giá dầu giảm, TTCK toàn cầu điều chỉnh mạnh... Bên cạnh đó, diễn biến thị trường trong năm 2016 khá phức tạp với những vụ thao túng giá cổ phiếu là những nhân tố thách thức đối với các chủ thể tham gia thị trường.

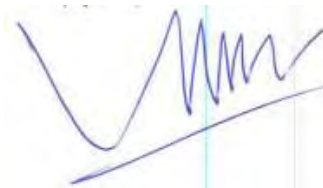
Với BVSC, năm 2016 – năm khởi đầu cho một tiến trình phát triển mới hướng tới mục tiêu phát triển bền vững hơn. Ngày 12/5/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua kế hoạch chiến lược 5 năm giai đoạn 2016-2020 theo đó mục tiêu giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng và tốt nhất cho khách hàng, mang đến sự hài lòng nhất cho cổ đông. Đại hội cổ đông đã thông qua chiến lược ngành nghề tập trung vào 3 trụ cột chính là Môi giới và dịch vụ tài chính, Tư vấn và Đầu tư. Song song với đó hoàn thiện mô hình quản trị tập trung và nâng cao năng lực tài chính để giữ vững vị thế cạnh tranh trên thị trường. Đại hội cũng đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2017 với mục tiêu đạt tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 314 tỷ đồng và 122 tỷ đồng, dự kiến lợi nhuận sau thuế đạt 97,6 tỷ đồng.

Trước những thuận lợi và khó khăn từ thị trường, HĐQT đã liên tục nắm bắt tình hình diễn biến thị trường và có những chỉ đạo kịp thời. Với sự nỗ lực và quyết tâm cao của Ban điều hành cùng toàn thể CBNV Công ty, năm 2016 Công ty đạt 294,17 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 119,3 tỷ đồng và 101,7 tỷ đồng, hoàn thành 104,2% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Mặc dù chỉ tiêu tổng doanh thu chưa đạt so với kế hoạch đề ra, nhưng vẫn tăng nhẹ 2,5% so với năm 2015, doanh thu một số mảng trọng yếu của Công ty như môi giới, tư vấn, các khoản cho vay và phải thu đều đạt mức tăng trưởng so với 2015. Bên cạnh đó, với việc quản trị tài chính và quản trị rủi ro tốt nên các chỉ tiêu về năng lực hoạt động, khả năng sinh lời, chỉ tiêu về vốn khả dụng của BVSC đều đạt mức cao và nằm trong TOP đầu các CTCK đạt hiệu quả kinh doanh cao trên thị trường.

Có thể khẳng định, kết quả kinh doanh năm 2016 - năm bản lề trong chiến lược hoạt động 5 năm giai đoạn 2016-2020 giữ một vai trò quan trọng trong việc thực thi chiến lược của Công ty, bước đầu khẳng định những định hướng chiến lược có tính bền vững của Công ty trong bối cảnh môi trường kinh doanh liên tục biến động. Một lần nữa, thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời tri ân tới các quý vị cổ đông, khách hàng và đối tác đã luôn đồng hành với BVSC. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới toàn thể CBNV Công ty vì những nỗ lực hết mình đã đóng góp vào thành quả chung của BVSC trong thời gian qua và chặng đường phía trước.

TM. HĐQT

**Chủ tịch**



**Đâu Minh Lâm**

## **2. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY**

### ***2.1. Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi***

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999
- Vốn điều lệ: 722.339.370.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016: 1.548.162.323.584 đồng.
- Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ - Hoàn Kiếm – Hà Nội.
- Điện thoại: 04.39288080. ; Fax: 04.39289888.
- Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)
- Mã cổ phiếu: BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

### **TÂM NHÌN**

Giữ vững vị trí là Công ty chứng khoán hàng đầu, mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và sự hài lòng nhất cho cổ đông;

### **SỨ MỆNH**

Trao “Niềm tin vững chắc” cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng “Cam kết vững bền”.

### **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

- Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty;
- Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên;

- Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.

## 2.2.Lịch sử phát triển:

|             |  |
|-------------|--|
| <b>1999</b> | Chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài chính.  |
| <b>2000</b> | Thành lập Chi nhánh và khai trương phòng Giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh.  |
| <b>2006</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng vốn điều lệ từ 49,45 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng.</li> <li>• Cổ phiếu BVSC (Mã CK: BVS) chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nay là Sở GDCK Hà Nội (HNX).</li> </ul>   |
| <b>2008</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng.</li> <li>• Khai trương Trụ sở chính và sàn giao dịch mới tại số 8, Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.</li> <li>• Khai trương phòng Giao dịch số 1 tại 94 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.</li> </ul> |
| <b>2009</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 722,3 tỷ đồng</li> <li>• Khai trương phòng Giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ , Quận 5, TpHCM</li> <li>• Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty</li> </ul>  |
| <b>2010</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới.</li> <li>• Chuyển trụ sở Chi nhánh về địa chỉ 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh đồng thời thành lập phòng Giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp HCM</li> </ul>                          |
| <b>2011</b> | Khai trương phòng Giao dịch Mỹ Đình tại số 8 Nguyễn Cơ Thạch – Từ Liêm – Hà Nội  |
| <b>2012</b> | Cổ phiếu BVS được lựa chọn nằm trong bộ chỉ số HNX 30 – IDX  |
| <b>2014</b> | Kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Công ty  |
| <b>2015</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thành lập Phòng Giao dịch Láng Hạ tại 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội</li> </ul>   |

|             |   |
|-------------|---|
|             | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thành lập Phòng Giao dịch 233 Đồng Khởi tại 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh</li> <li>• Chuyển PGD Mỹ Đình về 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành Phòng Giao dịch Kim Mã</li> </ul> |
| <b>2016</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuyển PGD 146 Nguyễn Văn Cừ về 90 Cao Thắng và đổi tên thành Phòng Giao dịch 90 Cao Thắng</li> </ul>  |

### **2.3. Các lĩnh vực hoạt động**

#### **Môi giới chứng khoán**

##### ***Môi giới khách hàng cá nhân***

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 17 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có trên 45 ngàn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC. Công ty luôn nằm trong TOP 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu lớn nhất; đồng thời liên tục nằm trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất trên thị trường.

##### ***Môi giới khách hàng tổ chức***

Trong nhiều năm qua BVSC là đối tác tin cậy của các tổ chức tài chính chuyên nghiệp trong và ngoài nước như Merrill Lynch, UBS, JP Morgan, NOMURA, Dragon Capital, Vina Capital, East Spring....

Với cam kết “Lấy khách hàng làm trọng tâm” trong chiến lược phát triển của mình, BVSC đã và đang thực hiện đầu tư đồng bộ về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đầu của các tổ chức.

##### ***Lưu ký***

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện



và cần trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

## **Tự doanh**

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.

## **Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư**

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác.

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm "Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả", và Mục tiêu "Tối đa hóa lợi ích của khách hàng", các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.






## **Phân tích và Tư vấn đầu tư**

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp.....Đặc biệt, các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo.

## 2.4. Giải thưởng



### Giải thưởng do các Cơ quan Quản lý vinh danh

| Tổ chức vinh danh                            | Danh hiệu   | Biểu trưng  |
|--|---|---|
| <b>Thủ tướng chính phủ</b>                   | Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua   |    |
| <b>Bộ Tài chính</b>                          | Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2000 - 2005                              |    |
|  | Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 - 2014                              |   |
| <b>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</b>           | Bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012                     |   |
| <b>Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)</b> | Bằng khen về những đóng góp tích cực vào sự phát triển thị trường Trái phiếu Chính phủ từ năm 2009 tới năm 2014 |  |
|  | Thành viên tiêu biểu trong 4 năm liên tiếp 2013 – 2014 – 2015 - 2016  |  |
|  | Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 - 2016  |   |

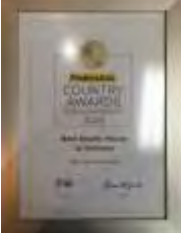
|  |   |   |
|--|---|---|
|  | <p>Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 - 2014 – 2015 - 2016</p>        |    |
|  | <p>Công ty chứng khoán thành viên có dịch vụ Tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005 – 2015</p>                    |    |
| <p><b>Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh</b></p> | <p>Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015</p>       |    |
|  | <p>Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và CCQ năm 2016</p> |  |

**Giải thưởng khác**

| <b>Tổ chức vinh danh</b>                             | <b>Danh hiệu</b>   | <b>Biểu trưng</b>   |
|--|--|---|
| <b>Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam</b>                | Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam                   |    |
| <b>Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam</b> | Sao vàng đất Việt 2015   |    |
| <b>Thời báo Kinh tế Việt Nam</b>                     | Thương hiệu mạnh Việt Nam 4 năm liên tiếp 2013 – 2014 – 2015 - 2016    |   |
| <b>Cuộc thi Báo cáo thường niên tốt nhất</b>         | Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 3 năm liên tiếp 2013 – 2014 - 2015 |  |
|  | Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012                           |   |
| <b>Diễn đàn M&amp;A thường niên</b>                  | Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2014                    |  |

|  |   |   |
|--|---|---|
|  | Tổ chức tư vấn Cổ phần hóa tiêu biểu nhất 2013 - 2014                             |  |
|  | Công ty Chứng khoán tiêu biểu nhất – hạng mục Cổ phần hóa/ Thoái vốn DNNN 2015    |  |
|  | Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất, hạng mục tư vấn hợp nhất sáp nhập 2016 |   |

### Giải thưởng Quốc tế

| Tổ chức vinh danh                        | Danh hiệu                                  | Biểu trưng  |
|--|--|---|
| <b>Finance Asia</b>                      | Công ty tư vấn tốt nhất Việt Nam 2008      |  |
| <b>Global Banking and Finance Review</b> | Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 2015 - 2016 |  |
|  | Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016          |   |

## 2.5. Các chỉ số cơ bản (KPIs)

Đơn vị: đồng


| <b>I. CHỈ TIÊU CƠ BẢN</b>   | <b>2012</b>       | <b>2013</b>       | <b>2014</b>       | <b>2015</b>       | <b>2016</b>       |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng doanh thu  | 208,669,756,466   | 207,350,609,633   | 305,343,799,112   | 287,179,455,911   | 294,155,671,629   |
| - Doanh thu môi giới  | 48,803,171,620    | 44,720,895,335    | 108,679,704,730   | 84,023,709,261    | 99,886,761,357    |
| - Doanh thu tư vấn, bảo lãnh phát hành                                    | 5,243,683,338     | 7,923,037,641     | 5,615,873,939     | 10,518,759,351    | 9,819,820,940     |
| - Doanh thu tự doanh  | 54,729,249,587    | 50,138,398,752    | 61,025,574,026    | 53,174,893,673    | 37,457,677,100    |
| - Doanh thu từ các nghiệp vụ khác (*)                                     | 99,893,651,921    | 104,568,277,905   | 130,022,646,417   | 139,462,093,626   | 146,991,412,232   |
| Lợi nhuận trước thuế  | 77,318,185,142    | 85,817,719,866    | 131,642,224,052   | 120,324,624,019   | 119,306,206,190   |
| Lợi nhuận sau thuế  | 77,318,185,142    | 85,817,719,866    | 131,642,224,052   | 116,105,180,030   | 101,714,420,306   |
| Tổng tài sản  | 1,534,858,360,507 | 1,792,694,852,348 | 1,883,734,671,165 | 1.667.826.874.024 | 1,855,255,471,025 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu  | 1,125,631,201,074 | 1,212,053,905,365 | 1,341,205,921,867 | 1.450.739.880.694 | 1,548,162,323,584 |
| <b>II. CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ</b>   |                   |                   |                   |                   |                   |
| Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng  | 453%              | 553%              | 773%              | 735%              | 678%              |
| Hệ số thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)                      | 3.04              | 2.83              | 3.11              | 6.38              | 4.37              |
| Hệ số thanh toán tức thời (Tiền & các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn) | 1.46              | 0.92              | 3.11              | 2.07              | 0.38              |


|                          |       |       |       |       |       |
|--------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1,071 | 1,188 | 1,732 | 1,608 | 1,345 |
|--------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|


*Ghi chú: Một số số liệu của năm 2015 tại Báo cáo thường niên 2016 có thay đổi so với các số liệu này tại Báo cáo thường niên năm 2015 do tính toán lại theo Thông tư 210 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán Công ty Chứng khoán.*





|   |  |
|---|--|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01/2006 – 12/2014: Phó phòng phụ trách phòng Kế toán tổng hợp; Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết; Phó Tổng giám đốc; Giám đốc Đầu tư Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.</li> <li>- 11/2001 – 12/2005: KTV phòng Quản lý Dự án; Phó phòng Đầu tư trực tiếp Trung tâm Đầu tư, Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.</li> <li>- 02/2001 – 11/2001: Chuyên viên Công ty Xây dựng 17, Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn.</li> </ul> <p><b>Các chức vụ khác hiện nay:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt;</li> <li>- Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt;</li> <li>- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt;</li> <li>- Thành viên HĐQT TCT Bảo Việt Nhân thọ;</li> <li>- Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Lâm Đồng.</li> </ul>                      |
| <p><b>Ông PHẠM NGỌC TÚ</b><br/> Thành viên Hội Đồng Quản Trị<br/> (Không điều hành)</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày bổ nhiệm: 16/09/2015</li> <li>- Tuổi: 37</li> <li>- Học vấn: Thạc sỹ kinh tế</li> </ul> <p><b>Kinh nghiệm làm việc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 09/2015 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.</li> <li>- 05/2015 - nay: Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài chính – Tập đoàn Bảo Việt</li> <li>- 04/2015 – 05/2015: Phó Giám đốc phụ trách khối Kiểm toán nội bộ- Tập đoàn Bảo Việt</li> <li>- 06/2014 – 07/2015: Thành viên HĐQT Tcty đầu tư Nước và Môi trường VN (Viwaseen) – Bộ Xây Dựng</li> <li>- 05/2004 – 10/2014: Thành viên Ban kiểm soát; Phó trưởng phòng TCKH; Kiểm soát viên trưởng; Kế toán trưởng - Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam (Viwaseen) - Bộ Xây Dựng 10/2001 – 04/2004: Chuyên viên Phòng TCKT – Cty Đầu tư và xây dựng</li> </ul> |

|   |  |
|---|--|
|   | <p>cấp thoát nước (aseco) - Bộ Xây dựng; Phụ trách Kế toán Chi nhánh Công ty aseco tại Hà Nội.</p> <p><b>Các chức vụ khác hiện nay:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó Giám đốc phụ trách khối Quản lý Tài chính - Tập đoàn Bảo Việt</li> </ul>  |
| <p><b>Ông NGUYỄN ANH TUẤN</b><br/> Thành viên Hội Đồng Quản Trị<br/> (Không điều hành)</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày bổ nhiệm: 12/05/2016</li> <li>- Tuổi: 39</li> <li>- Học vấn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng</li> </ul> <p><b>Kinh nghiệm làm việc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 05/2016 – nay: TV. HĐQT BVSC.</li> <li>- 11/2016 – nay: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.</li> <li>- 5/2016 – 11/2016: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.</li> <li>- 04/2015 – 5/2016: Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.</li> <li>- 09/2014 – 04/2015: Phó trưởng ban – Ban Thư ký – Tổng hợp – Khối Quản lý hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.</li> <li>- 12/2012 – 09/2014: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư Dự án – Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.</li> <li>- 04/2011 – 12/2012: Phó trưởng ban – Ban Đầu tư chiến lược – Khối đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.</li> <li>- 01/2006 – 04/2011: Chuyên viên chính Quản lý và thẩm định dự án đầu tư – Ban đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.</li> <li>- 11/2001 – 01/2006: Chuyên viên Quản lý dự án – Phòng Quản lý Dự án – Trung tâm Đầu tư Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam.</li> </ul> <p><b>Các chức vụ khác hiện nay:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt</li> </ul> |

|   |  |
|---|--|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tokio Marine;</li> <li>- Phó chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Khách sạn Sài Gòn – Hạ Long.</li> <li>- Chủ tịch Ban đại diện Quỹ BVFED.</li> </ul>   |
| <p><b>Ông LÊ VĂN BÌNH</b></p> <p>Thành viên HĐQT</p> <p>(Không điều hành)</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 2001</li> <li>- Ngày tái bổ nhiệm: 15/04/2015</li> <li>- Thời gian làm Thành viên HĐQT: 15 năm</li> <li>- Tuổi: 61</li> <li>- Học vấn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh</li> </ul> <p><b>Kinh nghiệm làm việc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2001 - nay: Thành viên HĐQT BVSC</li> <li>- 10/2007 – 01/2015: Thường trực Ủy ban Kiểm toán, Giám đốc Kiểm toán nội bộ- Tập đoàn Bảo Việt</li> <li>- Năm 1994 – 10/2007: Phó Trưởng Phòng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán, Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng – Tcty Bảo hiểm Việt Nam</li> <li>- Năm 1983 – 1994: Giảng viên ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội</li> </ul> <p><b>Các chức vụ khác hiện nay: không có</b></p> |
| <p><b>Ông NHỮ ĐÌNH HÒA</b></p> <p>Thành viên HĐQT</p> <p>(Điều hành)</p>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 03/04/2010</li> <li>- Ngày tái bổ nhiệm: 15/04/2015</li> <li>- Tuổi: 44</li> <li>- Học vấn: Thạc sỹ kế toán, Cử nhân Quản trị Kinh doanh</li> </ul> <p><b>Kinh nghiệm làm việc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 04/2010 đến nay: Thành viên HĐQT BVSC</li> <li>- 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC</li> <li>- Năm 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC</li> <li>- Năm 2000 – 2005: Trưởng Phòng Giao dịch, Trưởng Phòng tư vấn và tự doanh chứng khoán – BVSC</li> <li>- 1995 – 1999: TCT Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập</li> </ul>   |

|  |  |
|--|--|
|  | <p>đoàn Bảo Việt)</p> <p>Các chức vụ khác hiện nay: không có</p> <p><i>*Tháng 01/2016, Ông Nhữ Đình Hòa được vinh danh trong TOP 10 Nhà lãnh đạo trẻ xuất sắc nhất tại Lễ trao giải TOP 50 Nhà Lãnh đạo Doanh nghiệp Mark of respect 2015 do Tạp chí Nhịp Cầu đầu tư tổ chức</i></p> |
|--|--|

**Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 16/03/2017:**

- Ông Đậu Minh Lâm: Chủ tịch HĐQT, đại diện quản lý và nắm giữ 25% vốn điều lệ
- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (Trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,15%)
- Ông Nguyễn Anh Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ
- Ông Phạm Ngọc Tú: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ của BVSC
- Ông Lê Văn Bình: Thành viên HĐQT không điều hành: sở hữu 0% cổ phần

**Ban Kiểm soát**

|  |  |
|--|--|
| <p><b>Ông Nguyễn Xuân Hòa</b><br/>Trưởng Ban Kiểm soát</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày bổ nhiệm: 15/04/2015</li> <li>- Tuổi: 39 tuổi</li> <li>- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh thương mại</li> </ul> <p><b>Kinh nghiệm làm việc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC</li> <li>- 01/2008 – nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban – Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế - Tập đoàn</li> </ul> |
|--|--|

|  |  |
|--|--|
|  | <p>Bảo Việt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 11/2001 – 01/2008: Kế toán viên, Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tcty Bảo hiểm Bảo Việt</li> <li>- 08/1999 – 10/2001: Phụ trách Kế toán – Cty Tin học Duy Hùng</li> </ul> <p><b>Các chức vụ khác hiện nay:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kế toán, Trưởng Ban Kế toán Quốc tế – Tập đoàn Bảo Việt</li> <li>- Thành viên HĐQTV – Tcty Bảo hiểm Bảo Việt</li> </ul>  |
| <p><b>Ông Hoàng Giang Bình</b><br/>Thành viên Ban Kiểm soát</p>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày bổ nhiệm: 15/04/2015</li> <li>- Tuổi: 30 tuổi</li> <li>- Học vấn: Thạc sỹ Kế toán – Tài chính</li> </ul> <p><b>Kinh nghiệm làm việc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC</li> <li>- 09/2015 – nay: Ban Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt</li> <li>- 08/2012 – 09/2015: Ban Đầu tư Dự án – Tập đoàn Bảo Việt</li> <li>- 12/2011 – 05/2012: Chi nhánh Hoàn Kiếm - Ngân hàng TMCP Quân đội</li> <li>- 03/2009 – 09/2009: Phòng Kế toán – Đài TH Việt Nam</li> </ul> <p><b>Các chức vụ khác hiện nay:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên– Ban Đầu tư, Khối Chiến lược và Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt</li> <li>- TV Ban Kiểm soát – Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.</li> </ul> |
| <p><b>Bà Nguyễn Thị Thanh Vân</b><br/>Thành viên Ban Kiểm soát</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày bổ nhiệm: 15/04/2015</li> <li>- Tuổi: 34 tuổi</li> <li>- Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng</li> </ul> <p><b>Kinh nghiệm làm việc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC</li> <li>- 01/2005 – nay: Kế toán viên, Phó Trưởng Ban – Ban Kế toán, Tập đoàn Bảo Việt</li> </ul>  |

|  |  |
|--|--|
|  | <p><b>Các chức vụ khác hiện nay:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Phó trưởng ban – Ban Kế toán, Khối Quản lý Tài chính – Tập đoàn Bảo Việt</li><li>- 12/2014 – nay: Kiểm soát viên – Tcty Bảo Việt Nhân Thọ</li></ul> |
|--|--|

**Thành phần Ban Kiểm soát và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 16/03/2017:**

Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 4.92% vốn điều lệ của BVSC

- Ông Hoàng Giang Bình: Thành viên Ban Kiểm soát, sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Thành viên Ban Kiểm soát, sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC

## Ban điều hành

### **Ông NHỮ ĐÌNH HÒA**

Tổng Giám đốc



- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 02/2010
- Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 06 năm 10 tháng
- Tuổi: 44
- Học vấn: Thạc sỹ kế toán, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

#### **Kinh nghiệm làm việc:**

- 02/2010 – nay: Tổng Giám đốc BVSC
- Năm 2005 – 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC
- Năm 2000 – 2005: Trưởng Phòng Giao dịch, Trưởng Phòng tư vấn và tự doanh chứng khoán – BVSC
- 1995 – 1999: TCT Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt)

**Các chức vụ khác hiện nay:** không có

### **Ông VÕ HỮU TUẤN**

Phó Tổng Giám đốc Kiêm  
Giám đốc Chi nhánh TP  
HCM



- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 04/02/2008
- Thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM: 08 năm
- Tuổi: 42 tuổi
- Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

#### **Kinh nghiệm làm việc:**

- Từ 04/02/2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM - BVSC
- Từ 08/2007 - 02/2008: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM
- Từ 10/2005 - 08/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh TP.HCM
- Từ 07/2002 - 09/2005: Trưởng phòng Giao dịch Chi nhánh TP.HCM

**Các chức vụ khác hiện nay:** Thành viên HĐQT của Công ty CP Dược phẩm Imexpharm, Công ty CP Nosafod; Thành viên HĐQT của Quỹ BVIF

**Bà NGUYỄN THỊ  
THANH THỦY**

*Phó Tổng Giám đốc*



- Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010
- Thời gian làm Phó Tổng Giám đốc: 06 năm 09 tháng
- Tuổi: 40 tuổi
- Học vấn: Thạc sỹ Kinh tế

**Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:**

- Từ 07/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC
- Từ 09/2009 - 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn
- Từ 09/2006 - 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch
- Từ 10/2003 - 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch

**Các chức vụ khác hiện nay: không có**

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 16/03/2017:**

-Ông Nhữ Đình Hòa: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty – đại diện quản lý và nắm giữ 10,15% Vốn Điều lệ (Trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu 0,15%)

-Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.

-Ông Võ Hữu Tuấn: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh - nắm giữ 0,023% Vốn Điều lệ.

### **3. Thông tin dành cho cổ đông**

#### ***Cổ phần***

Tổng số cổ phiếu phát hành : 72.233.937 cổ phần

Cổ phiếu quỹ : 33.792 cổ phần

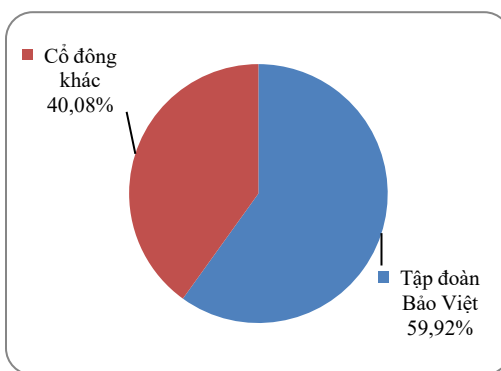
Cổ phiếu đang lưu hành : 72.200.145 cổ phần, trong đó:

2 Cổ phiếu phổ thông : 72.200.145 cổ phần

3 Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

#### ***Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ***





**Cơ cấu cổ đông theo địa lý tại ngày 16/03/2017**

| <b>Cổ đông</b>    | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|-------------------|------------------|
| <b>Trong nước</b> | <b>73,00</b>     |
| Cá nhân           | 12,47            |
| Tổ chức           | 60,53            |
| <b>Nước ngoài</b> | <b>27,00</b>     |
| Cá nhân           | 2,79             |
| Tổ chức           | 24,21            |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>100,00</b>    |

**Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ tại ngày 16/03/2017**

| <b>Cổ đông</b>                | <b>Số lượng cổ đông</b> | <b>Số lượng cổ phần</b> | <b>Tỷ lệ %</b> |
|-------------------------------|-------------------------|-------------------------|----------------|
| Cổ đông nắm giữ dưới 1%       | 3.167                   | 13.008.614              | 18,01          |
| Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%  | 10                      | 15.944.130              | 22,07          |
| Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên | 1                       | 43.281.193              | 59,92          |

|                  |              |                   |               |
|------------------|--------------|-------------------|---------------|
| <b>Tổng cộng</b> | <b>4.058</b> | <b>72.233.937</b> | <b>100,00</b> |
|------------------|--------------|-------------------|---------------|

**Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2016: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2016: Không có

| Nội dung     | Số lượng CPQ tại 31/12/2015 |         | Số lượng CPQ tăng trong kỳ |         | Số lượng CPQ tại 31/12/2016 |         |
|--------------|-----------------------------|---------|----------------------------|---------|-----------------------------|---------|
|              | Số lượng                    | Tỷ lệ % | Số lượng                   | Tỷ lệ % | Số lượng                    | Tỷ lệ % |
| Số lượng CPQ | 33,792                      | 0.044%  | 0                          | 0%      | 33,792                      | 0.044%  |

- Các chứng khoán khác: Không có

**4. Hoạt động quan hệ cổ đông trong năm 2016**

**Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông**

Là công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, bên cạnh đó còn là một doanh nghiệp niêm yết, BVSC đặc biệt chú trọng việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông. Trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi này, BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng và công bằng. Quyền của cổ đông được quy định cụ thể tại Điều 18, Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 8 của BVSC.

**ĐHĐCĐ thường niên 2016:**

- *Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông*

Ngày 12/5/2016 BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông qua đường thư có bảo đảm và công bố trên website Công ty 15 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Ngoài ra, thư mời họp được công ty công bố trên 01 trang báo có kênh phát hành toàn quốc. Thư mời họp ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2016, Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc đại hội và được đăng tải tại website công ty.

- *Quy trình và thủ tục tổ chức đại hội, quy chế bầu cử tại đại hội đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông:*

Điều lệ và Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ hiện hành của Công ty đã đưa ra những nguyên tắc, trình tự đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông khi thực hiện quyền của cổ đông. Quy chế tổ chức đại hội cổ đông 2016 quy định về việc trong trường hợp cổ đông không tham dự trực tiếp có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Quy chế bầu cử thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ 2016 quy định tất cả các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty liên tục trong 06 tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp, trong đó bao gồm cả cổ đông nhỏ, có quyền cùng nhau lập nhóm (trên 5%) để đề cử ứng viên và bầu dồn phiếu cho người do họ đề cử. Các Quy chế tổ chức đại hội và quy chế bầu cử hiện được đăng tải trên chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- *Thảo luận và chất vấn tại Đại hội:*

Tại ĐHĐCĐ 2016, cổ đông đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc. Cũng tại Đại hội 2016, cổ đông đã trực tiếp chất vấn đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng như Chiến lược Công ty giai đoạn 2016-2020, kế hoạch kinh doanh 2017, về giá cổ phiếu, về sở hữu cá nhân của HĐQT, Ban điều hành.... Các nội dung chất vấn trực tiếp tại Đại hội đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

Để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự đại hội 2016 để trả lời các chất vấn của cổ đông liên quan tới kiểm toán độc lập.

- *Biểu quyết tại Đại hội:*

Tại ĐHĐCĐ ngày 12/5/2016, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

| Nội dung | ĐHĐCĐ 2016 BVSC đã biểu quyết thông qua |
|----------|---|
|----------|---|

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
| Hoạt động kinh doanh                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty</li> <li>• Thông qua chiến lược kinh doanh 2016 - 2020</li> <li>• Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2016</li> </ul>  |
| Các báo cáo                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua báo cáo hoạt động năm 2015 và định hướng hoạt động năm 2016 của Hội đồng Quản trị</li> <li>• Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Ban Kiểm soát Công ty</li> <li>• Thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động năm 2015 và kế hoạch năm 2016</li> </ul> |
| Phân phối lợi nhuận                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016</li> </ul>  |
| Chính sách thù lao                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua việc thực hiện chi trả thù lao 2015 và kế hoạch trả thù lao năm 2016 cho HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty</li> </ul>   |
| Sửa đổi Điều lệ                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua Điều lệ sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp năm 2014</li> </ul>  |
| Bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua số lượng cần bổ sung, thay thế thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015 - 2020</li> <li>• Thông qua quy chế bầu cử, ứng cử, danh sách đề cử, ứng cử</li> <li>• Bầu và thông qua kết quả bầu bổ sung, thay thế HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015 – 2020</li> </ul>   |

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2016 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội cũng như lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.

### ***Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR)***

Trong những năm qua bộ phận quan hệ cổ đông của BVSC đã làm tốt chức năng là cầu nối gắn kết các cổ đông, nhà đầu tư. Không chỉ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các cổ đông mới có điều kiện đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, mà BVSC luôn chủ động tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, các Quỹ, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm tiếp cận và giải đáp những thắc mắc cũng như cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của BVSC.

Trong năm 2016, BVSC đã tổ chức các đợt tiếp xúc cổ đông, Nhà Đầu tư quan tâm như sau:

- + Ngày: 10/06/2016 – Quỹ Đầu tư PYN – Elite Fund
- + Ngày: 24/06/2016 – Công ty Chứng khoán Mirae Asset
- + Ngày: 08/10/2016 – Công ty Chứng khoán MNC - Indonesia
- + Ngày: 21/10/2016 – Công ty TNHH Quốc Thái Quân An Quốc Tế - Hong Kong
- + Ngày: 05/12/2016 – Quỹ Đầu tư Asia Frontier Capital (AFC)

Thông tin và số điện thoại liên hệ trực tiếp của bộ phận IR được đăng tải trực tiếp tại chuyên mục “Quan hệ cổ đông trên trang tin điện tử của Công ty. Điều này tạo sự chủ động và tương tác kịp thời trong trường hợp cổ đông có nhu cầu liên hệ và tìm hiểu về hoạt động của Công ty.

### ***Bộ phận quan hệ cổ đông***

*Địa chỉ: Trụ sở chính Công ty, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội*

*Hotline: (84-4)3.928 8080 (máy lẻ: 604) Email: [info-bvsc@baoviet.com.vn](mailto:info-bvsc@baoviet.com.vn)*

*Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)*

**Công bố thông tin và minh bạch:**

***Năm 2016 là năm thứ 4 liên tiếp BVSC được HNX bình chọn là 1 trong 30 doanh nghiệp niêm yết minh bạch tiêu biểu nhất tại HNX. Điều này là một minh chứng khẳng định tính minh bạch trong tổ chức và hoạt động của BVSC trên thị trường.***

Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty thực hiện công bố thông tin không chỉ giới hạn trong phạm vi kết quả kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính mà còn công bố các nội dung thông tin phi tài chính như các mục tiêu phát triển bền vững, chính sách đối với người lao động, các chương trình thúc đẩy sự phát triển cộng đồng, quan hệ với các bên liên quan, phân tích các rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro đối của công ty.... Báo cáo cũng trình bày đầy đủ và chi tiết thông tin về cá nhân từng thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, số liệu về thu nhập, số cổ phần sở hữu...của các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành công ty. Báo cáo cũng cung cấp cụ thể giao dịch với các bên liên quan nhằm đảm bảo việc điều hành kinh doanh của Công ty vì lợi ích của tất cả các nhà đầu tư. Báo cáo thường niên hàng năm đều được trình bày cả bản tiếng Việt lẫn tiếng Anh và đều được lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty nhằm tạo điều kiện cho các cổ đông nước ngoài tiếp cận một cách dễ dàng.

Tại BVSC, Công ty xây dựng một quy trình công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế tại các Sở giao dịch. Người chịu trách nhiệm công bố thông tin là Tổng Giám đốc và là người đại diện pháp luật của Công ty.

**Lịch các hoạt động CBTT định kỳ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016**

| <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>  |
|-------------|--|
| 15/01/2016  | Báo cáo tài chính quý IV năm 2015  |
| 29/01/2016  | Báo cáo quản trị Công ty năm 2015  |
| 31/03/2016  | Báo cáo tài chính và Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2015                             |
| 19/04/2016  | Báo cáo thường niên năm 2015   |
| 20/04/2016  | Báo cáo Tài chính quý 1 năm 2016   |
| 19/07/2016  | Báo cáo Tài chính quý 2 năm 2016   |
| 29/07/2016  | Báo cáo quản trị Công ty bán niên năm 2016                                   |
| 15/08/2016  | Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo Tỷ lệ ATTC bán niên 2016 (đã soát xét) |

|            |   |
|------------|---|
| 20/10/2016 | Báo cáo Tài chính quý 3 năm 2016            |
| 20/01/2017 | Báo cáo tài chính quý 4 năm 2016            |
| 24/01/2017 | Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2016 |

**Lịch các hoạt động CBTT khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016**

| <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>   |
|-------------|---|
| 22/03/2016  | CBTT ngày ĐKCC để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2016  |
| 05/04/2016  | CBTT giải trình số chênh lệch LNST 2015 giữa BCTC kiểm toán và BCTC Công ty lập   |
| 28/04/2016  | CBTT tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016   |
| 29/04/2016  | CBTT kế hoạch kinh doanh năm 2016   |
| 11/05/2016  | CBTT HĐQT phê duyệt danh mục những nội dung chủ yếu của HĐ/GD với Người nội bộ và Người có liên quan                      |
| 13/05/2016  | CBTT về Biên bản và NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2016   |
| 13/05/2016  | CBTT về việc thay đổi thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020  |
| 12/07/2016  | CBTT bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thị Thanh Thủy giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty  |
| 15/07/2016  | CBTT đơn vị kiểm toán năm 2016  |
| 02/08/2016  | CBTT thay đổi địa điểm và tên gọi PGD 146 Nguyễn Văn Cừ thành PGD Cao Thắng trực thuộc Chi nhánh BVSC tại Tp. Hồ Chí Minh |
| 22/08/2016  | CBTT giải trình chênh lệch lãi 06 tháng năm 2016 so với cùng kỳ   |
| 03/10/2016  | CBTT quyết định của HĐQT về việc thay đổi địa điểm đặt PGD Láng Hạ trực thuộc trụ sở                                      |

|            |   |
|------------|---|
|            | chính BVSC  |
| 02/11/2016 | CBTT về việc thay đổi địa điểm Phòng Giao dịch Láng Hạ trực thuộc trụ sở chính BVSC                   |
| 24/11/2016 | CBTT Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt đầu tư vào quỹ mở Quỹ Đầu tư cổ phiếu triển vọng Bảo Việt  |
| 13/12/2016 | CBTT quyết định của HĐQT về việc thành lập phòng Giao dịch Trần Hưng Đạo trực thuộc trụ sở chính BVSC |

*\*Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty và qua các hệ thống CBTT tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước*

## **5. Hội đồng quản trị**

### **5.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của BVSC bao gồm 05 thành viên. Trong năm 2016, ĐHĐCĐ thường niên 2016 đã tiến hành bầu thay thế 02 Thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của của nhiệm kỳ 2015-2020, sự thay đổi HĐQT đã diễn ra trong năm 2016 như sau:

| <b>STT</b> | <b>Thành viên HĐQT</b> | <b>Chức vụ</b> | <b>Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT</b> | <b>Lý do miễn nhiệm/bổ nhiệm</b>   |
|------------|------------------------|----------------|--|--|
| 1          | Ông Đậu Minh Lâm       | Chủ tịch       | Kể từ ngày 12/5/2016                             | Được cử là đại diện vốn Tập đoàn Bảo Việt, bầu thay thế ông Phan Kim Bằng do có đơn từ nhiệm |
| 2          | Ông Nguyễn Anh Tuấn    | Thành viên     | Kể từ ngày 12/5/2016                             | Được cử là đại diện  |



| STT | Thành viên HĐQT    | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Lý do miễn nhiệm/bổ nhiệm   |
|-----|--------------------|------------|---|---|
|     |                    |            |   | vốn Tập đoàn Bảo Việt, bầu thay thế ông Bùi Tuấn Trung do có đơn từ nhiệm |
| 3   | Ông Nhữ Đình Hòa   | Thành viên | Kể từ ngày 15/4/2015                      |   |
| 4   | Ông Phạm Ngọc Tú   | Thành viên | Kể từ ngày 15/09/2015                     |   |
| 5   | Ông Lê Văn Bình    | Thành viên | Kể từ ngày 15/4/2015                      |   |
| 6   | Ông Phan Kim Bằng  | Chủ tịch   | Đến ngày 12/5/2016                        | Có đơn từ nhiệm   |
| 7   | Ông Bùi Tuấn Trung | Thành viên | Đến ngày 12/5/2016                        | Có đơn từ nhiệm   |

### ***Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty***

Danh sách thành viên HĐQT BVSC đã được đào tạo và cấp chứng chỉ về quản trị công ty:

**Ông Đậu Minh Lâm – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ số 17/QTCT216-TTNC ngày 26/10/2015**

**Ông Lê Văn Bình – Thành viên HĐQT: Chứng chỉ số 06/QĐ229-TTNC ngày 05/09/2013**

**Ông Nhữ Đình Hòa - Thành viên HĐQT: Chứng chỉ số 10/QĐ193-TTNC ngày 31/07/2013**

**Ông Phạm Ngọc Tú - Thành viên HĐQT: Chứng chỉ số 30/QTCT216-TTNC ngày 26/10/2015**

Trong năm 2016, 3/5 thành viên HĐQT tham dự các khóa đào tạo liên quan tới quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Tháng 10/2016: Khóa đào tạo cao cấp về quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ
- Tháng 11/2016: Khóa đào tạo cao cấp về Quản trị khủng hoảng truyền thông

### **5.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:**

HĐQT hiện chưa thành lập các tiểu ban tuy nhiên để tăng cường công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty, HĐQT thực hiện phân công từng thành viên thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty. Trong năm 2016, HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 đã thực hiện cập nhật và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

**Ông Đậu Minh Lâm – Chủ tịch HĐQT:** Phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách mảng chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và của Pháp luật.

**Ông Nhĩ Đình Hòa – TV. HĐQT – Tổng Giám đốc:** Trực tiếp và là người đứng đầu phụ trách hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; Phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.

**Ông Nguyễn Anh Tuấn – TV.HQĐT:** Phụ trách mảng đầu tư mua sắm TSCĐ, quản lý tài chính, truyền thông, thương hiệu của Công ty; hỗ trợ việc phối hợp giữa BVSC với các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.

**Ông Phạm Ngọc Tú – TV. HĐQT:** Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty (ủy ban ALCO); Quản lý rủi ro, Pháp chế; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.

**Ông Lê Văn Bình – TV. HĐQT:** Phụ trách mảng Kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.

**Trong cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020, hiện nay có 4/5 thành viên không tham gia công tác điều hành, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, nên các chỉ đạo của HĐQT đảm bảo tính khách quan trên cơ sở lợi ích của cổ đông và sự phát triển của BVSC.**

### 5.3. Thư ký Công ty:

Để giúp việc cho HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Ban thư ký Công ty bao gồm các cá nhân như sau:

| Họ và tên          | Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề   | Kinh nghiệm tại BVSC     | Ngày được bổ nhiệm |
|--------------------|---|--------------------------|--------------------|
| Bùi Thị Mai Hiền   | - Cử nhân Luật<br>- Thạc sỹ QTKD<br>- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/QLQ do UBCKNN cấp<br>- Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229 / QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013 | 12 năm làm việc tại BVSC | 26/09/2013         |
| Ông Phan Đình Hiệu | - Cử nhân Kế toán tổng hợp<br>- Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý<br>- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 001170/QLQ do UBCKNN cấp  | 07 năm làm việc tại BVSC | 23/8/2016          |

### 5.4. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2016:

Trong năm 2016 HĐQT đã thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty và trên cơ sở phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên và bản kế hoạch công tác của HĐQT trong năm 2016. HĐQT đã phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo Công ty một cách toàn diện bao gồm việc xem xét và định hướng triển khai kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 đã được ĐHĐCĐ 2016 thông qua, mô hình tổ chức hoạt động, thông qua chính sách và hạn mức rủi ro năm 2016, phê duyệt các mục tiêu kinh doanh và ngân sách cho năm 2017 và theo dõi giám sát việc thực hiện. HĐQT cũng trực tiếp xem xét và phê duyệt kế hoạch tiền lương, kế hoạch đầu tư tài sản cố định cũng như công tác bổ nhiệm các chức danh quản lý cấp cao.

Không chỉ giới hạn ở việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo phân công, thông qua các kỳ họp HĐQT và các cuộc họp nội bộ của Công ty có sự tham gia của các thành viên HĐQT như cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản trị rủi ro (RMC), cuộc họp của ủy ban ALCO hay cuộc họp của Hội đồng đầu tư, các thành viên HĐQT đã trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ

những tiền lệ tốt trên thị trường cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế.

### **Các kỳ họp của Hội đồng Quản trị trong năm 2016**

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT cũng như chương trình công tác năm 2016, HĐQT đã duy trì hoạt động với số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) thành viên. Trong năm 2016 HĐQT đã tổ chức 04 (bốn) cuộc họp, tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

| <b>Stt</b> | <b>Thành viên HĐQT</b> | <b>Chức vụ</b> | <b>Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT</b> | <b>Số buổi họp HĐQT tham dự</b> | <b>Tỷ lệ tham dự họp</b> | <b>Lý do không tham dự họp</b> |
|------------|------------------------|----------------|--|---------------------------------|--------------------------|--------------------------------|
| 1          | Ông Đậu Minh Lâm       | Chủ tịch       | Kể từ ngày 12/5/2016                             | 03                              | 100%                     |                                |
| 2          | Ông Lê Văn Bình        | Thành viên     | Kể từ ngày 15/4/2015                             | 03                              | 75%                      | Lý do cá nhân                  |
| 3          | Ông Nhữ Đình Hòa       | Thành viên     | Kể từ ngày 15/4/2015                             | 04                              | 100%                     |                                |
| 4          | Ông Nguyễn Anh Tuấn    | Thành viên     | Kể từ ngày 12/5/2016                             | 03                              | 100%                     |                                |
| 5          | Ông Phạm Ngọc Tú       | Thành viên     | Kể từ ngày 15/09/2015                            | 04                              | 100%                     |                                |
| 6          | Ông Phan Kim Bằng      | Chủ tịch       | Đến ngày 12/5/2016                               | 01                              | 100%                     |                                |

| Stt | Thành viên HĐQT    | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|------------|---|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 7   | Ông Bùi Tuấn Trung | Thành viên | Đến ngày 12/5/2016                        | 01                       | 100%              |                         |

**Các nội dung đã được HĐQT thông qua trong năm 2016**

| Stt | Số Nghị quyết        | Ngày       | Nội dung   |
|-----|----------------------|------------|--|
| 1   | 03/2016/NQ/HĐQT-BVSC | 17/3/2016  | - Về việc kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016   |
| 2   | 05/2016/NQ/HĐQT-BVSC | 28/4/2016  | - Về việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh và Tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016   |
| 3   | 06/2016/NQ/HĐQT-BVSC | 28/4/2016  | - Về việc phê duyệt kế hoạch tiền lương và kế hoạch mua sắm TSCĐ năm 2016 của Công ty.   |
| 4   | 16/2016/NQ/HĐQT-BVSC | 10/05/2016 | - Phê duyệt kết quả hoạt động kinh doanh Quý I/2016;<br>- rà soát các nội dung liên quan đến công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt;<br>- Phê duyệt Danh mục những nội dung chủ yếu Hợp đồng/Giao dịch với người nội bộ và Người có liên quan của BVSC. |
| 5   | 19/2016/NQ/HĐQT-BVSC | 12/05/2016 | - Bầu ông Đậu Minh Lâm giữ chức vụ Chủ   |

| Stt | Số Nghị quyết        | Ngày       | Nội dung   |
|-----|----------------------|------------|--|
|     |                      |            | tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Bảo Việt nhiệm kỳ 2015 – 2020.  |
| 6   | 23/2016/NQ/HĐQT-BVSC | 23/08/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua chủ trương việc rà soát và tái cơ cấu mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của chi nhánh và các khối nghiệp vụ của BVSC;</li> <li>- Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm;</li> <li>- Định hướng triển khai các công việc kinh doanh đối với chứng khoán phái sinh và covered warrant;</li> <li>- Phân công công việc trong HĐQT và triển khai định hướng hoạt động của HĐQT năm 2016;</li> <li>- Về kế hoạch tăng vốn, các giải pháp hợp tác triển khai cho vay chứng khoán theo TT 07/2016/TT-BTC, phát hành trái phiếu, quản trị rủi ro, truyền thông thương hiệu;</li> <li>- Miễn nhiệm và bổ nhiệm Thư ký công ty.</li> </ul> |
| 7   | 29/2016/NQ-HĐQT/BVSC | 20/12/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Bảo Việt do CTCP Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng chào bán và thực hiện mua bán trái phiếu kỳ hạn với khách hàng;</li> <li>- Thay thế Quyết định số 26/2016/QĐ-HĐQT/BVSC ngày 07/12/2016.</li> </ul>  |
| 8   | 30/2016/NQ-HĐQT/BVSC | 20/12/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhận một số chỉ tiêu ước thực hiện năm 2016;</li> <li>- Ghi nhận về dự kiến và giải pháp kế hoạch</li> </ul>  |

| <b>Stt</b> | <b>Số Nghị quyết</b> | <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>   |
|------------|----------------------|-------------|---|
|            |                      |             | kinh doanh năm 2017;<br>- Ghi nhận về tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT BVSC. |

| <b>TT</b> | <b>Số Quyết định</b>   | <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>   |
|-----------|------------------------|-------------|---|
| 1         | 02/2016/QĐ/HĐQT-BVSC   | 29/01/2016  | - Ban hành hệ thống thang bảng lương cơ bản và quy định tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng đối với từng chức danh.   |
| 2         | 04/2016/QĐ/HĐQT-BVSC   | 22/03/2016  | - Phê duyệt phương án chuyển địa điểm và đổi tên Phòng giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ.   |
| 3         | 20/2016/QĐ/HĐQT-BVSC   | 12/07/2016  | - Về việc bổ nhiệm lại Phó.TGĐ Nguyễn Thị Thanh Thủy  |
| 4         | 21/2016/QĐ/HĐQT-BVSC   | 15/07/2016  | - Về việc thôi trả lương đối với thành viên HĐQT chuyên trách   |
| 5         | 24/2016/QĐ – HĐQT/BVSC | 03/10/2016  | - Về việc thay đổi địa điểm đặt Phòng Giao dịch Láng Hạ   |
| 6         | 25/2016/QĐ-HĐQT/BVSC   | 24/11/2016  | - Quyết định HĐQT về việc phê duyệt đầu tư vào quỹ mở Quỹ đầu tư cổ phiếu triển vọng Bảo Việt   |
| 7         | 26/2016/QĐ-HĐQT/BVSC   | 26/11/2016  | - Phê duyệt đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Bảo Việt do Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương chào bán và thực hiện mua bán trái phiếu kỳ hạn với khách hàng. |
| 8         | 27/2016/QĐ-HĐQT/BVSC   | 09/12/2016  | - Về việc thành lập PGD Trần Hưng Đạo   |
| 9         | 28/2016/QĐ-HĐQT/BVSC   | 09/12/2016  | - Về việc phê duyệt chủ trương, kế hoạch di dời văn phòng trụ sở chính  |
| 10        | 31/2016/QĐ-HĐQT/BVSC   | 27/12/2016  | - Quyết định HĐQT về việc phê duyệt đầu tư trái phiếu CTCP Tập đoàn Masan.  |

### **Các cuộc họp ủy ban ALCO và RMC**

Trong phân công nhiệm vụ của HĐQT, ông Phạm Ngọc Tú – thành viên HĐQT phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ - có của Công ty (ủy ban ALCO); Quản lý rủi ro. Trong năm 2016, ông Phạm Ngọc



Tú đã trực tiếp tham dự và chỉ đạo tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý rủi ro (RMC) và của ủy ban ALCO với các nội dung cụ thể như sau:

### Các cuộc họp của hội đồng quản lý rủi ro (RMC)

| STT | Ngày       | Nội dung   |
|-----|------------|--|
| 1   | 25/02/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá rủi ro quý 4/2015, nhận diện xu hướng rủi ro quý 1 và thảo luận giải pháp quản trị các rủi ro tiềm ẩn này</li> <li>Lập kế hoạch thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện diễn tập sự cố mất kết nối với Sở GD CK HN</li> <li>- Chính sửa cập nhật quy trình quản trị website bvsc.com.vn</li> <li>- Lịch họp của HĐQT năm 2016</li> </ul> </li> </ul>   |
| 2   | 02/06/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá rủi ro quý 1/2016, nhận diện xu hướng rủi ro quý 2 và thảo luận giải pháp quản trị các rủi ro tiềm ẩn này</li> <li>- Lên kế hoạch thực hiện đăng ký rủi ro tại các phòng nghiệp vụ</li> </ul>  |
| 3   | 26/8/2016  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá rủi ro quý 2/2016, nhận diện xu hướng rủi ro quý 3 và thảo luận giải pháp quản trị các rủi ro tiềm ẩn này</li> <li>- Báo cáo kết quả đăng ký rủi ro và thảo luận các rủi ro trọng yếu đã được đăng ký để tìm phương án quản trị tốt nhất</li> <li>- Trao đổi tìm các biện pháp mới để quản trị tốt hơn rủi ro thị trường/ rủi ro tín dụng trong hoạt động margin trước diễn biến khác thường của thị trường</li> </ul> |
| 4   | 15/11/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá rủi ro quý 3/2016, nhận diện xu hướng rủi ro quý 4 và thảo luận giải pháp quản trị các rủi ro tiềm ẩn này</li> <li>- Rà soát cập nhật chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro để trình HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2017</li> </ul>  |

### Các cuộc họp của ủy ban ALCO

| STT | Ngày      | Nội dung   |
|-----|-----------|--|
| 1   | 12/7/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về tình hình thực hiện khuyến nghị của Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt tại kỳ họp quý II và quý III năm 2015</li> </ul> |

|  |  |   |
|--|--|---|
|  |  | - Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ số KPIs 6 tháng đầu năm 2016; Phân tích các chỉ tiêu về Tài sản nợ - Tài sản có của BVSC. |
|--|--|---|

## 6. Ban kiểm soát

### 6.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát BVSC gồm 3 người được bầu từ ĐHĐCĐ thường niên 2015 với các thành viên như sau:

| STT | Thành viên BKS          | Chức vụ              | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Lý do miễn nhiệm/ bổ nhiệm |
|-----|-------------------------|----------------------|--|----------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Xuân Hòa     | Trưởng Ban Kiểm soát | Kể từ ngày 15/04/2015                    | Bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020 |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Thanh Vân | Thành viên           | Kể từ ngày 15/04/2015                    | Bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020 |
| 3   | Ông Hoàng Giang Bình    | Thành viên           | Kể từ ngày 15/04/2015                    | Bầu nhiệm kỳ mới 2015-2020 |

Trong năm 2016, Trưởng Ban kiểm soát thực hiện tham gia các chương trình đào tạo, Hội thảo chuyên ngành về quản trị công ty như sau:

- Hội thảo về quản trị tài chính: Asian Insurance CFO Summit do Asian Insurance Review và E&Y tổ chức ngày 25-27/05/2016 tại Bangkok, Thailand

## **6.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016**

Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 – 2017, BKS đã tổ chức các cuộc họp, thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến thông qua thư điện tử và thống nhất để thực hiện một số công việc như sau:

- Thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng năm 2016 của BVSC và đưa ra các kiến nghị đối với Ban Điều hành Công ty;

- Rà soát thư khuyến nghị của 01 nhà đầu tư/cổ đông về việc "công ty quan tâm lưu ý vấn đề an toàn thông tin, an toàn hệ thống" để phối hợp với Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban Điều hành đánh giá về an toàn thông tin, an toàn hệ thống và trả lời cho nhà đầu tư/cổ đông;

- Rà soát, thẩm định và thống nhất ý kiến đối với các Báo cáo Tài chính (BCTC) tổng hợp và BCTC trụ sở chính năm 2016 của BVSC theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam;

- Có ý kiến đối với BCTC tổng hợp và BCTC trụ sở chính năm 2016 của BVSC đã được kiểm toán bởi EY với mục đích tư vấn cho HDQT Công ty xem xét phê duyệt.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HDQT để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động của Công ty.

- Xem xét thư quản lý của Công ty Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam (EY) và theo dõi tình hình thực hiện của Công ty.

- Thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát theo định kỳ tình hình chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty, tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm tài chính 2016.

- Thực hiện giám sát HDQT và Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

- Kiến nghị HDQT, Ban Điều hành các biện pháp tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiến nghị HDQT, Ban Điều hành rà soát, tăng cường theo dõi, quản lý đối với các khoản công nợ của Công ty.

- Kiến nghị HDQT, Ban Điều hành tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ nhất là các quy định liên quan đến cho vay ký quỹ để tạo thuận lợi hơn nữa cho quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật.

### **6.3.Đánh giá của Ban Kiểm soát về hoạt động của Công ty trong năm 2016**

#### **6.3.1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty**

Trong năm 2016, mặc dù nền kinh tế Việt Nam duy trì đà hồi phục nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; hoạt động kinh doanh của BVSC chịu tác động từ các chính sách của Nhà nước về việc thắt chặt quản lý hoạt động cho vay ký quỹ cũng như sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, BVSC đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đặt ra những mục tiêu chiến lược và đề ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, đúng đắn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững, hướng tới thực hiện những mục tiêu hoạt động năm 2016 đã được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu năm 2016 đạt 294 tỷ đồng, tương đương 96,2% kế hoạch năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thông qua (314 tỷ đồng), tăng trưởng 2,28% so với năm 2015, trong đó hoạt động môi giới và doanh thu từ cho vay margin có sự tăng trưởng đáng kể.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 119 tỷ đồng, tương đương 97,7% kế hoạch năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thông qua (122 tỷ đồng).

- Lợi nhuận sau thuế đạt 101,7 tỷ đồng, tương đương 104,2% kế hoạch năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thông qua (97,6 tỷ đồng).

- Tổng tài sản năm 2016 đạt 1.855 tỷ đồng, tăng 188 tỷ đồng (tương đương 11%) so với năm 2015. Cơ cấu tài sản tài chính/tổng tài sản ở mức 98,03%, tăng nhẹ so với mức 97,94% cuối năm 2015. Cơ cấu tài sản ngắn hạn/tổng tài sản ở mức 72,35%, trong đó có sự dịch chuyển nhẹ từ ngắn hạn sang dài hạn của các tài sản tài chính.

- Tình hình tăng, giảm và cơ cấu vốn chủ sở hữu đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

| CHỈ TIÊU                                      | TẠI<br>31/12/2015 | THAY ĐỔI TRONG NĂM |              | TẠI<br>31/12/2016 |
|---|-------------------|--------------------|--------------|-------------------|
|   |                   | Tăng               | Giảm         |                   |
| 1. Vốn điều lệ đã góp                         | 722.339           | -                  | -            | 722.339           |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 610.253           | -                  | -            | 610.253           |
| 3. Cổ phiếu quỹ                               | (228)             | -                  | (269)        | (497)             |
| 4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ             | 18.809            | 5.085              | -            | 23.894            |
| 5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 18.809            | 5.085              | -            | 23.894            |
| 6. Lợi nhuận chưa phân phối                   | 80.758            | 87.520             | -            | 168.278           |
| <b>7. TỔNG CỘNG</b>                           | <b>1.450.740</b>  | <b>97.691</b>      | <b>(269)</b> | <b>1.548.162</b>  |

(Nguồn: Báo cáo Tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của BVSC)

- Tỷ lệ an toàn tài chính cũng như các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, tính thanh khoản đều ở mức cao.

- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

| STT | CHỈ TIÊU                                   | ĐVT    | NĂM 2016 | NĂM 2015 |
|-----|--|--------|----------|----------|
| 1   | Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng                 | %      | 678      | 735      |
| 2   | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán            |        |          |          |
| 2.1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn                  | Lần    | 4.37     | 6.38     |
| 3   | Chỉ tiêu cơ cấu về vốn                     |        |          |          |
| 3.1 | Hệ số nợ so với Tổng tài sản               | %      | 0.17     | 0.13     |
| 3.2 | Hệ số vốn chủ sở hữu so với Tổng nguồn vốn | %      | 83.4     | 87.0     |
| 4   | Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi              |        |          |          |
| 4.1 | ROE  | %      | 6.6      | 8.0      |
| 4.2 | ROA  | %      | 5.48     | 6.96     |
| 5   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                   | VNĐ/CP | 1.345    | 1.552    |

(Nguồn: Báo cáo Tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của BVSC)

### 6.3.2. Kết quả giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

Trong năm 2016, do có sự thay đổi về chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, Công ty đã thực hiện điều chỉnh cách thức trình bày BCTC, theo đó BCTC tổng hợp đã thực hiện điều chỉnh số liệu đầu kỳ cũng như trình bày chi tiết sự thay đổi tại các thuyết minh. Công ty cũng đồng thời lập BCTC trụ sở chính theo hướng dẫn tại Thông tư 155/2015/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, theo đó áp dụng việc lập BCTC cho riêng trụ sở chính và lập BCTC tổng hợp toàn công ty cho các đơn vị có chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Các BCTC bán niên và cả năm 2016 của BVSC đã được trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2016 theo đúng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam nói chung và đối với các công ty chứng khoán nói riêng. Các BCTC nói trên đã được soát xét/kiểm toán bởi EY và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Ban Kiểm soát thống nhất ý kiến với các kiểm toán viên độc lập là BCTC tổng hợp và BCTC trụ sở chính năm 2016 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp và trụ sở chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp và của trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

### **6.3.3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

#### **Về hoạt động của Hội đồng Quản trị**

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất theo quy định để triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều tuân thủ quy định tại quy chế làm việc của HĐQT. HĐQT đã bám sát thực tế hoạt động của Công ty để ban hành các Nghị quyết định hướng cho hoạt động điều hành.

- Ban Kiểm soát đã được HĐQT cung cấp các Nghị quyết, Biên bản của các cuộc họp HĐQT.

- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao với phương châm tuân thủ luật pháp và đặt lợi ích của Công ty lên hàng đầu nhằm đưa ra các quyết định kịp thời phục vụ hoạt động kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp luật.

- Các cuộc họp của HĐQT đều có đủ tỷ lệ các thành viên HĐQT tham dự. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT với mục tiêu đảm bảo lợi ích của Cổ đông và sự phát triển của Công ty.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan. HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ quản lý Công ty.

- HĐQT Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin định kỳ, đột xuất (nếu có) theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và của Pháp luật.

- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT.

#### **Về hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

Qua Công tác giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Các thành viên Ban Điều hành Công ty (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

- Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, định kỳ hàng tháng Ban Điều hành Công ty đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng tiếp theo báo cáo HĐQT.

- Ban Điều hành đã thực hiện cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

- Ban Điều hành đã thực hiện việc công bố định kỳ, đột xuất các thông tin quản trị, thông tin tài chính và các thông tin khác trong việc điều hành, quản lý Công ty theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và của Pháp luật.

- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành của Ban Điều hành Công ty.

#### **6.3.4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông**

Giữa BKS, HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông, Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

Đối với cổ đông: Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ 2016 – 2017, BKS chưa nhận được đơn thư khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 8 của BVSC.

#### **6.4. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS và từng Kiểm soát viên năm 2016**

- Thù lao của BKS năm 2016: Trong năm 2016, BKS nhận thù lao cho từng thành viên (trước thuế TNCN) với chi tiết như sau:

- Trường BKS: 5 triệu đồng/người/tháng
  - Các Kiểm soát viên: 4 triệu đồng/người/tháng
- Chi phí hoạt động của BKS năm 2016: Tuân thủ quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

#### **6.5. Các hoạt động khác của BKS (nếu có): không có**

#### **6.7. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2017 - 2018**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 8 của BVSC và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2016 - 2017 như sau:

- Tổ chức giám sát việc thực hiện Thư quản lý năm 2016 của Kiểm toán độc lập;
- Thực hiện kiểm soát định kỳ, tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện chức năng giám sát công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Điều hành;
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định.

### **7. KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

Là tuyến phòng thủ thứ 3 trong hệ thống quản trị rủi ro tại BVSC, Kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Hội đồng



quản trị. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ Công ty.

Năm 2016 Kiểm toán nội bộ đã thực hiện **07 cuộc kiểm toán**, tăng 3 cuộc kiểm toán so với năm 2015 đồng thời thực hiện duy trì hoạt động hậu kiểm cho các kỳ kiểm toán trước. Ngoài các nghiệp vụ trọng yếu phải kiểm toán như: Kiểm toán hoạt động môi giới, Kiểm toán hoạt động lưu ký, Kiểm toán hệ thống công nghệ thông tin và Kiểm toán hoạt động đầu tư thì trong năm 2016 Kiểm toán nội bộ cũng tổ chức kiểm toán hoạt động của phòng Kế toán, phòng Tổng hợp liên quan hoạt động chi tiêu nội bộ và mua sắm và quản lý tài sản cố định tại Công ty.

Kết quả kiểm toán trong năm 2016 và công tác hậu kiểm cho thấy các nghiệp vụ mà Kiểm toán nội bộ thực hiện đều tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của BVSC. Các phát hiện kiểm toán trong năm 2015 đều không phát sinh lại trong năm 2016. Các phát hiện kiểm toán (nếu có) đều được khắc phục chỉnh sửa ngay sau khi có ý kiến của kiểm toán nội bộ

Trong năm 2017, ngoài việc hoàn thành công việc theo đúng kế hoạch năm đã trình HĐQT Kiểm toán nội bộ liên tục cập nhật và nhận diện những rủi ro mới tiềm tàng có thể phát sinh trong quá trình hoạt động. Tiếp tục nghiên cứu và tiếp cận các phần mềm Kiểm toán nội bộ phù hợp với đặc thù và văn hóa quản trị của BVSC nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm toán nội bộ.

#### **Các quy trình, quy chế đã được kiểm toán trong năm:**

| <b>STT</b> | <b>Đối tượng kiểm toán</b> | <b>Nội dung được kiểm toán</b>  |
|------------|----------------------------|---|
| 1          | Phòng Tổng hợp             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quy trình quản lý môi giới</li><li>- Quy trình đầu tư, mua sắm và quản lý tài sản tại BVSC</li></ul>  |
| 2          | Phòng CNTT                 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quy trình vận hành hệ thống CNTT</li><li>- Quy trình cập nhật hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán tại BVSC</li><li>- Quyết định 525/ QĐ-SGDHN v/v Quy định về hạ tầng CNTT kết nối đến Sở</li></ul> |
| 3          | Phòng Đầu tư               | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quy chế đầu tư do HĐQT ban hành</li><li>- Quy trình đầu tư do TGD BVSC ban hành</li></ul>   |
| 4          | Phòng Lưu ký               | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quy trình lưu ký nghiệp vụ giao dịch tiền</li><li>- Quy trình chuyển khoản trực tuyến</li></ul>   |

|   |                 |   |
|---|-----------------|---|
| 5 | Phòng Giao dịch | - Quy trình giao dịch chứng khoán   |
| 6 | Phòng PC& KSNB  | - Quy trình Kiểm soát và lưu trữ hồ sơ GDCK khách hàng                                    |
| 7 | Phòng Kế toán   | - Quy chế chi tiêu nội bộ BVSC<br>- Quy trình đầu tư, mua sắm và quản lý tài sản tại BVSC |

## 8. QUẢN TRỊ RỦI RO

### 8.1. Các rủi ro và biện pháp Quản trị rủi ro tại BVSC

Có 6 rủi ro chính được nhận diện và quản trị bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng và rủi ro pháp lý.

#### 1) Rủi ro tín dụng

Đây là rủi ro được nhận diện có nguyên nhân gây ra những tổn thất/thiệt hại nếu đối tác của BVSC không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chi trả hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian đã quy định. Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ.

Để phòng ngừa, đối với hoạt động tiền gửi có kỳ hạn, BVSC tuân thủ nguyên tắc hạn mức tín dụng gửi tiền theo chính sách và hạn mức Tập đoàn Bảo Việt. Ngoài ra, BVSC chỉ thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng tốt.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do Hội đồng quản trị quy định. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, trái phiếu doanh nghiệp được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và công ty đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro thanh toán của Tổ chức phát hành (trái chủ).

Đối với hoạt động giao dịch ký quỹ, Công ty tiếp tục duy trì các chính sách quản trị đã được chứng minh là hiệu quả sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng.

- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 637/2011/QĐ-UBCK ngày 30/08/2011 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về Giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán.

- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn và tuân thủ công tác gọi bổ sung ký quỹ.

## **2) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi BVSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, chi trả cho khách hàng.

Với BVSC thì đây là rủi ro được đánh giá ở mức độ rất thấp do Công ty thực hiện việc quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư. Nếu tiêu chí An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của Công ty chứng khoán thì tại BVSC trong năm 2016, tỷ lệ này đạt mức 586%, vượt xa tỷ lệ quy định của UBCK là 180%.

## **3) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản hay trách nhiệm của BVSC theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường xuất phát từ những khoản đầu tư mà lợi nhuận từ khoản đầu tư đó không được như kỳ vọng ban đầu do những biến động của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro liên quan đến biến động về giá cổ phiếu, lãi suất tiền gửi.

### *a) Rủi ro giá cổ phiếu*

Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng danh mục đầu tư cổ phiếu. Bên cạnh tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức đầu tư thì Công ty còn chú trọng vào phân tích các yếu tố cơ bản và kỹ thuật khác khi lựa chọn cổ phiếu đầu tư.

Công cụ đánh giá rủi ro mà BVSC sử dụng là phân tích kịch bản (scenario analysis). Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường khác nhau, danh mục đầu tư cổ phiếu được đánh giá, lượng hóa những mức độ của rủi ro thị trường cũng như sự tác động của những rủi ro này tới kết quả kinh doanh của công ty một cách chủ động định kỳ.

*b) Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, để nhằm giảm tác động của biến động lãi suất lên danh mục tiền gửi thì trong năm 2016 Công ty đã chủ động cơ cấu lại thời hạn tiền gửi cho các khoản đầu tư này. Kết quả là năm 2016, công ty không gặp phải sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch cũng như kết quả đầu tư.

**4) Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất có nguyên nhân từ quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty vận hành không đúng, cố tình làm sai hoặc do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài đem lại.

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 4 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ.

*a) Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính*

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban lãnh đạo công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là một công ty đại chúng, BVSC có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.

Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong 4 công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức hậu kiểm báo cáo thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán tại BVSC. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán (FLEX); phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

*b) Rủi ro con người*

Rủi ro này tại BVSC được đánh giá là ở mức thấp do Công ty đã có một quá trình hoạt động lâu dài và xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn – đào tạo – huấn luyện và kiểm soát đánh giá

công việc chặt chẽ. Bên cạnh đó, từ năm 2008 Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định tại Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Do đó, cán bộ làm việc tại BVSC ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc thì việc tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp được ưu tiên hàng đầu.

*c) Rủi ro quy trình/ thủ tục*

Rủi ro quy trình/ thủ tục là một trong những rủi ro mà công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Nhận diện rủi ro này nên khi bắt đầu triển khai bất kỳ một hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành quy trình hướng dẫn tác nghiệp, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành đúng theo quy trình đề ra. Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, bộ phận Kiểm soát nội bộ của công ty tổ chức các cuộc rà soát, kiểm tra tuân thủ định kỳ để đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình với thực tiễn công việc, đồng thời phân tích khả năng xảy ra rủi ro từ đó có thể hoàn thiện quy trình tốt hơn, phù hợp với các quy định của Pháp luật và quy chế, chính sách của Công ty.

*d) Rủi ro hệ thống công nghệ*

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Tại BVSC, rủi ro này được đánh giá ở mức độ trung bình thấp bởi được quản trị qua những chính sách cụ thể như quy trình vận hành hệ thống và xử lý sự cố. Thêm vào đó, BVSC còn xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính tiên lục và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống. Hệ thống máy chủ, cơ sở dữ liệu của BVSC được đặt tại trung tâm dữ liệu của Tập đoàn Bảo Việt, đạt chuẩn TIER2 của quốc tế. Ngoài ra, định kỳ công ty thực hiện đánh giá các sự kiện để phân tích, dự đoán các rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, từ đó có phương án quản trị rủi ro những tiềm ẩn đó.

Ở cấp độ là người sử dụng các phần mềm nghiệp vụ, công ty ban hành chính sách phân quyền chặt chẽ và phù hợp theo nhiệm vụ của từng phòng, cá nhân sử dụng với mục tiêu giảm thiểu các rủi ro gây nên bởi sai sót trong tác nghiệp hoặc vượt quyền sử dụng một cách vô tình hoặc cố ý.

## **5. Rủi ro danh tiếng**

Rủi ro danh tiếng là rủi ro xảy ra khi Công ty gặp phải những tác động bên ngoài hoặc bên trong gây tổn hại đến hình ảnh, thương hiệu. Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại BVSC. Mặc dù vậy, Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối

quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác. Công ty xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty.

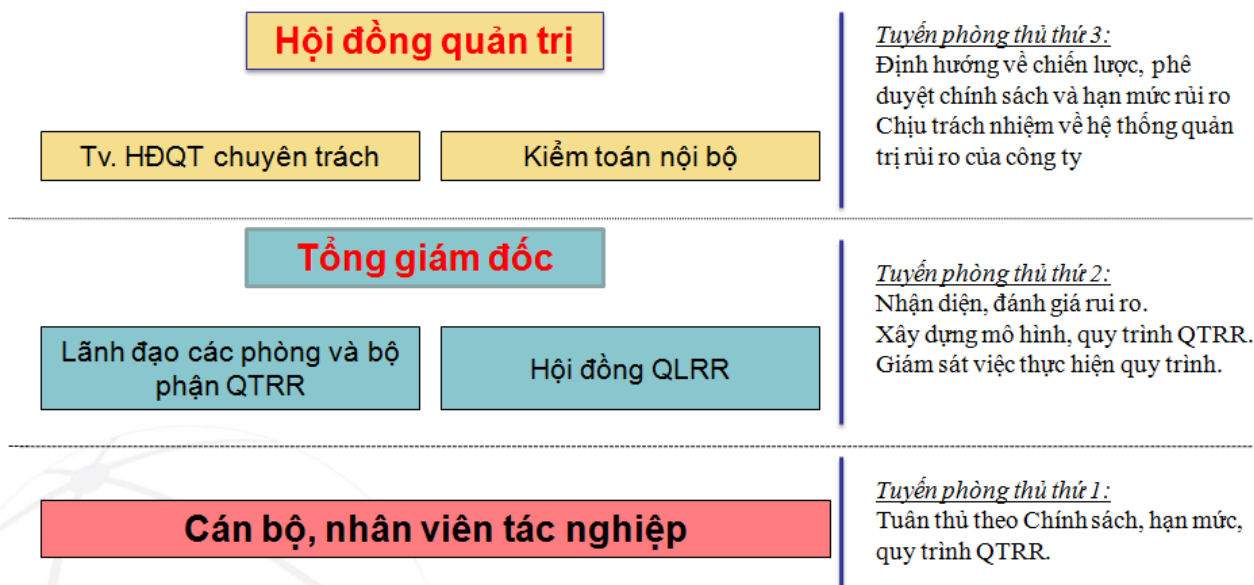
## 6. Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý được nhận diện là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. BVSC triển khai công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí từ lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên thực hiện. Công ty đã thành lập Phòng Pháp chế với nhân sự có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong công ty hay các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tính tuân thủ pháp luật hiện hành nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong công ty, từ đó mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.

### Hệ thống QTRR tại BVSC được tóm lược như mô hình sau:



**Với 3 tuyến phòng thủ xuyên suốt, công tác QTRR được thực thi cẩn trọng và có tính nhất quán cao**

## **8.2.Đánh giá hoạt động Quản trị rủi ro trong năm 2016 và định hướng 2017**

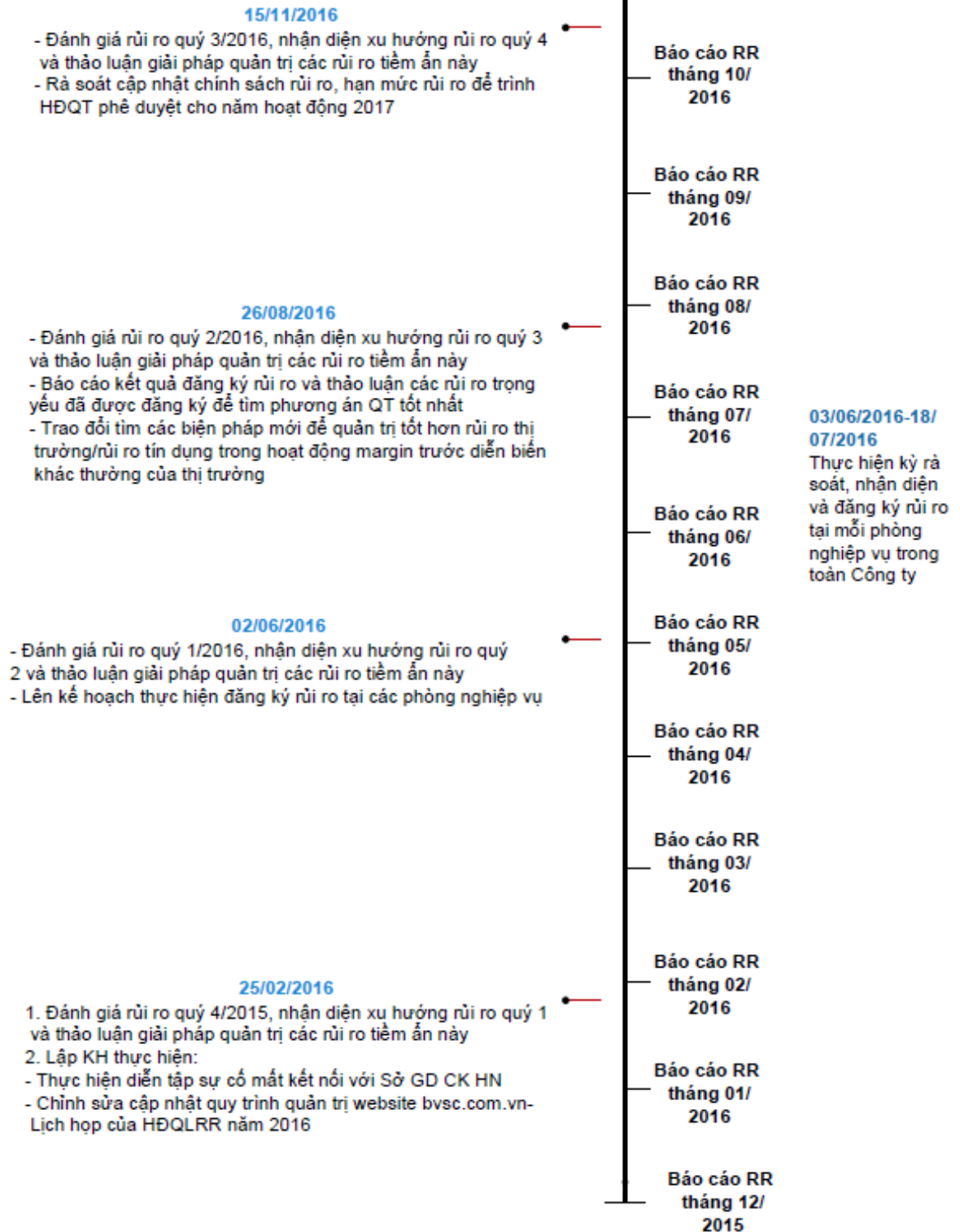
Với nền tảng hệ thống chính sách, quy trình QTRR đã được chuẩn hóa, công tác QTRR tại BVSC trong năm 2016 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả tốt trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro tại các phòng ban nghiệp vụ của công ty.

Bộ phận QTRR đã tổ chức và thực hiện các hoạt động:

- Cập nhật chính sách và hạn mức rủi ro phù hợp với các thay đổi trong chính sách của HĐQT và công tác điều hành của Ban TGD.
- Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ tổ chức đánh giá và nhận diện rủi ro tại từng phòng ban nghiệp vụ trong toàn công ty.
- Định kỳ hàng quý, tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản lý rủi ro, qua đó thông báo và cập nhật trạng thái của những rủi ro trọng yếu tại công ty như: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động... Các rủi ro này đã được các thành viên của HĐ trao đổi, phân tích và đưa ra các biện pháp quản trị kịp thời, hiệu quả. (Xem thêm nội dung họp RMC tại trang 40 báo cáo này)
- Hàng tháng, BP QTRR gửi báo cáo rủi ro tới Ban TGD để báo cáo về các sự kiện rủi ro chính đã xảy ra trong tháng. Đồng thời báo cáo còn cập nhật tiến độ thực hiện biện pháp quản trị đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp quý trước đó, đảm bảo các rủi ro đã được hướng dẫn xử lý phù hợp và kịp thời.
- Liên tục rà soát và thực hiện các cảnh báo về rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường đối với hoạt động cho vay ký quỹ.
- Rà soát mô hình định giá áp dụng tại Phòng Phân tích và Phòng Tư vấn để đảm bảo các mô hình được sử dụng phù hợp, ngăn ngừa rủi ro tiềm ẩn từ việc áp dụng sai mô hình có thể gây nên.

### **Biểu đồ tần suất báo cáo đánh giá rủi ro và lịch họp RMC**

## Các kỳ họp của Hội đồng quản lý rủi ro năm 2016





Trong năm 2017, bộ phận QTRR sẽ triển khai Chính sách QTRR đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2017. Tiếp tục thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban TGD. Tham gia các khóa đào tạo và nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới để sớm đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, đề xuất xây dựng chốt chặn rủi ro, hạn mức rủi ro cho sản phẩm dịch vụ mới này khi công ty triển khai.

## **9. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Việc chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty tuân thủ theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/05/2016 của Đại hội đồng Cổ đông 2016 với mức chi trả cụ thể như sau:

### **Thù lao của Hội đồng Quản trị, BKS và Thư ký Công ty năm 2016**

| STT | Chức danh                | Hình thức làm việc |            | Mức thù lao                       |
|-----|--------------------------|--------------------|------------|-----------------------------------|
|     |                          | Chuyên trách       | Kiểm nhiệm |                                   |
| 1   | Chủ tịch HĐQT            |                    | X          | 7.000.000đ/người/tháng            |
| 3   | Thành viên HĐQT          |                    | X          | 5.000.000đ/người/tháng            |
| 4   | Thành viên HĐQT          | X                  |            | Hưởng lương theo quy định Công ty |
| 5   | Trưởng Ban kiểm soát     |                    | X          | 5.000.000đ/người/tháng            |
| 6   | Thành viên Ban kiểm soát |                    | X          | 4.000.000đ/người/tháng            |
| 7   | Thư ký Công ty           |                    | x          | 4.000.000đ/người/tháng            |

### **Các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty**

- **Chế độ tiền thưởng:** Ngoài chế độ thù lao theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông phê duyệt nêu trên, trong năm 2016 các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty còn được nhận thưởng từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty là 430.000.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2015.
- **Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác:**

- Đối với các thành viên kiêm nhiệm và không tham gia điều hành tại BVSC: hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định tại đơn vị thành viên công tác.
  - Đối với thành viên chuyên trách và thành viên HĐQT điều hành: được thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, được tham gia chương trình bảo hiểm sức khỏe toàn diện và bảo hiểm nhân thọ theo chính sách chung của BVSC.
- **Chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm:**
- Đối với các thành viên kiêm nhiệm và không tham gia điều hành tại BVSC: hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm theo quy định tại đơn vị thành viên công tác.
  - Đối với thành viên chuyên trách và thành viên HĐQT điều hành: được khám sức khỏe định kỳ hàng năm theo chính sách chung của BVSC.
- **Chế độ sử dụng ô tô:** Được chế độ sử dụng xe Công ty và được trang bị thẻ taxi.
- **Chế độ sử dụng điện thoại:** Đối với thành viên HĐQT chuyên trách và thành viên HĐQT điều hành được thanh toán chi phí sử dụng điện thoại theo quy định chung của BVSC.

**Tổng mức thù lao và thu nhập đã chi trả trong năm 2016 đối với HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty:** 1.632.983.446 đồng

*(Mức thù lao chi trả và thu nhập của HĐQT, Ban Kiểm soát, và Thư ký Công ty bao gồm thù lao trong năm 2016, thưởng năm 2015 từ nguồn quỹ khen thưởng và bao gồm cả mức thu nhập chi trả cho thành viên HĐQT chuyên trách từ quỹ lương công ty)*

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc năm 2016:** 5.283.266.750 đồng

**Thu nhập của các cán bộ quản lý (không bao gồm Ban TGD) năm 2016:** 27.949.426.506 đồng

*(Mức thu nhập Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm tiền lương phát sinh trong năm 2016, tiền thưởng hiệu quả của 2 năm 2015 và 2016)*

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** không có

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Vui lòng tham khảo tại mục 21 – Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm tại Báo cáo này.

*Ngoài ra, chúng tôi đã thực hiện công bố Danh sách người có liên quan của BVSC và giao dịch giữa BVSC với cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người có liên quan của người nội bộ trong năm 2016 tại Báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết ngày 24/1/2017 gửi UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh, báo cáo hiện đang lưu trữ tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website Công ty.*

**Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** Trong năm 2016, Công ty tiếp tục tuân thủ tốt các quy định về quản trị theo đúng Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Thông tư số 210/2012/TT-BTC và Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của TT210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về tổ chức, hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trên cơ sở đó, Công ty đã rà soát Điều lệ công ty nhằm cập nhật các quy định pháp luật mới và bản Điều lệ này đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tháng 5/2016 của Công ty và chỉnh sửa các quy trình, quy chế nghiệp vụ có liên quan để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

### **\*\*\* ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP THEO QUY CHẾ CAMEL**

Khi thực hiện phân tích các tiêu chí dưới góc độ quản trị Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán), nhóm chỉ tiêu quản trị của BVSC đạt **89,8/100** điểm cho thấy Công ty có một hệ thống quản trị tiên tiến và vững mạnh.

*(Tham khảo Phụ lục I – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL)*

## CHƯƠNG III – BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

### 1. TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2016

#### Nền Kinh tế

##### Yếu tố thuận lợi trong năm 2016

- **Hoạt động sản xuất liên tục mở rộng.** Hoạt động sản xuất của Việt Nam có diễn biến tích cực trong cả năm 2016 khi chỉ số PMI liên tục duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong cả 12 tháng. Đáng chú ý, chỉ số này đạt đỉnh tại 54 điểm vào tháng 11 – mức cao nhất trong vòng 18 tháng qua. Ba chỉ số phụ quan trọng của PMI là số đơn đặt hàng mới, sản lượng và việc làm đều có sự khởi sắc rõ rệt qua từng tháng.
- **Thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào, mặt bằng lãi suất cho vay tương đối ổn định.** Thanh khoản hệ thống ngân hàng ở trạng thái khá dồi dào trong phần lớn thời gian của năm 2016. Biểu hiện rõ nhất của hiện tượng này là lãi suất liên ngân hàng xuống mức thấp kỷ lục. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất cho vay cũng diễn biến tương đối ổn định (một số thời điểm có điều chỉnh giảm nhẹ). Nợ xấu trong toàn hệ thống tiếp tục xu hướng giảm, chỉ còn 2,46% vào thời điểm 30/11/2016 so với mức 2,72% của một năm trước đó.
- **Tỷ giá tương đối ổn định.** Trong phần lớn thời gian của năm 2016, tỷ giá USD/VND có diễn biến tương đối ổn định, ngoại trừ một vài thời điểm có dấu hiệu tăng nóng sau các sự kiện “Brexit” và ông Donald Trump đắc cử Tổng thống Mỹ. Số liệu vào thời điểm 31/12/2016 cho thấy tỷ giá trung tâm và tỷ giá liên ngân hàng của VND theo USD đều giảm 1,2% so với thời điểm đầu năm.

##### Tồn tại thách thức trong năm 2016

- **Tăng trưởng GDP thấp hơn kỳ vọng.** Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 đạt 6,21%. Trong đó, quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%; quý IV tăng 6,68%. Mức tăng trên thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng từ 6,3-6,5% mà Chính phủ đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do khu vực nông lâm thủy sản tăng trưởng thấp và ngành khai khoáng sụt giảm so với năm 2015.
- **Chỉ số lạm phát toàn phần tăng nhanh.** Chỉ số lạm phát toàn phần tính đến cuối tháng 12/2016 tăng 4,74% YoY. Trong năm 2016, với lộ trình điều chỉnh giá hai nhóm hàng do Nhà nước quản lý là giáo dục và y tế, mức tăng của chỉ số CPI toàn phần đã bị ảnh hưởng mạnh từ diễn biến tăng của hai

nhóm hàng này. Ước tính riêng hai nhóm hàng y tế và giáo dục đã đóng góp tới 3,3% trong tổng mức tăng chung 4,74% của chỉ số CPI toàn phần năm 2016.

- **Tăng trưởng xuất khẩu ở mức tương đối thấp.** Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2016 ước đạt 176 tỷ USD tăng 8,6% YoY. Mặc dù có sự cải thiện nhẹ so với năm 2015 nhưng tốc độ tăng của xuất khẩu trong năm 2016 vẫn ở mức khá thấp trong vòng 6 năm qua, thể hiện sự khó khăn của kinh tế thế giới vẫn đang có những tác động tiêu cực nhất định tới xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt ở khía cạnh giá các mặt hàng nguyên liệu thô và nông sản.

## **Thị trường Chứng khoán**

### ***Yếu tố thuận lợi trong năm 2016***

- **Năm 2016 đánh dấu một năm tăng trưởng vượt bậc của chỉ số Vnindex**, khi lần đầu tiên bút lên trên kênh giá đi ngang được hình thành trong 2 năm 2014, 2015 (vùng điểm 510-640) và giao dịch ổn định quanh mức 660-680 điểm trong phần lớn thời gian nửa cuối năm.
- **Các nhóm ngành ở top đầu (theo phân ngành ICB) có mức tăng trưởng vượt bậc.** Tăng trưởng nổi bật nhất thuộc về 2 nhóm thép (+156%) và dược (+72%). Trong đó, cổ phiếu thép tăng trưởng trên diện rộng ở hầu hết các mã trong ngành nhờ sự cải thiện ở kết quả kinh doanh, cũng như các tác động tích cực từ việc thay đổi chính sách thuế bảo hộ; ngành dược bên cạnh sự tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, còn đến từ kỳ vọng mở room ngoại ở các doanh nghiệp trong ngành.
- **Đây cũng là năm có nhiều sự kiện quan trọng diễn ra** như việc bán vốn nhà nước ở VNM, mở room ngoại, các doanh nghiệp lớn lên sàn như SAB, BHN và việc ra mắt chỉ số chung VNX-Allshare... Những sự kiện này thể hiện những bước tiến vững chắc của TTCK Việt Nam trên con đường phát triển và hội nhập. Trên thực tế, đây cũng được xem là một yếu tố có tác động trực tiếp và tạo động lực cho đà tăng trưởng của VnIndex trong năm 2016.

### ***Khó khăn, thách thức trong năm 2016***

*Mặc dù có sự tăng trưởng về chỉ số chứng khoán VNIndex và một số nhân tố thuận lợi nêu trên, tuy nhiên trong năm 2016 thị trường vẫn bộc lộ tính dễ tổn thương trong một vài giai đoạn và tồn tại khá nhiều khó khăn và thách thức.*

- **Thị trường có diễn biến phân hóa** với tăng trưởng tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ diễn biến không thực sự tích cực. Tính riêng 5 mã cổ phiếu có tác động tích cực nhất đến chỉ số Vnindex (GAS, ROS, SAB, VNM, VIC) đã giúp chỉ số này tăng hơn

105 điểm. Bên cạnh đó, Thị trường xuất hiện nhiều cổ phiếu có điều kiện tạo thanh khoản làm cho rủi ro margin của các công ty chứng khoán cao hơn.

- **Trong một vài giai đoạn, thị trường vẫn bộc lộ tính “dễ tổn thương”** (có thể quan sát ở nhịp giảm điểm đầu năm) do chịu tác động từ các yếu tố ngoại biên như động thái tăng lãi suất của FED, giá dầu giảm, TTCK toàn cầu điều chỉnh mạnh... bất chấp nền kinh tế trong nước tăng trưởng ổn định, KQKD của các doanh nghiệp trên cả 2 sàn đạt mức tăng trưởng cao.
- **Khối nhà đầu tư nước ngoài lần đầu tiên có năm bán ròng kể từ 2006 đến nay** với giá trị bán tập trung ở HoSE trong khi vẫn mua ròng nhẹ trên HNX. Cụ thể, khối ngoại mua vào 89,1 nghìn tỷ và bán ra 97,1 nghìn tỷ trên sàn HOSE, giá trị bán ròng đạt hơn 7,9 nghìn tỷ đồng, nhiều hơn giá trị mua ròng của 2 năm 2014 và 2015 cộng lại.

## 2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 2.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động của Công ty năm 2016

#### 2.1.1. Về triển khai nhiệm vụ kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016

Tại phiên họp ngày 12/05/2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh cho Công ty với tổng doanh thu mục tiêu là 314 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 122 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế kế hoạch là 97,6 tỷ đồng. Với nhiệm vụ này, Hội đồng quản trị đã lãnh đạo Công ty khắc phục những điều kiện bất lợi của Thị trường, nỗ lực triển khai các giải pháp kinh doanh đồng bộ để hoàn thành các mục tiêu được giao.

| Chỉ tiêu                       | Thực hiện 2016<br>(tỷ đồng) | % so với kế hoạch<br>(%) |
|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu & thu nhập khác | 294,15                      | 93.7%                    |
| Tổng chi phí                   | 174,1                       | 90.4%                    |
| Lợi nhuận trước thuế           | 119,3                       | 97,8%                    |

|                    |        |        |
|--------------------|--------|--------|
| Lợi nhuận sau thuế | 101,71 | 104.2% |
|--------------------|--------|--------|

Như vậy, trong điều kiện thị trường gặp nhiều khó khăn, với kết quả này HĐQT đánh giá đã lãnh đạo Công ty nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2016, đạt 104.2% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

**2.1.2. Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc chỉ đạo Công ty tập trung triển khai các mảng hoạt động sau:**

- *Xây dựng chi tiết chiến lược hoạt động 05 năm giai đoạn 2016-2020:* HĐQT đã chỉ đạo và đôn đốc Ban TGD trực tiếp rà soát và xây dựng chi tiết chiến lược hoạt động của Công ty theo nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 cho giai đoạn 5 năm tiếp theo 2016-2020.
- *Chỉ đạo xây dựng kế hoạch huy động vốn của Công ty:* HĐQT chỉ đạo Công ty nghiên cứu xây dựng kế hoạch huy động vốn phù hợp với mục tiêu phát triển giai đoạn 2016-2020, bám sát lộ trình chuẩn bị cho hoạt động của thị trường chứng khoán phái sinh và giao dịch chứng khoán trong ngày theo quy định pháp luật hiện hành.
- *Chỉ đạo công tác chuẩn bị cho thị trường chứng khoán phái sinh:* HĐQT ghi nhận các báo cáo và định hướng triển khai các công việc kinh doanh đối với chứng khoán phái sinh và covered warrant của Công ty. HĐQT định hướng chỉ đạo Công ty nghiên cứu để chuẩn bị hạ tầng phần cứng và phần mềm về công nghệ thông tin để chuẩn bị đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho việc tham gia TTCK phái sinh.
- *Thông qua chủ trương tái cơ cấu mô hình tổ chức phù hợp với chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020:* HĐQT thông qua về mặt chủ trương việc rà soát và tái cơ cấu mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Chi nhánh và các Khối nghiệp vụ của BVSC; HĐQT chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục hoàn thiện dự thảo mô hình tổ chức, xây dựng phương án, lộ trình thực hiện cụ thể, phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển, mở rộng của BVSC theo từng thời kỳ để báo cáo HĐQT xem xét quyết định.
- *Quản trị rủi ro, truyền thông thương hiệu:* HĐQT đã chỉ đạo Công ty xây dựng các kế hoạch phòng ngừa khủng hoảng truyền thông theo nhiều kịch bản và giả định khác nhau, phù hợp thực

tiền đề triển khai áp dụng. HĐQT chỉ đạo Công ty chú trọng hơn nữa về công tác quản trị rủi ro, bảo mật và an toàn thông tin đối với hệ thống giao dịch của BVSC.

## **2.2.Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc**

Trong năm 2016, HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc dựa trên các mặt hoạt động sau:

- *Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ:* Trong quá trình hoạt động, Ban TGD đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi HĐQT. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch. Trong các kỳ họp HĐQT, HĐQT cũng đã yêu cầu Công ty tăng cường công tác Quản trị rủi ro trong những giai đoạn diễn biến thị trường phức tạp
- *Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết của HĐQT* tại các cuộc họp của HĐQT trong năm 2016. *(Chi tiết các nghị quyết và văn bản chỉ đạo xem thêm từ trang 37 tới trang 40 Báo cáo này*
- *Thông qua vai trò của Kiểm toán nội bộ:* Thông qua vai trò và chức năng nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ, HĐQT đã nắm bắt và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc ban Tổng Giám đốc, giám sát tính tuân thủ quy định pháp luật, các chính sách và quy trình nội bộ trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh tại Công ty.
- *Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát:* Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện 2 lần kiểm soát toàn bộ các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy định của pháp luật và phân công của HĐQT. HĐQT đã phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát, dưới sự giám sát hoạt động của Ban Kiểm soát để duy trì sự an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của BVSC.

Thông qua các mặt hoạt động trên, trong năm 2016, HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban TGD trong quá trình điều hành Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh được ĐHCĐ giao. Bên cạnh đó, trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo của HĐQT.



### **2.3.Về thù lao của HĐQT**

Trong năm 2016, HĐQT đã nhận thù lao tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 6 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016. *(Chi tiết việc chi trả thù lao HĐQT vui lòng xem thêm tại trang 58 - 59 Báo cáo này).*

### **2.4.Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017**

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2017 *(xem thêm tại chương IV từ trang 96 tới 100 Báo cáo này)*, HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 như sau:

**Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh 2017 để trình ĐHCĐ thông qua với các chỉ tiêu sau:**

- Tổng doanh thu: **324 tỷ đồng;**
- Lợi nhuận trước thuế: **128 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận sau thuế **102 tỷ đồng**

Định hướng kinh doanh trong năm 2017 tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh, trong đó tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới, tư vấn, hoạt động tự doanh và tăng cường quản trị rủi ro. HĐQT chỉ đạo Công ty chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai hiệu quả các sản phẩm phái sinh.

**Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc định hướng và chỉ đạo đối với các hoạt động sau:**

- Chỉ đạo Công ty tiếp tục bám sát những thay đổi từ thị trường, quy định pháp luật để chủ động điều chỉnh kế hoạch chiến lược hoạt động giai đoạn 2016-2020 phù hợp với điều kiện thị trường và định hướng phát triển của Công ty.
- Tập trung chỉ đạo Công ty xây dựng và triển khai kế hoạch huy động vốn (cổ phiếu, trái phiếu...) nhằm mục tiêu đáp ứng được nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh cũng như đáp ứng quy mô vốn tham gia thị trường phái sinh để tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Chỉ đạo Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tập trung xây dựng và triển khai các giải pháp phát triển Chi nhánh đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

- Tăng cường vai trò giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Công ty thông qua việc rà soát, sửa đổi và ban hành mới các quy chế hoạt động, phân cấp quản trị, chế độ báo cáo, thông qua việc phát huy vai trò của Kiểm toán nội bộ cũng như công tác phối hợp với Ban kiểm soát Công ty.

### **3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **3.1. Tình hình hoạt động trong năm 2016**

##### **3.1.1. Cơ hội và thách thức trong năm 2016**

Những nhân tố tích cực từ nền kinh tế và diễn biến thị trường chứng khoán cùng với những tồn tại trong năm như đã phân tích tại phần 1, Chương III Báo cáo này vừa là cơ hội vừa là thách thức với BVSC trong năm 2016. Sự ra đời của Thông tư 07/2016 của Bộ Tài Chính đã ảnh hưởng khá nhiều tới hoạt động kinh doanh của BVSC, trong khi gần như các CTCK thuộc các ngân hàng thương mại hoặc một số CTCK sẵn sàng chấp nhận mức độ rủi ro pháp lý cao gần như không bị ảnh hưởng. Mặt khác, thị trường diễn biến khá phức tạp trong năm 2016 với khá nhiều vụ việc thao túng giá chứng khoán, cùng với quá trình tái cấu trúc một cách mạnh mẽ khối các CTCK của Bộ Tài chính và UBCKNN một mặt có tác dụng tích cực tạo môi trường kinh doanh lành mạnh hơn nhưng cũng là thách thức không nhỏ giữa các công ty chứng khoán lớn khi mức độ cạnh tranh ở tất cả các mảng nghiệp vụ ngày càng tăng cao đòi hỏi các CTCK phải không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, tính chuyên nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh, giữ vững vị thế.

##### **3.1.2. Thuận lợi và khó khăn đối với BVSC**

BVSC có lợi thế là công ty chứng khoán có bề dày kinh nghiệm, thương hiệu uy tín, hoạt động ổn định, am hiểu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

Tuy nhiên, mạng lưới kinh doanh hiện tại còn khá mỏng, một số phòng Giao dịch mới được thành lập cũng gặp không ít khó khăn trong việc khai thác thị trường trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán. Bên cạnh đó, quy mô vốn của BVSC chỉ ở mức trung bình trong khi kế hoạch huy động vốn chưa được triển khai trong năm 2016 là những khó khăn thách thức đối với BVSC để có thể đẩy mạnh hoạt động môi giới, qua đó thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và thị phần môi giới cũng như các dịch vụ tài chính kèm theo.

##### **3.1.3. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh của BVSC trong năm 2016**

Tháng 05 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh cho Công ty với tổng doanh thu mục tiêu đạt 314 tỷ đồng, lợi nhuận trước và sau thuế dự kiến 122 và 97,6 tỷ đồng. Kế hoạch kinh doanh được xây dựng với kịch bản thị trường dự báo thanh khoản trung bình từ 2.800 – 3.000 tỷ đồng/phiên, chỉ số VNIndex dao động trong biên độ từ 610 - 650 điểm.

Kết thúc năm 2016, chỉ số VNI đóng cửa đạt 664,87 điểm, tăng 14,8% so với cùng kỳ, thanh khoản thị trường đạt 3044 tỷ đồng/ phiên, tăng 19,52% so với mức bình quân 2015 và tăng nhẹ 1,5% so với dự báo của Công ty.

Với nỗ lực và quyết tâm cao của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, kết thúc năm 2016 kết quả đạt được như sau:

*Đơn vị: triệu đồng*

| <b>STT</b> | <b>CHỈ TIÊU</b>       | <b>Kết quả 2016</b> | <b>Kế hoạch 2016</b> | <b>Tỷ lệ so với KH</b> | <b>Tỷ lệ so với cùng kỳ</b> |
|------------|-----------------------|---------------------|----------------------|------------------------|-----------------------------|
| 1          | <i>Tổng doanh thu</i> | <i>294,156</i>      | <i>314,000</i>       | <i>93,68%</i>          | <i>102,28%</i>              |
| 2          | <i>Tổng chi phí</i>   | <i>174,089</i>      | <i>192,000</i>       | <i>91,07%</i>          | <i>104,53%</i>              |
| 3          | <i>LN trước thuế</i>  | <i>119,306</i>      | <i>122,000</i>       | <i>97,80%</i>          | <i>99,16%</i>               |
| 4          | <i>LN sau thuế</i>    | <i>101,714</i>      | <i>97,600</i>        | <i>104,21%</i>         | <i>87,60%</i>               |

### 3.1.4. Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: triệu đồng

| CHỈ TIÊU  | Thực hiện cùng kỳ năm trước | Thực hiện năm 2016 | Kế hoạch năm 2016 | So sánh %                            |   |
|---|-----------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------------------|---|
|   |                             |                    |                   | Tỷ lệ thực hiện lũy kế so với KH năm | Tỷ lệ thực hiện so với thực hiện kỳ trước |
| <b>Doanh thu</b>  | <b>287,179</b>              | <b>294,156</b>     | <b>314,000</b>    | 93.7%                                | 102.4%                                    |
| <i>Trong đó:</i>  |                             |                    |                   |                                      |   |
| - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán  | 84,024                      | 99,887             | 110,000           | 90.8%                                | 118.9%                                    |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (thu từ đầu tư tài sản tài chính) | 53,175                      | 37,458             | 47,515            | 78.8%                                | 70.4%                                     |
| - Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán  | 1,028                       | 272                | 550               | 49.5%                                | 26.5%                                     |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính  | 9,491                       | 9,548              | 9,200             | 103.8%                               | 100.6%                                    |
| - Doanh thu lưu ký chứng khoán  | 3,694                       | 4,378              | 2,500             | 175.1%                               | 118.5%                                    |
| - Doanh thu từ các khoản cho vay, lãi tiền gửi                                      | 120,095                     | 136,975            | 134,355           | 101.9%                               | 114.1%                                    |
| - Doanh thu khác  | 15,672                      | 5,639              | 9,880             | 57.1%                                | 36.0%                                     |
| <b>Chi phí kinh doanh và chi phí QLDN</b>   | <b>(166,862)</b>            | <b>(174,089)</b>   | <b>(192,000)</b>  | <b>90.7%</b>                         | <b>104.3%</b>                             |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                      | <b>120,318</b>              | <b>120,066</b>     | <b>122,000</b>    | 98.4%                                | 99.8%                                     |
| Lợi nhuận/(lỗ) khác   | 7                           | (760)              | -                 |                                      |   |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>120,325</b>              | <b>119,306</b>     | <b>122,000</b>    | 97.8%                                | 99.2%                                     |

|   |                |                |               |        |        |
|---|----------------|----------------|---------------|--------|--------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành    | (4,219)        | (17,592)       | (24,400)      | 72.1%  | 416.9% |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>116,105</b> | <b>101,714</b> | <b>97,600</b> | 104.2% | 87.6%  |

## Về Doanh thu

Năm 2016, tổng doanh thu 2016 của Công ty đạt 294,2 tỷ đồng, bằng 93,7% so với kế hoạch và bằng 102,4% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù có tăng nhẹ so với cùng kỳ tuy nhiên doanh thu năm 2016 chưa đạt kết hoạch đề ra bởi các nguyên nhân như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chỉ đạt 90,8% so với kế hoạch: Đối với hoạt động môi giới, năm 2016 là một năm cố gắng nỗ lực không ngừng, mặc dù đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty trong ngành và do những hạn chế về quy mô vốn nhưng BVSC vẫn cố gắng bám sát mục tiêu, doanh thu đạt 99,9 tỷ đồng, hoàn thành 90,8% kế hoạch và tăng trưởng 18,9% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu môi giới tăng so với năm 2015 là do sự tăng trưởng của thị trường trong năm 2016 (so với cuối năm 2015, chỉ số Vnindex tăng +14,8% về điểm số và +25,7% về giá trị giao dịch trong khi mức tăng/giảm tương ứng của chỉ số Hnxindex lần lượt là +0,2% và -4% góp phần làm doanh số môi giới của BVSC tăng lên 18,9% so với cùng kỳ năm trước). Tuy nhiên, doanh thu môi giới không đạt được kỳ vọng của BVSC cũng do bị ảnh hưởng về nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu giao dịch ký quỹ (margin) của khách hàng. Tại thời điểm lập kế hoạch, Công ty đặt mục tiêu đạt 110 tỷ đồng doanh thu môi giới trên cơ sở hoạch định nguồn vốn tăng thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ và phát hành thêm trái phiếu. Do bị ảnh hưởng bởi kế hoạch tăng vốn chưa được triển khai đồng thời có sự thay đổi về mặt pháp lý khi Thông tư 07 của Bộ Tài chính ra đời đã làm ảnh hưởng tới nguồn vốn cho margin phục vụ khách hàng, vì vậy, doanh thu môi giới đã không đạt được theo như kỳ vọng.
- Doanh thu tự doanh (thu từ đầu tư tài sản tài chính) đạt 37,5 tỷ đồng, bằng 78,8% so với kế hoạch đặt ra là 47,5 tỷ đồng và bằng 70,4% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là: Nguồn vốn sử dụng cho hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ không đạt như dự kiến cũng do ảnh hưởng bởi kế hoạch tăng vốn dự kiến. Công ty giảm nguồn vốn đầu tư vào cổ phiếu để chuyển dịch sang hoạt động hỗ trợ khách hàng giao dịch, cho vay margin và ứng trước.
- Doanh thu tư vấn tài chính năm 2016 đạt 9,5 tỷ đồng, hoàn thành 103,8 % so với kế hoạch và tăng nhẹ 0,6 % so với cùng kỳ năm 2015. Để đạt được thành quả này là do Công ty đã bám sát với kế

hoạch, tận dụng các lợi thế của mình để thực hiện thành công nhiều hợp đồng tư vấn sáp nhập (M&A), tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp, thoái vốn...

- Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 4,4 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức 75,1% so với kế hoạch và tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng về doanh thu lưu ký một phần là do sự tăng trưởng từ hoạt động môi giới, chứng khoán giao dịch và lưu ký tại BVSC tăng so với năm trước; tiếp đó là do BVSC đẩy mạnh khai thác hoạt động quản lý sổ cổ đông, lưu ký chứng khoán chưa niêm yết.
- Doanh thu hoạt động vay margin, ứng trước, lãi đầu tư tiền gửi đã đạt 136,9 tỷ đồng, bằng 101,9% với kế hoạch và tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân có sự tăng trưởng này là do:

- + Công ty chủ động cơ cấu lại nguồn vốn, chuyển dịch vốn đầu tư chứng khoán tự doanh, tiền gửi có kỳ hạn sang cho hoạt động cho vay margin, ứng trước tiền bán chứng khoán, phục vụ khách hàng giao dịch chứng khoán

- + Với nguồn vốn kinh doanh hạn chế nhưng BVSC đã có những biện pháp quản trị vốn hợp lý, hiệu quả nên vòng quay ngắn hạn của vốn kinh doanh tăng cao (hiệu suất sử dụng vốn năm 2016 là 0,27 lần, tăng 0,02 so với năm 2015 là 0,25 lần), đảm bảo cho nhu cầu vay margin, ứng trước của khách hàng với mức lãi suất cạnh tranh trên thị trường (lãi suất cho vay margin 12,5%/năm, lãi suất cho vay ứng trước 12%/năm)

- + Đầu tư tiền gửi tại ngân hàng có hệ số tín nhiệm và lãi suất cao để thu lãi. Lãi suất tiền gửi bình quân năm đạt khoảng 6,0%

- Doanh thu khác đạt 5,6 tỷ đồng, giảm 43 % so với kế hoạch đề ra chủ yếu do giảm khoản phí quản lý tài sản cho vay giao dịch chứng khoán của các ngân hàng thương mại. (Do ảnh hưởng của thông tư 07/2016/TT-BTC, từ tháng 3/2016, công ty chứng khoán không được đảm bảo cho khoản vay của khách hàng với bên thứ ba, nên công ty không thu được phí từ dịch vụ quản lý tài sản như dự kiến). Đây là kết quả khả quan trong tình hình vốn kinh doanh của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh còn hạn chế, đóng góp không nhỏ vào kết quả kinh doanh năm 2016 của Công ty.

### **Về Chi phí**

Chi phí kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện trong năm là 174,1 tỷ đồng, chỉ bằng 90,4 % so với kế hoạch và tăng nhẹ 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Việc giảm chi phí so với kế hoạch là do:

- Chi phí kinh doanh trực tiếp giảm 33% so với kế hoạch, số thực hiện 27,3 tỷ đồng so với

số kế hoạch 41 tỷ đồng, chủ yếu là do khoản hoàn nhập dự phòng cổ phiếu tự doanh (do giá trị cổ phiếu tăng lên tại thời điểm kết thúc năm so với cùng kỳ năm trước, và do giá trị hoàn nhập các chứng khoán đã bán trong kỳ) làm cho tổng chi phí kinh doanh giảm đi.

- Chi phí quản lý, chi phí hoạt động thực hiện 146,7 tỷ đồng, bằng 97% so với số kế hoạch 150 tỷ đồng là do:

+ Chi phí tiền lương giảm so với kế hoạch do Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu môi giới đề ra nên quỹ lương cũng bị sụt giảm.

+ Công ty đã triển khai một số giải pháp nhằm kiểm soát chi phí một cách có hiệu quả.

#### Phân tích cơ cấu, tỷ trọng doanh thu:

| Chỉ tiêu   | Thực hiện 2015 | Tỷ trọng      | Thực hiện 2016 | Tỷ trọng      | % thay đổi  |
|--|----------------|---------------|----------------|---------------|-------------|
| - Doanh thu hoạt động môi giới CK  | 84,024         | 29.3%         | 99,887         | 34.0%         | 18.9%       |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn (thu từ đầu tư tài sản tài chính) | 53,175         | 18.5%         | 37,458         | 12.7%         | -29.6%      |
| - Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành CK, ủy thác đấu giá                 | 1,028          | 0.4%          | 272            | 0.1%          | -73.5%      |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính                                     | 9,491          | 3.3%          | 9,548          | 3.2%          | 0.6%        |
| - Doanh thu lưu ký chứng khoán   | 3,694          | 1.3%          | 4,378          | 1.5%          | 18.5%       |
| - Doanh thu từ cho vay và phải thu   | 120,095        | 41.8%         | 136,975        | 46.6%         | 14.1%       |
| - Doanh thu khác:  | 15,672         | 5.5%          | 5,639          | 1.9%          | -64.0%      |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>287,179</b> | <b>100.0%</b> | <b>294,156</b> | <b>100.0%</b> | <b>2.4%</b> |

- Doanh thu hoạt động môi giới đạt 99,9 tỷ đồng, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 34% trong tổng doanh thu. Đây là hoạt động quan trọng, đóng góp doanh thu lớn thứ 2 trong tổng doanh số của công ty.

- Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn (thu từ đầu tư tài sản tài chính) đạt 37,5 tỷ đồng, giảm 29,6% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 12,7% trong tổng doanh thu.

- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính đạt 9,5 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 3,2% trong tổng doanh thu.

- Doanh thu từ cho vay, thu lãi tiền gửi: bao gồm thu lãi hoạt động vay margin, ứng trước của khách hàng giao dịch chứng khoán, thu lãi từ các hợp đồng tiền gửi. Hoạt động này chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất của Công ty, đạt 137 tỷ đồng, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 46,6 % tổng doanh thu cả năm.

- Doanh thu từ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán đóng góp 4,7 tỷ đồng và chỉ chiếm 1,6% trong tổng doanh thu.

- Doanh thu khác bao gồm: phí quản lý tài sản, phí báo giá OTC, phí cung cấp báo cáo... Hoạt động này chiếm 1,9% và đóng góp 5,6 tỷ đồng vào tổng doanh thu..

#### Phân tích cơ cấu, tỷ trọng chi phí:

| Chỉ tiêu  | Thực hiện<br>2015 | Tỷ trọng     | Thực hiện<br>2016 | Tỷ trọng     | % thay<br>đổi |
|---|-------------------|--------------|-------------------|--------------|---------------|
| <b>I- Chi phí kinh doanh trực tiếp</b>                                    | <b>26,139</b>     | <b>15.7%</b> | <b>27,343</b>     | <b>15.7%</b> | <b>4.6%</b>   |
| 1. Chi phí hoạt động môi giới, lưu ký                                     | 22,850            | 13.7%        | 29,158            | 16.7%        | 27.6%         |
| 2. Lãi bán các TSTC   | 14,431            | 8.6%         | 13,632            | 7.8%         | -5.5%         |
| 3. Trích dự phòng/ hoàn nhập dự phòng TSTC                                | (18,642)          | -11.2%       | (22,715)          | -13.0%       | 21.8%         |
| 4. Chi phí hoạt động tư vấn, BLPH   | 2,225             | 1.3%         | 135               | 0.1%         | -93.9%        |
| 5. Chi phí kinh doanh khác  | 5,276             | 3.2%         | 7,133             | 4.1%         | 35.2%         |
| <b>II. Chi phí hoạt động quản lý</b>                                      | <b>140,723</b>    | <b>84.3%</b> | <b>146,747</b>    | <b>84.3%</b> | <b>4.3%</b>   |
| 1. Chi phí nhân viên  | 92,513            | 55.4%        | 96,383            | 55.4%        | 4.2%          |
| - Lương và các khoản phúc lợi   | 82,500            | 49.4%        | 84,035            | 48.3%        | 1.9%          |
| - BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, bảo hiểm healthcare, bảo hiểm nhân thọ, đào tạo | 10,013            | 6.0%         | 12,348            | 7.1%         | 23.3%         |



|                                    |                |               |                |               |             |
|------------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|-------------|
| 2. Chi khấu hao TSCĐ               | 3,055          | 1.8%          | 2,096          | 1.2%          | -31.4%      |
| 3. Chi vật liệu, công cụ lao động  | 2,528          | 1.5%          | 2,987          | 1.7%          | 18.2%       |
| 4. Dự phòng phải thu khó đòi       | 2,681          | 1.6%          | -              | 0.0%          | -100.0%     |
| 5. Chi phí dịch vụ mua ngoài       | 32,193         | 19.3%         | 37,467         | 21.5%         | 16.4%       |
| - Trong đó: Chi phí thuê văn phòng | 17,817         | 10.7%         | 18,859         | 10.8%         | 5.9%        |
| 6. Chi phí khác bằng tiền          | 7,754          | 4.6%          | 7,813          | 4.5%          | 0.8%        |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>166,862</b> | <b>100.0%</b> | <b>174,089</b> | <b>100.0%</b> | <b>4.3%</b> |

Chi phí của Công ty bao gồm: chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh và chi phí hoạt động, chi phí quản lý.

\* Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chiếm 15,7% tổng chi phí, gồm:

- Chi phí hoạt động môi giới, lưu ký: là các chi phí phát sinh trực tiếp cho hoạt động môi giới, lưu ký như: phí giao dịch, phí lưu ký trả sở giao dịch; chi phí thuê thiết bị phục vụ kết nối giao dịch, phí thành viên trả các sở giao dịch, phí chuyển nhượng chứng khoán... Năm 2016 phí môi giới, lưu ký thực hiện 29,2 tỷ đồng, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước do sự tăng trưởng doanh thu môi giới, lưu ký; chiếm 16,7% tổng chi phí.

- Chi phí hoạt động đầu tư tài sản tài chính: bao gồm các khoản lỗ bán tài sản tài chính, các chi phí trực tiếp cho đầu tư chứng khoán, trích lập/hoàn nhập dự phòng của các tài sản tài chính. Năm 2016, các khoản lỗ bán chứng khoán là 13,6 tỷ đồng, giảm 5,5% và chiếm 7,8% tổng chi phí. Năm 2016, Công ty hoàn nhập 22,7 tỷ đồng từ đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ làm cho tổng chi phí giảm đi 13%, đây cũng là nhân tố làm giảm chi phí kinh doanh và làm tăng hiệu quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành chỉ chiếm một phần nhỏ 0,1% tổng chi phí; chủ yếu là các khoản chi thực hiện hợp đồng tư vấn phát sinh.

- Chi phí kinh doanh khác thực hiện 7,1 tỷ đồng, tăng 35,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 4,1 % tổng chi phí. Đây chủ yếu là các khoản chi phí hỗ trợ cho hoạt động giao dịch, phân tích như chi phí kết nối hệ thống thông tin, chi phí lãi vay của các hợp đồng vay thấu chi.

\* Chi phí quản lý chiếm 84,3% tổng chi phí, bao gồm chi phí hoạt động quản lý của khối kinh doanh trực tiếp và chi phí hoạt động của khối hỗ trợ, quản lý, cụ thể:

- Chi phí nhân viên: gồm toàn bộ chi phí tiền lương, chi phí chi cho nhân viên như bảo hiểm, kinh phí công đoàn, đào tạo, trang phục... cho toàn bộ cán bộ nhân viên công ty. Chi phí này chiếm tỷ trọng lớn

nhất trong tổng chi phí, đạt 96,4 tỷ đồng, (trong đó tiền lương là 84 tỷ đồng) chiếm 55,4% tổng chi phí. Trong năm 2016 chi phí tiền lương biến động không quá lớn so với 2015, chỉ tăng nhẹ 1,9% tuy nhiên các chi phí phúc lợi khác cho NLĐ như chi phí cho các loại hình bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN) và bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện... tăng 23,3% so với 2015 do kể từ năm 2016 Công ty đã xây dựng lại hệ thống chức danh và thang bảng lương mới theo quy định của Luật Lao động, theo đó mức trích nộp các khoản bảo hiểm bắt buộc cũng như kinh phí công đoàn trên mức lương mới cao hơn so với 2015.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí điện nước, tuyên truyền, quảng cáo, chi phí sử dụng hệ thống công nghệ thông tin thuê ngoài, và các chi phí mua ngoài cho hoạt động của công ty. Chi phí này chiếm tỷ trọng thứ 2, sau chi phí tiền lương, số thực hiện 37,5 tỷ đồng chiếm 21,5% tổng chi phí.

- Còn lại là các chi phí khấu hao tài sản, chi phí vật liệu, phân bổ công cụ dụng cụ và chi phí bằng tiền khác, thực hiện là 12,9 tỷ đồng, chiếm 7,4 % trong tổng chi phí.

### **3.2.Đánh giá các lĩnh vực hoạt động trong năm 2016**

### 3.2.1. Môi giới

Trong năm 2016, môi giới tiếp tục là hoạt động trọng tâm và chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu doanh thu của BVSC. Mặc dù doanh thu và thị phần môi giới không đạt như kỳ vọng do chịu ảnh hưởng từ sự sụt giảm về nguồn vốn kinh doanh hỗ trợ hoạt động môi giới tuy nhiên doanh thu vẫn đạt mức tăng trưởng 18,88% so với 2015.

Kết quả hoạt động môi giới trong năm 2016 như sau:

**Bảng số liệu giao dịch năm 2016**

| Giá trị giao dịch | Năm 2015      |              | Năm 2016      |              | So sánh với cùng kỳ 2015 |                |
|-------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|--------------------------|----------------|
|                   | Thị trường    | Công ty      | Thị trường    | Công ty      | Thị trường               | Công ty        |
| Tại HSX           | 482,42        | 36,10        | 602,63        | 42,47        | 124,92%                  | 117,64%        |
| Tại HNX           | 135,04        | 11,32        | 129,65        | 9,00         | 96,01%                   | 79,57%         |
| Tại Upcom         | 14,29         | 0,99         | 31,95         | 3,56         | 223,59%                  | 360,32%        |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>631,74</b> | <b>48,41</b> | <b>764,22</b> | <b>55,03</b> | <b>120,97%</b>           | <b>113,69%</b> |

**Kết quả hoạt động Môi giới năm 2016**

| Chỉ tiêu                   | Năm 2015     | KH năm 2016 | Năm 2016     | % TH so với cùng kỳ | % TH so với KH 2016 |
|----------------------------|--------------|-------------|--------------|---------------------|---------------------|
| <b>Doanh thu (Tỷ Đồng)</b> | <b>84,02</b> | <b>110</b>  | <b>99,89</b> | <b>118,88%</b>      | <b>90,81%</b>       |
| Thị phần giao dịch (%)     | 3,83%        | 4,32%       | 3,60%        | 93,99%              | 83,33%              |
| Số lượng tài khoản         | 48.221       | 51.000      | 50.711       | 105,16%             | 99,43%              |

| Thị phần<br>giao dịch | Quý I      |                                       |          |      | Quý II     |                                 |          |      | Quý III    |                                      |          |      | Quý IV     |                                       |          |     |
|-----------------------|------------|---------------------------------------|----------|------|------------|---------------------------------|----------|------|------------|--------------------------------------|----------|------|------------|---------------------------------------|----------|-----|
|                       | Trái phiếu |                                       | Cổ phiếu |      | Trái phiếu |                                 | Cổ phiếu |      | Trái phiếu |                                      | Cổ phiếu |      | Trái phiếu |                                       | Cổ phiếu |     |
|                       | HSX        | HNX                                   | HSX      | HNX  | HSX        | HNX                             | HSX      | HNX  | HSX        | HNX                                  | HSX      | HNX  | HSX        | HNX                                   | HSX      | HNX |
| Vị trí                | 2          | 3                                     | N/A      | 10   | 2          | 3                               | 10       | 8    | 2          | 4                                    | N/A      | N/A  | 3          | 2                                     | 7        | N/A |
| Thị phần<br>(%)       | 33,09      | Nhóm<br>có thị<br>phần<br>trên<br>10% | 3,11     | 3,35 | 7,67       | Nhóm có<br>thị phần<br>trên 10% | 3,46     | 3,88 | 5,47       | Nhóm có thị<br>phần từ 5%<br>đến 10% | 3        | 3,26 | 6,45       | Nhóm<br>có thị<br>phần<br>trên<br>10% | 4,25     | 3,3 |

Trong năm 2016 Công ty đã triển khai mạnh mẽ các giải pháp để đẩy mạnh hoạt động môi giới. Cụ thể:

➤ **Đầu tư nội thất, trang thiết bị và không gian các phòng giao dịch** hiện tại để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng: Công ty thực hiện dự án chuyển đổi phòng Giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ tại địa chỉ số 146 Nguyễn Văn Cừ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ 90 Cao Thắng, phường 4, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên phòng Giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ thành Phòng Giao dịch Cao Thắng theo phê duyệt của UBCKNN tại Quyết định số 774/QĐ-UBCK. Cải tạo nội thất tại Phòng Giao dịch số 1 tại địa chỉ số 94 phố Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và đổi mới hình ảnh của BVSC.

Việc đầu tư cơ sở vật chất, không gian, tiện ích giao tiếp với khách hàng tại các phòng Giao dịch nằm trong kế hoạch nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cũng như quảng bá hình ảnh, thương hiệu của BVSC là một phần trong kế hoạch trung hạn để phát triển hoạt động môi giới của BVSC.

➤ **Dịch vụ tài chính với lãi suất cạnh tranh:** BVSC luôn duy trì lãi suất dịch vụ margin và ứng trước tiền bán chứng khoán cạnh tranh và thường xuyên điều chỉnh để phù hợp với diễn biến lãi suất thị trường. Ngoài ra Công ty thiết kế các gói dịch vụ tài chính phù hợp với từng đối tượng khách hàng, các tiêu chí phân loại và đánh giá khách hàng cũng được xây dựng nhất quán và đồng bộ, định kỳ thực hiện đánh giá khách hàng để đảm bảo việc cung cấp các gói dịch vụ phù hợp.

➤ **Chính sách phí giao dịch linh hoạt:** BVSC luôn duy trì chính sách phí linh hoạt và đa dạng theo phương thức và quy mô giao dịch, đặc biệt công ty khuyến khích khách hàng sử dụng các tiện ích giao

dịch trực tuyến với mức phí thấp nhất trên thị trường.

➤ ***Đẩy mạnh các chương trình khuyến mại chăm sóc khách hàng:*** Ngoài các chương trình khuyến mại tri ân khách hàng nhân dịp khai trương phòng Giao dịch, kỷ niệm ngày thành lập Công ty, trong năm 2016 BVSC thực hiện một đợt khuyến mại lớn theo chương trình tích hợp (Bảo Việt Mega Sales) với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bảo Việt. Đây là chương trình khuyến mại có quy mô lớn đầu tiên trên phạm vi toàn tập đoàn Bảo Việt, được triển khai vào cuối năm 2016 với tổng giá trị giải thưởng toàn bộ chương trình lên tới 5 tỷ đồng, theo đó các khách hàng của BVSC đều có cơ hội tham gia và trúng thưởng theo hình thức quay số may mắn, cũng như có cơ hội sở hữu các sản phẩm tài chính tích hợp giữa bảo hiểm – ngân hàng – chứng khoán thuộc thương hiệu Bảo Việt. Chương trình này đã thu hút được hơn 3.000 lượt khách hàng của riêng BVSC tham gia và góp phần gia tăng doanh thu vào tháng cuối năm.

➤ ***Tăng cường tuyển dụng và đào tạo nhân lực, chính sách lương thưởng hấp dẫn kết hợp với các chương trình thi đua doanh số*** Công ty triển khai 1 đợt kiểm tra trình độ nhân viên môi giới trên toàn hệ thống vào tháng 7/2016 với phạm vi kiến thức chuyên môn trên diện rộng bao gồm kiến thức về kinh tế vĩ mô, phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật, kiến thức về sản phẩm cũng như các tác nghiệp trên hệ thống phần mềm. Thông qua kết quả kiểm tra, Công ty tiến hành các đợt đào tạo nội bộ nhằm chuẩn hóa và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cũng như phòng ngừa các rủi ro về tác nghiệp của cán bộ.

Chính sách trả lương và thưởng được thiết kế riêng cho đội ngũ nhân viên môi giới được xem là đòn bẩy tạo động lực hiệu quả trong năm 2016. Với tỷ lệ thưởng trung bình khoảng 35-40%/doanh thu cùng với nhiều chế độ đãi ngộ tài chính hấp dẫn khác như quyền lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm nhân thọ... được ghi nhận là chính sách đãi ngộ có tính cạnh tranh cao trên thị trường. Song song với đó Công ty liên tục phát động các chương trình thi đua trong khối môi giới như “Cơ hội trong tay, nhận ngay quà lớn”, “Dự đoán chỉ số”, “Về đích”... với những phần thưởng đa dạng và hấp dẫn đã góp phần lớn tạo động lực, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu môi giới, đặc biệt là những tháng cuối năm.

➤ **Về mảng môi giới khách hàng tổ chức:** Đây là mảng hoạt động đạt kết quả vượt trội trong năm 2016 vừa qua. Mặc dù chiếm tỷ trọng còn khá khiêm tốn trong cơ cấu doanh thu môi giới của Công ty, tuy nhiên trong năm 2016 vừa qua doanh thu từ nhóm khách hàng tổ chức đạt 25,1 tỷ đồng, tăng 91.74% so với 2015, thị phần CP&CCQ của nhóm khách hàng tổ chức đạt 0.54%, chiếm 15% trong tổng thị phần chung của Công ty và tăng trưởng 86.21% so với 2015. Đây là kết quả khả quan sau một quá trình

đẩy mạnh nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đặc biệt là nhóm giải pháp về ứng dụng CNTT.

Trong năm 2016 Công ty đẩy mạnh việc phát triển khách hàng tổ chức, tiếp xúc và gặp gỡ các Quỹ nước ngoài như Tokai Tokyo Financial Holdings, Inc, Infra Red – Mezzamine... Kết quả, trong năm 2016, BVSC đã mở mới **27 tài khoản tổ chức nước ngoài và 12 tài khoản tổ chức trong nước**. Bên cạnh đó, việc chăm sóc khách hàng được đầu tư có chiều sâu hơn thông qua các đợt thăm viếng, họp định kỳ với các quỹ, các tổ chức đầu tư trong và ngoài nước, tổ chức các hội thảo theo chuyên đề, báo cáo định kỳ và báo cáo phân tích chuyên sâu về vĩ mô, thị trường, doanh nghiệp... cho các khách hàng như BVF, VN.Holding, Kingsmead, Prudential và Manulife... Công ty cũng đẩy mạnh xúc tiến làm việc với các tổ chức nước ngoài như CTCK Bualuang và Quỹ Grandeur Peak Global nhằm giới thiệu cơ hội đầu tư trên thị trường...

### **3.2.2. Tự doanh**

Trong năm 2016 BVSC tiếp tục thực hiện đầu tư vào cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết với hạn mức được HĐQT phê duyệt, ngưỡng cắt lỗ là 10%. Cơ cấu đầu tư tuân thủ nguyên tắc 80% theo hình thức đầu tư giá trị và 20% vào các giao dịch trading.

Các giao dịch tự doanh năm 2016 chủ yếu tập trung vào cổ phiếu mid-cap. Phương thức đầu tư của BVSC là thiết lập tỷ trọng đầu tư của Danh mục linh hoạt và phù hợp với từng giai đoạn diễn biến của thị trường trên nguyên tắc thận trọng. Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu, BVSC đã thực hiện giải ngân thêm 160 tỷ đồng vào Trái phiếu doanh nghiệp, góp phần cân đối cơ cấu đầu tư, tạo doanh thu ổn định cho Công ty.

### **3.2.3. Tư vấn và bảo lãnh phát hành**

Năm 2016 tận dụng cơ hội thị trường và chính sách đẩy mạnh đăng ký giao dịch tập trung các công ty đại chúng, BVSC đã thực hiện nhiều hợp đồng tư vấn phát hành, tư vấn niêm yết và tư vấn đăng ký Upcom. Bên cạnh đó năm 2016 tiếp tục là năm trọng điểm về tái cấu trúc DNNN của Chính phủ, vì vậy, trong năm, BVSC đã đẩy mạnh ký kết và thực hiện các hợp đồng tư vấn cổ phần hóa, thoái vốn DNNN. Kết quả, Công ty đã ký 103 hợp đồng tư vấn mới và hoàn thành 123 hợp đồng. Năm 2016, BVSC được Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là **CTCK Tiêu biểu và tốt nhất – hạng mục tư vấn hợp nhất và sáp nhập**. Tổng doanh thu hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành năm 2016 đạt 9,82 tỷ đồng đạt 116,2% kế hoạch năm.

### **3.2.4. Lưu ký chứng khoán**

Hoạt động lưu ký chứng khoán được thực hiện theo đúng quy chế của Trung tâm lưu ký. Trong năm Công ty đã tiếp nhận lưu ký chứng khoán cho các công ty mới niêm yết và đã niêm yết trên HSX, HNX và UPCOM với số lượng trên 358 triệu cổ phần. Thực hiện chốt trên 2.000 danh sách lưu ký cổ phiếu và trái phiếu để tiến hành trả cổ tức, phát hành thêm cổ phiếu, lấy ý kiến cổ đông, đại hội cổ đông... BVSC phối hợp chặt chẽ cùng với các Ngân hàng đáp ứng tốt các yêu cầu nộp rút tiền của khách hàng, thực hiện 2.040 giao dịch nộp và 7.907 giao dịch rút với tổng số tiền trên 2.605 tỷ đồng. Năm 2016, doanh thu hoạt động lưu ký đạt 4,38 tỷ đồng, đạt 175,1% so với kế hoạch.

### **3.2.5. Các hoạt động kinh doanh khác**

Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chủ yếu đến từ dịch vụ ứng trước, cho vay margin, đầu tư tiền gửi... là mảng hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Doanh thu đạt được trong năm là 137,3 tỷ đồng, chiếm 46.63% tổng doanh thu toàn Công ty, đạt 102,2% kế hoạch và bằng 114,3% so với cùng kỳ năm trước.

### **3.2.6. Công tác Quản lý và hỗ trợ**

#### ***Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm***

Là phòng mới được thành lập vào năm 2014 với định hướng tập trung quản lý vận hành hệ thống giao dịch và phát triển sản phẩm phục vụ nhà đầu tư. Với định hướng này, phòng Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm tập trung vào 3 nhiệm vụ chính là: quản lý vận hành hệ thống giao dịch, nghiên cứu phát triển sản phẩm và đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên môi giới. Trong năm 2016 ngoài việc kết hợp với phòng CNTT vận hành hệ thống giao dịch hàng ngày đảm bảo cung cấp dịch vụ thông suốt, ổn định, đáp ứng cho trên 1,3 triệu lệnh được giao dịch thông suốt và an toàn trong năm, Phòng đã hoàn tất 3 quy trình nghiệp vụ và hoàn thiện tiếp các quy trình còn thiếu để chuẩn bị cho việc ban hành trong năm tiếp theo nhằm đáp ứng nhu cầu cho các sản phẩm mới được giao dịch trong năm tới. Trong năm 2016, Phòng Quản lý giao dịch đã tổ chức 1 khóa đào tạo nâng cao và 8 khóa đào tạo cơ bản cho Nhân viên Môi giới với gần 50 lượt cán bộ tham dự.

### ***Pháp chế và Kiểm soát nội bộ:***

Công tác pháp chế được chú trọng đã giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được triển khai một cách an toàn, hiệu quả, phòng ngừa các rủi ro pháp lý, bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty.

Năm 2016, pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán có nhiều thay đổi quan trọng như Thông tư 11/2016/TT-BTC về chứng khoán phái sinh, Thông tư 203/2015/TT-BTC thay thế Thông tư 74/2011/TT-BTC hướng dẫn giao dịch trên thị trường chứng khoán, Thông tư 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 210/2012/TT-BTC hướng dẫn hoạt động của công ty chứng khoán, do đó, với chức năng, nhiệm vụ là đầu mối công tác văn bản của Công ty, Bộ phận Pháp chế đã tích cực tham gia dự thảo hoặc thẩm định pháp lý 15 quy trình, quy chế nội bộ và 40 biểu mẫu của Công ty nhằm phù hợp với các quy định pháp luật mới, góp phần hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động quản trị, điều hành và tác nghiệp của Công ty. Trong đó có những văn bản quan trọng như Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 8 của Công ty, dự thảo Quy chế quản lý tài chính, dự thảo Quy chế người đại diện vốn tại các tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư của BVSC... và các quy trình điều chỉnh quá trình tác nghiệp của các nghiệp vụ “xương sống” trong Công ty như Quy trình giao dịch chứng khoán, Quy trình lưu ký nghiệp vụ giao dịch tiền, Quy trình lưu ký chứng khoán... Phối hợp với Bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện soạn thảo và ban hành Quy trình kiểm soát và lưu trữ hồ sơ làm cơ sở cho việc kiểm soát, lưu trữ hồ sơ giao dịch của khách hàng.

Bên cạnh đó, Bộ phận Pháp chế của Công ty còn tư vấn phòng ngừa rủi ro pháp lý đối với các giao dịch bằng cách đưa ra ý kiến thẩm định, tư vấn góp ý hoặc trực tiếp tham gia đàm phán các giao dịch, thỏa thuận với khách hàng, đối tác.

Các đợt KSNB năm 2016 bao gồm kiểm soát tuân thủ quy trình nghiệp vụ Giao dịch, nghiệp vụ Lưu ký, dịch vụ cho vay ký quỹ, hoạt động đầu tư tự doanh và hoạt động vận hành hệ thống CNTT. Cụ thể, BP KSNB đã tổ chức 14 cuộc kiểm soát tuân thủ nội bộ đối với các mảng hoạt động nghiệp vụ tại trụ sở và chi nhánh. Đây là hoạt động thường xuyên và được phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán nội bộ của Công ty. Ngoài ra, BP KSNB đã thực hiện xử lý bán cho 11.699 lượt tài khoản vay ký quỹ và gọi bổ sung ký quỹ cho hơn 4.731 lượt tài khoản đồng thời tiếp nhận kiểm tra và lưu trữ 60.000 lượt hồ sơ và phiếu lệnh giao dịch của Khách hàng tại Công ty.

Kết quả kiểm soát cho thấy cán bộ nhân viên công ty đã nghiêm túc thực hiện công tác tuân thủ theo quy trình, chính sách quản lý của công ty cũng như tuân thủ theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, mặc dù công ty đã ban hành quy trình, đã nhận diện và đưa ra được chốt chặn rủi ro trong từng hoạt động



nghiệp vụ nhưng việc tiếp tục phát triển thêm văn bản hướng dẫn, cập nhật theo sự thay đổi của chính sách pháp luật của nhà nước cũng như phù hợp với thực tiễn đổi thay của giao dịch trên thị trường chứng khoán cũng là một việc cần được quan tâm thực hiện.

Qua các kỳ kiểm soát, những rủi ro hoạt động tiềm tàng đã được nhận diện, từ đó giúp Ban điều hành có thêm thông tin để đưa ra các biện pháp quản trị ngăn ngừa rủi ro tốt hơn.

### ***Nghiên cứu phân tích***

Với việc phát hành 312 báo cáo phân tích ngành và công ty định kỳ hàng quý và hàng tháng, 12 báo cáo vĩ mô, thị trường định kỳ hoặc khi có sự kiện bất thường, 251 bản tin thị trường hàng ngày có chất lượng để phục vụ khách hàng, có thể nói các sản phẩm của BVSC đã liên tục được cải thiện và bám sát nhu cầu nhà đầu tư. Hoạt động nghiên cứu phân tích của BVSC đã và đang được đầu tư đúng hướng, khẳng định mục tiêu của Công ty là không ngừng nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư phục vụ khách hàng.

Trong năm 2016, BVSC đã triển khai nghiên cứu và hoàn thành các sản phẩm phân tích Kinh tế vĩ mô – TTCK và phân tích ngành – công ty định kỳ và theo các chuyên đề chuyên sâu, tăng cường các hoạt động tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức và cá nhân thông qua các buổi hội nghị, tọa đàm gặp mặt trực tiếp hoặc gián tiếp qua bộ phận môi giới cũng như đẩy mạnh xây dựng thương hiệu Công ty thông qua các kênh truyền thông báo chí.

### ***Công nghệ thông tin***

Năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc triển khai hệ điều hành windows 10 và bộ công cụ văn phòng đến hầu hết nhân viên với việc cập nhật từ hãng sản xuất các bản vá an ninh giúp tránh các rủi ro và cải thiện đáng kể tình hình an ninh bảo mật tại máy người sử dụng. Theo yêu cầu của UBCK nhà nước, Công ty đã bước đầu thực hiện lộ trình tách riêng độc lập về hạ tầng trong việc triển khai dịch vụ. Ngoài ra, Công ty cũng đã hoàn tất việc phát triển thêm hệ thống BVGATE để tích hợp và tổng kiểm tra nghiệm thu phần mềm hệ thống Front – office mới. Hệ thống tổng đài điện thoại của công ty cũng được cài đặt và mua mới toàn bộ giúp nâng cao chất lượng thông tin liên lạc trong nội bộ và ra bên ngoài.

### ***Truyền thông và phát triển thương hiệu***

Chiến lược truyền thông tập trung vào mục tiêu xây dựng thương hiệu BVSC là công ty chứng khoán uy tín, đồng thời là doanh nghiệp niềm yết minh bạch, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Với mục tiêu này, Công ty tiếp tục đẩy mạnh truyền thông ra công chúng với hàng trăm lượt trả lời phỏng vấn chuyên môn cho các Báo và Đài truyền hình, quảng cáo định kỳ và theo sự kiện.... ebsite của Công ty là một phương tiện chính thức qua đó công ty đẩy mạnh việc truyền thông ra công chúng về kết quả hoạt động

kinh doanh, về chính sách sản phẩm, dịch vụ, chính sách phát triển nguồn nhân lực, những thay đổi trong tổ chức và hoạt động, chiến lược phát triển...

Điểm nhấn trong năm 2016 là việc đẩy mạnh tham gia các dự án hợp lực về thương hiệu theo chủ trương chung toàn Tập đoàn Bảo Việt như Dự án lịch tết, chương trình gặp mặt báo chí, Mega Sales.... Các dự án hợp lực góp phần gia tăng sức mạnh thương hiệu Bảo Việt nói chung và BVSC nói riêng, giúp BVSC củng cố vị thế là công ty chứng khoán đầu tiên và uy tín trên thị trường.

Công tác truyền thông nội bộ trong năm 2016 tại BVSC góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Với việc duy trì trên 50 số Bản tin nội bộ cập nhật tức thời và toàn diện các hoạt động của công ty hàng tuần; song song với việc ra mắt Bản tin kinh doanh cập nhật những thông tin chi tiết về tình hình kinh doanh của Công ty với hơn 50 số của năm 2016, các chương trình thi đua Môi giới theo từng giai đoạn, thi đua dự đoán chỉ số... trong suốt 4 quý của năm đã giúp đẩy mạnh hoạt động thi đua lập thành tích kinh doanh, cũng như xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho toàn Công ty.

### ***Phát triển nguồn nhân lực***

**Tuyển dụng:** Định hướng chiến lược của Công ty là đẩy mạnh hoạt động môi giới, trong những năm qua, công tác tuyển dụng tập trung chủ yếu phát triển đội ngũ môi giới và nhân viên phát triển kinh doanh. Năm 2016, Công ty định hướng đẩy mạnh đội ngũ môi giới có chất lượng song song với việc mở rộng quy mô số lượng nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Tỷ lệ tuyển dụng tại BVSC trong năm 2016 là 21.1%, trong đó tỷ lệ tuyển mới đội ngũ môi giới, nhân viên phát triển kinh doanh tại các Phòng Giao dịch chiếm tỷ trọng lớn (83.3%). Các vị trí tuyển dụng mới khác chủ yếu là để bổ sung thay thế nhân sự nghỉ việc hoặc kém hiệu quả. Tỷ lệ tuyển dụng năm 2016 có giảm so với 2015, nguyên nhân chủ yếu là do Công ty tăng cường tuyển mới với số lượng lớn trong giai đoạn từ 2010-2015, bước sang giai đoạn 2016-2020 Công ty sẽ chú trọng nhiều hơn vào việc huấn luyện, đào tạo cũng như trọng tâm vào tuyển đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm hơn thay vì tuyển số lượng lớn như trước.

Tính đến thời điểm 31/12/2016 tổng số nhân sự tại BVSC là: 412 người. Trong đó: Trụ sở chính: 277 người và Chi nhánh tại TP. HCM: 135 người

**Đào tạo:** Do tính chất đặc thù hoạt động của ngành chứng khoán, việc tuân thủ các quy trình nghiệp vụ là đặc biệt quan trọng. Vì vậy, Công ty đã tập trung triển khai đào tạo nội bộ về nghiệp vụ cho đội ngũ môi giới bằng việc xây dựng và thiết kế riêng bản đồ học tập với nội dung các chương trình đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng phù hợp và thực tế nhất với công việc. Cụ thể, định kỳ hàng tháng, Phòng Quản lý giao dịch

và phát triển sản phẩm thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ từ cơ bản đến nâng cao với các nội dung tập trung vào các sản phẩm dịch vụ, hệ thống giao dịch chứng khoán, quy định pháp lý và quy trình nghiệp vụ của Công ty... Năm 2016 vừa qua, Công ty đã tổ chức 10 khóa đào tạo nội bộ với hơn 50 cán bộ tham dự. Và tháng 07/2016, theo thông lệ hàng năm, Công ty tổ chức một đợt kiểm tra trình độ của nhân viên môi giới nhằm đánh giá chất lượng nhân sự. Nội dung kiểm tra trình độ không chỉ tập trung vào kiến thức về vĩ mô, về phân tích kỹ thuật, phân tích cơ bản mà còn chú trọng nhiều vào kiến thức về sản phẩm, dịch vụ, quy trình và hệ thống. Thông qua kết quả kiểm tra, Công ty đánh giá được những kiến thức còn hạn chế của nhân viên, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp để nâng cao chất lượng nhân viên.

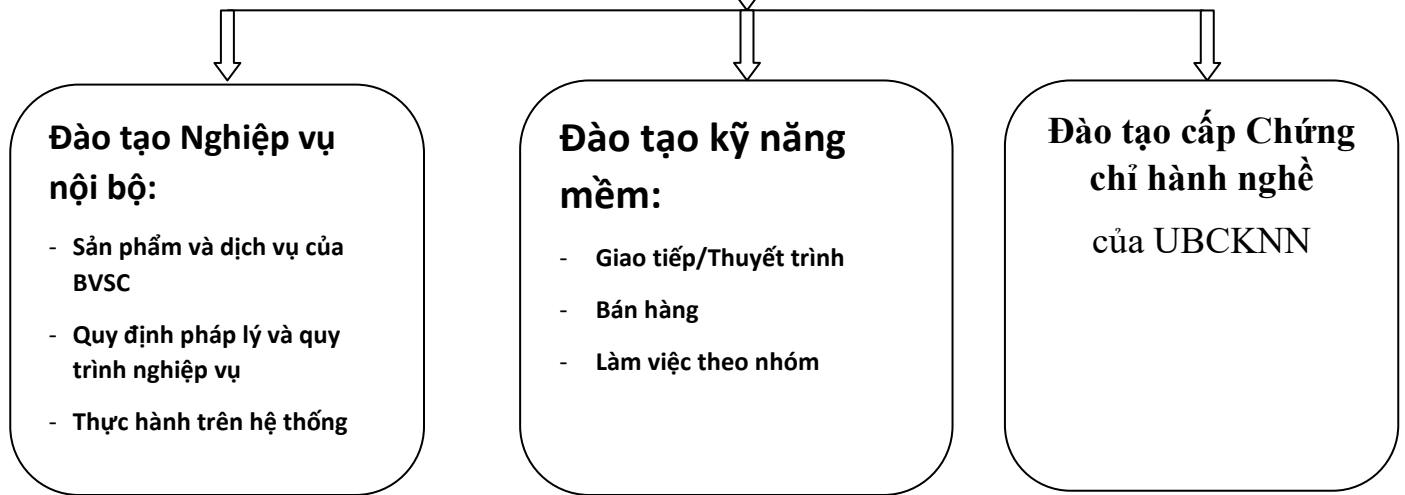
Năm 2016, Công ty đã rà soát và đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ hoàn thành các chứng chỉ nghiệp vụ chứng khoán để xin cấp chứng chỉ hành nghề. Chi tính riêng năm 2016, Công ty đã cử 124 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo của Trung tâm nghiên cứu khoa học & đào tạo Chứng khoán thuộc UBCKNN tổ chức. Để chuẩn bị nhân sự cho kế hoạch triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh trong thời gian tới, Công ty đã cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo "Chứng khoán phái sinh và Thị trường chứng khoán phái sinh" do UBCK tổ chức tại Hà Nội và TP. HCM. Tổng số cán bộ tham gia khóa đào tạo là 78 người với tỷ lệ thi đỗ là 86%, một tỷ lệ cao so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường. Tính đến 31/12/2016, tổng số cán bộ có chứng chỉ hành nghề là 111 cán bộ, trong đó 67 cán bộ có chứng chỉ hành nghề phái sinh; Chứng chỉ hành nghề được xác định là một trong các tiêu chí đánh giá nhân sự cho công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, nâng lương, đánh giá hiệu quả làm việc.

Trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất dự án đào tạo tiếng Anh cho quản lý cấp trung do Language Link triển khai từ cuối năm 2015, ngoài ra, với sự tư vấn và hợp tác với Trường Doanh nhân PACE - một tổ chức tư vấn và đào tạo về kỹ năng quản lý và lãnh đạo hàng đầu tại Việt Nam, BVSC đã hoàn tất chương trình đào tạo "Xây dựng KPIs hiệu quả" dành cho đội ngũ lãnh đạo, nhằm trang bị cho các cấp quản lý kỹ năng triển khai xây dựng tiêu chí đánh giá KPIs hiệu quả. Đây là bước đầu trong công tác chuẩn bị cho việc thiết kế và xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá trên phạm vi toàn Công ty trong thời gian tới.

## Lộ trình đào tạo Nhân viên Môi giới tại BVSC



### Đào tạo định hướng/ Hội nhập



**Lương thưởng và phúc lợi:** Công ty tiếp tục triển khai áp dụng chính sách trả lương theo thỏa thuận dựa trên đánh giá công việc gắn liền với hiệu quả làm việc của từng cá nhân phù hợp với xu thế thị trường cũng như tình hình hoạt động của Công ty. Đối với khối môi giới, các chính sách trả lương thưởng dành cho nhân viên môi giới và Lãnh đạo Phòng giao dịch tiếp tục phát huy hiệu quả cao trong việc khuyến khích, và tạo động lực cho cán bộ. Với cách thức trả lương thưởng theo doanh thu được thiết kế và điều chỉnh hàng năm phù hợp với xu hướng chung của thị trường và nâng cao tính cạnh tranh đã thu hút nhân sự giỏi. Đây là một trong những nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển hoạt động môi giới, mở rộng mạng lưới khách hàng và gia tăng thị phần giao dịch của Công ty. Bên cạnh đó, chính sách Trưởng nhóm môi giới đã tạo thêm nhiều cơ hội cho các cán bộ có năng lực thể hiện và khẳng định bản thân,

thông qua đó tạo ra các cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp đối với nhân viên cũng như xây dựng lực lượng kế cận cho chiến lược nhân sự trung và dài hạn của Công ty.

Trong năm 2016 vừa qua, nhiều Trưởng nhóm đã thể hiện rất tốt vai trò của mình, phát triển nhóm với số lượng thành viên lớn, mang lại doanh thu cao và thu nhập cũng được gia tăng đáng kể. Thông qua chương trình Trưởng nhóm, Công ty đã thực hiện quy hoạch và bổ nhiệm 01 chức danh phó Phòng giao dịch. Đây được xem là một thành công của chương trình Trưởng nhóm trong quá trình xây dựng lực lượng nhân sự kế nhiệm.

Nếu như chính sách trả lương và thưởng là một đòn bẩy hiệu quả trong việc tạo động lực để thúc đẩy kinh doanh thì chính sách phúc lợi được xem là nhân tố tăng cường tính gắn kết với doanh nghiệp. Bên cạnh việc tham gia bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước, việc trang bị thêm cho cán bộ Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Healthcare) đồng thời tiến hành chương trình khám sức khỏe tổng quát định kỳ mang lại những giá trị thiết thực cho người lao động, tạo sự an tâm trong quá trình làm việc tại BVSC. Chương trình bảo hiểm nhân thọ An hưởng điền viên là một chính sách phúc lợi mới được Công ty triển khai từ năm 2015 với mục tiêu bảo vệ cho người lao động trước các rủi ro không mong đợi trong suốt quá trình làm việc, đồng thời đến khi nghỉ hưu sẽ được bổ sung thêm một khoản tài chính ổn định bên cạnh lương hưu được hưởng từ quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước. Có thể nói các chính sách phúc lợi áp dụng hiện nay góp phần tăng sự gắn kết của người lao động đối với Công ty nhằm nâng cao tính cạnh tranh về đãi ngộ để giữ chân và thu hút nhân lực trên thị trường.

*Thông tin chi tiết về nội dung phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương V - Phát triển bền vững tại báo cáo này.*

### 3.3. Phân tích tình hình tài chính

#### 3.3.2. Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng.

| Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>   | Năm/Year<br>2015 | Năm/Year<br>2016 | % tăng/giảm<br>% change |
|---|------------------|------------------|-------------------------|
| <i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i> |                  |                  |                         |
| Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>  | 1,667,827        | 1,855,255        | 11.2%                   |
| Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>   | 287,179          | 294,156          | 2.4%                    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>  | 120,318          | 120,066          | -0.2%                   |
| Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>  | 7                | (760)            |                         |
| Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>  | 120,325          | 119,306          | -0.8%                   |
| Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>   | 116,105          | 101,714          | -12.4%                  |
| - <i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)</i>   | 1552             | 1345             | -13.3%                  |
| Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng / <i>liquid capital ratio</i>  | 735%             | 678%             | -7.8%                   |

- Tổng tài sản được trình bày lại theo sự thay đổi về chế độ kế toán (năm 2016, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo TT334/2016/TT-BTC, theo đó tổng tài sản năm 2016 tăng 187,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu tăng trưởng này thể hiện sự lớn mạnh về quy mô hoạt động của công ty, tăng trưởng trong các hạng mục tài sản và nguồn vốn.
- Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức rất cao qua các năm, gấp hơn 3-4 lần so với tỷ lệ quy định của UBCK. Tuy năm 2016, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng có giảm 7,8% so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu do sự sắp xếp lại các chỉ tiêu trong bảng tài sản theo thông tư mới về chế độ kế toán), nhưng tỷ lệ này cũng rất cao so với các công ty cùng ngành. Điều này thể hiện Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| <b>Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i></b>   | <b>Năm/Year<br/>2015</b> | <b>Năm/Year<br/>2016</b> | <b>Tăng/ giảm</b> |
|--|--------------------------|--------------------------|-------------------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>                        |                          |                          |                   |
| + Hệ số thanh toán tổng quát:<br>Tổng tài sản / Tổng nợ                          | 7.68                     | 6.04                     | -1.64             |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn                     | 6.38                     | 4.37                     | -2.17             |
| + Hệ số thanh toán nhanh<br>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn         | 6.30                     | 4.16                     | -2.15             |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>                        |                          |                          |                   |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản  | 0.13%                    | 0.17%                    | 0.04              |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu  | 0.15%                    | 0.20%                    | 0.05              |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>             |                          |                          |                   |
| + Vòng quay các khoản phải thu<br>(Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân) | 0.88                     | 7.53                     | 6.66              |
| + Vòng quay Vốn lưu động<br>(Doanh thu thuần/Vốn Lưu động bình quân)             | 0.25                     | 0.27                     | -0.02             |
| + Vòng quay tổng tài sản<br>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)             | 0.16                     | 0.17                     | 0.01              |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>                 |                          |                          |                   |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                       | 40.43%                   | 34.58%                   | -5.9%             |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động<br>kinh doanh/Doanh thu thuần                     | 41.90%                   | 40.82%                   | -1.1%             |

|  |       |       |       |
|--|-------|-------|-------|
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <i>ROE</i> | 8.00% | 6.57% | -1.4% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản <i>ROA</i>   | 6.96% | 5.48% | -1.5% |

#### Các chỉ tiêu tài chính của Công ty:

- Khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo duy trì ở mức cao (từ 4 đến 6 lần từ hệ số thanh toán nhanh đến thanh toán tổng quát). Vì các khoản nợ phải trả nhỏ hơn nhiều so với tài sản hiện có nên Công ty luôn sẵn sàng nguồn lực cho các khoản nợ phải trả. Tài sản của Công ty được bố trí an toàn và hợp lý, tập trung chủ yếu là các khoản tài sản ngắn hạn, có tính thanh khoản cao và dễ dàng chuyển đổi thành tiền để đáp ứng cho các nhu cầu thanh toán đến hạn và thanh toán khi cần thiết. Đây cũng là một thế mạnh của Công ty, qua nhiều năm, Công ty luôn duy trì được sự ổn định và an toàn trong thanh khoản: nghĩa vụ thanh toán toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như cam kết. Công ty luôn trú trọng quản lý tốt nguồn vốn và dòng tiền, đảm bảo sự cân đối, ổn định và không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Điều này góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty, cũng như mang lại sự tin tưởng cho đối tác, khách hàng.
- Cơ cấu vốn của công ty: Công ty hoạt động chủ yếu là vốn góp của các chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu của công ty chiếm đến 83,4% trong tổng nguồn vốn và Nợ phải trả chỉ chiếm 16,6%. Cũng vì vậy, hệ số nợ trên Tổng tài sản và vốn chủ của Công ty chỉ ở mức rất thấp 0,17% và 0,20% cho thấy Công ty luôn chủ động nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh. Đây cũng là lợi thế trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của thị trường chứng khoán, thị trường vốn khi công ty duy trì ổn định và thường xuyên nguồn vốn, hạn chế các khoản nợ cũng như hạn chế được rủi ro thanh toán khi đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng qua vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản tuy chưa cao, điều này một phần là do đặc thù kinh doanh chứng khoán với các khoản phải thu cho vay margin thường có thời hạn 3 tháng và do yếu tố đặc thù của thị trường chứng khoán trong từng thời kỳ quyết định
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần duy trì ổn định so với năm trước, đạt 40,4%, tuy nhiên năm 2016 đã hết thời kỳ chuyển lỗ, Công ty phải nộp



thuế TNDN nhiều hơn so với năm 2015 nên tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần có giảm nhẹ, từ 40,4% năm 2015 xuống còn 34,5% năm 2016. Mặc dù có giảm nhẹ nhưng vẫn là tỷ lệ khá cao và ổn định, thể hiện việc kinh doanh hiệu quả, kiểm soát tốt chi phí và rủi ro để đạt mức lợi nhuận kỳ vọng đặt ra.

### 3.3.3. Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu                                | Năm 2015         | Tỷ trọng 2015 | Năm 2016         | Tỷ trọng 2016 | Số tăng/giảm    | Tỷ lệ % tăng/giảm |
|---|------------------|---------------|------------------|---------------|-----------------|-------------------|
| <b>A. Tài sản ngắn hạn</b>              | <b>1,384,954</b> | <b>83.0%</b>  | <b>1,342,247</b> | <b>72.3%</b>  | <b>(42,708)</b> | <b>-3.1%</b>      |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền   | 448,757          | 26.9%         | 117,958          | 6.4%          | (330,799)       | -73.7%            |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 919,168          | 55.1%         | 1,158,403        | 62.4%         | 239,234         | 26.0%             |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn        | 15,498           | 0.9%          | 62,587           | 3.4%          | 47,089          | 303.8%            |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                | 1,530            | 0.1%          | 3,298            | 0.2%          | 1,768           | 115.6%            |
| <b>B. Tài sản dài hạn</b>               | <b>282,873</b>   | <b>17.0%</b>  | <b>513,009</b>   | <b>27.7%</b>  | <b>230,136</b>  | <b>81.4%</b>      |
| II. Tài sản cố định                     | 2,947            | 0.2%          | 5,171            | 0.3%          | 2,224           | 75.5%             |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 250,049          | 15.0%         | 479,676          | 25.9%         | 229,627         | 91.8%             |
| V. Tài sản dài hạn khác                 | 29,877           | 1.8%          | 28,162           | 1.5%          | (1,715)         | -5.7%             |
| <b>Tổng cộng tài sản:</b>               | <b>1,667,827</b> | <b>100%</b>   | <b>1,855,255</b> | <b>100%</b>   | <b>187,429</b>  | <b>11.2%</b>      |

#### - Cơ cấu tài sản:

\*Tài sản năm 2016 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 72,3% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 27,7% tổng tài sản. Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản:

+ Tiền và tương đương tiền: gồm các khoản tiền gửi của Công ty, tiền đầu tư ngắn hạn (dưới 3 tháng) và khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, chiếm 6,4% trong tổng tài sản.

+ Các khoản đầu tư ngắn hạn: gồm các khoản tiền đầu tư ngắn hạn, cho vay và phải thu (cho vay hoạt động margin, ứng trước tiền bán chứng khoán), đầu tư tự doanh, chiếm 64,2% trong tổng tài sản.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn: chiếm 3.4% trong tổng tài sản.

\*Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn (chiếm 26%) và các khoản tài sản dài hạn khác, chiếm 1.8% trong tổng tài sản.

- Biến động của Tài sản:

Tài sản năm 2016 của Công ty được trình bày theo TT334/2016/TT-BTC, theo đó, phần tiền giao dịch chứng khoán của khách hàng đã được loại ra khỏi tài sản của công ty. Tổng tài sản đạt 1.855 tỷ đồng, tăng 187,4 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 11,2% chủ yếu tăng từ khoản tăng từ tài sản ngắn hạn, cụ thể:

+ Các khoản tiền và tương đương tiền giảm 330,8 tỷ đồng tương ứng mức giảm 73,7% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Công ty giảm khoản tiền gửi ngắn hạn để dành nguồn lực tập trung cho hoạt động cho vay margin, đáp ứng dịch vụ tiện ích cho khách hàng.

+ Khoản đầu tư tài sản tài chính cũng được gia tăng 239,2 tỷ đồng, chủ yếu là tăng từ khoản tiền gửi trên 3 tháng (tăng 230 tỷ đồng) và tăng dư nợ cho vay margin (tăng 130 tỷ đồng), hai khoản này làm tăng 26% khoản đầu tư tài sản tài chính so với cùng kỳ năm trước.

+ Tài sản dài hạn tăng 230,1 tỷ đồng tương ứng mức tăng 81.4 % so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Công ty đầu tư vào trái phiếu Doanh nghiệp, cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.

Có thể thấy phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cao cho Công ty.

### 3.3.4. Nguồn vốn, tình hình nợ phải trả

#### Nguồn vốn

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                    | Năm 2015         | Tỷ trọng 2015 | Năm 2016         | Tỷ trọng 2016 | Số tăng/giảm   | Tỷ lệ % tăng/giảm |
|---|------------------|---------------|------------------|---------------|----------------|-------------------|
| <b>A. Nợ phải trả</b>                       | <b>217,087</b>   | <b>13.0%</b>  | <b>307,093</b>   | <b>16.6%</b>  | <b>90,006</b>  | <b>41.5%</b>      |
| I. Nợ ngắn hạn                              | 217,087          | 13.0%         | 307,093          | 16.6%         | 90,006         | 41.5%             |
| II. Nợ dài hạn                              |                  |               |                  |               |                |                   |
| <b>B. Vốn chủ sở hữu</b>                    | <b>1,450,740</b> | <b>87.0%</b>  | <b>1,548,162</b> | <b>83.4%</b>  | <b>97,422</b>  | <b>6.7%</b>       |
| I. Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư) | 1,332,365        |               | 1,332,096        |               |                |                   |
| I. Các quỹ và LN chưa phân phối             | 118,375          |               | 216,066          |               |                |                   |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>                  | <b>1,667,827</b> | <b>100.0%</b> | <b>1,855,255</b> | <b>100.0%</b> | <b>187,429</b> | <b>11.2%</b>      |

- Cơ cấu Nguồn vốn: Nguồn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nguồn vốn chủ sở hữu, chiếm 83,4% chủ yếu là vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận để lại. Phần còn lại là các khoản nợ phải trả (nợ ngắn hạn) chiếm 16,6%
- Biến động Nguồn vốn:
  - + Nợ phải trả của Công ty năm 2016 đã tăng thêm 90 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức tăng 41,5% chủ yếu do khoản vay ngắn hạn tăng để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngắn hạn của Công ty.
  - + Vốn chủ sở hữu được tăng 97,4 tỷ đồng, chủ yếu tăng từ khoản lợi nhuận thực hiện trong năm làm cho lợi nhuận để lại và các quỹ dự trữ tăng lên tương ứng.
- Công ty luôn kiểm soát các khoản nợ để đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn. Hệ số thanh toán của công ty luôn đạt mức cao, các khoản tương đương tiền và tài sản ngắn hạn luôn cao hơn Nợ phải trả nhiều lần để sẵn sàng đảm bảo thanh toán cho các khoản nợ đến hạn. Khoản vay ngắn hạn của Công ty là khoản vay thấu chi được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi và

luôn được thanh toán theo thời hạn quy định. Công ty không có khoản nợ xấu và nợ quá hạn phải trả.

-----

Khi đánh giá tình hình tài chính, tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán), nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt **91/100** điểm, tăng **6** điểm so với năm 2015, cho thấy Công ty có một tình trạng tài chính ngày càng vững mạnh.

### **3.4. Những tiên bộ trong năm**

Năm 2016 là năm đầu tiên trong tiến trình 5 năm mà BVSC đã đặt ra trong chiến lược hoạt động 2016 - 2020, là thời điểm để BVSC củng cố mọi mặt hoạt động cũng như các dịch vụ của mình, sẵn sàng cho những dự định lớn hơn trong thời gian tới.

#### ***Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch***

Mặc dù trong năm vừa qua thị trường chứng khoán có sự tăng trưởng khá mạnh mẽ, nhưng cũng tồn tại nhiều thách thức và sự cạnh tranh gay gắt trong khối các CTCK, trong khi BVSC hoạt động trong điều kiện nguồn vốn hạn chế, BVSC đã nỗ lực trong mọi mặt, triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh nhằm đạt được kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua. Kết thúc năm 2016, Lợi nhuận sau thuế của Công ty đã đạt 101,7 tỷ đồng, đạt 104,2% kế hoạch đề ra.

#### ***Tăng cường hợp tác quốc tế***

Việc tham gia Hội nghị công ty chứng khoán Asean lần thứ 3 (Asean Brokerage Network), trong đó BVSC đã thực hiện giới thiệu và quảng bá hình ảnh tới hàng trăm khách mời đến từ lãnh đạo các sở GD CK Asean, các công ty chứng khoán và các định chế tài chính lớn trong khu vực là một phần trong kế hoạch hành động nhằm thúc đẩy tăng cường hợp tác quốc tế theo kế hoạch chiến lược 5 năm đặt ra. Tại Hội nghị này, BVSC đã thực hiện 7 cuộc tiếp xúc song phương với các công ty chứng khoán trong khu vực, và đặc biệt BVSC là công ty chứng khoán duy nhất thực hiện ký kết MOU với Công ty chứng khoán

MNC đến từ Indonesia. Đây được xem là một trong những sự kiện thành công nhất không chỉ trong khuôn khổ 2 doanh nghiệp, mà là kết quả đáng ghi nhận trong nỗ lực thúc đẩy hợp tác quốc tế trong khu vực của Sở GDCK Hà Nội và các Sở GDCK Asean.

### ***Thương hiệu được tôn vinh với những giải thưởng uy tín***

Năm 2016 tiếp tục là một năm thành công với công ty ở khía cạnh phát triển thương hiệu. Chứng khoán Bảo Việt tiếp tục được các cơ quan quản lý thị trường, các tổ chức truyền thông tôn vinh với nhiều giải thưởng uy tín, qua đó một lần nữa củng cố vững chắc hình ảnh BVSC là một thương hiệu chứng khoán uy tín trên thị trường, đồng thời là một doanh nghiệp niềm yết minh bạch tiêu biểu. Cũng trong năm 2016, lần thứ hai BVSC được Tạp chí Global Banking & Finance Review của Anh quốc vinh danh với cú đúp giải thưởng “**Best brokerage house Vietnam 2016**” và “**Best Equity House 2016**” cho thấy thương hiệu BVSC đã bước đầu hội nhập quốc tế.

*Chi tiết về các giải thưởng trong năm 2016 vui lòng xem thêm từ trang 10 đến trang 13 Báo cáo này.*

### ***3.5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý trong năm 2016***

Trong năm 2016, Công ty đã chuyển địa điểm và đổi tên Phòng Giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ sang Phòng Giao dịch 90 Cao Thắng tại Số 90 Cao Thắng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Trong năm, Công ty tiếp tục thực hiện nghiên cứu, rà soát các chính sách môi giới hiện có để xem xét bổ sung một số điều khoản cho phù hợp với chính sách quản lý và xu hướng chung của thị trường. Ngoài ra, trong năm công ty đã ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn tuyển dụng môi giới chính thức giúp các Lãnh đạo Phòng Giao dịch, Trưởng nhóm môi giới có những mục tiêu rõ ràng trong công tác tuyển dụng.

### ***3.6. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán***

Ý kiến Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán.

## CHƯƠNG IV: KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG NĂM 2017

### 1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Chiến lược hoạt động giai đoạn 2016-2020 của BVSC được ĐHCĐ thường niên 2016 thông qua ngày 12/5/2016 cụ thể như sau:

#### 1.1. Tầm nhìn và mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020:

❖ **Tầm nhìn đến năm 2020:** Giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng và tốt nhất cho khách hàng, mang đến sự hài lòng nhất cho cổ đông

#### ❖ **Mục tiêu chiến lược đến năm 2020:**

- ✓ Doanh thu: đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 9%.
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 6,5%.
- ✓ Vốn điều lệ đến năm 2020: Dự kiến tăng lên 1.500 tỷ đồng.
- ✓ Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE): đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 7%, tới năm 2020 dự kiến đạt 8%;
- ✓ Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (ROCC): đặt mục tiêu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 11%
- ✓ Tỷ trọng doanh thu môi giới/Tổng doanh thu: đặt mục tiêu đạt từ 40%-50%.
- ✓ Thị phần CP&CCQ: đặt mục tiêu tới năm 2020 đạt vị thế trong Top 5 CTCK thị phần lớn nhất.

#### 1.2. Định hướng triển khai chiến lược giai đoạn 2016-2020:

Để thực thi chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020 hướng tới tầm nhìn và mục tiêu chiến lược nêu trên, BVSC hoạch định các giải pháp triển khai như sau:

##### 1.3.1. Chiến lược khách hàng, sản phẩm, kênh phân phối, địa bàn kinh doanh:

- ✓ Tập trung phát triển thị trường tại các Trung tâm tài chính trong nước là Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... và triển khai khai thác thị trường nước ngoài thông qua văn phòng đại diện hoặc hợp tác kinh doanh.
- ✓ Tập trung phát triển khách hàng tổ chức.
- ✓ Mở rộng mạng lưới: tăng số lượng các Phòng Giao dịch và tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới.

- ✓ Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn, giữ vững thương hiệu nhà tư vấn M&A hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

### **1.3.2. Chiến lược đầu tư:**

- ✓ Chiến lược đầu tư tự doanh thận trọng; đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước về các chỉ tiêu an toàn tài chính và giới hạn đầu tư.
- ✓ Chiến lược đầu tư mang tính trung hạn và kết hợp với một phần nhỏ giao dịch ngắn hạn nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư và an toàn cho danh mục.

### **1.3.3. Chiến lược vốn:**

- ✓ Để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, BVSC sẽ cần mức vốn điều lệ tối thiểu 1.200 tỷ đồng, tới năm 2020 đặt mục tiêu nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, trong đó Tập đoàn Bảo Việt sẽ duy trì tỉ lệ sở hữu chi phối tại BVSC.
- ✓ BVSC sẽ triển khai phát hành tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược.
- ✓ Cơ cấu sử dụng vốn được ưu tiên cho định hướng kinh doanh nêu trên, tập trung nguồn lực cho hoạt động môi giới, tự doanh, hoạt động IB, và các hoạt động hỗ trợ môi giới như margin, ứng trước, đầu tư công nghệ thông tin và các dịch vụ khác...

### **1.3.4. Tổ chức và Quản trị doanh nghiệp**

- ✓ Mô hình Quản trị tập trung đối với xây dựng chiến lược phát triển & chính sách sản phẩm, dịch vụ xuyên suốt; quản trị rủi ro, nguồn nhân lực, công nghệ, thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh;
- ✓ Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ.
- ✓ Kiện toàn tổ chức Đảng.



## 2. MỤC TIÊU VÀ CAM KẾT HÀNH ĐỘNG NĂM 2017

### 2.1. Dự báo nền Kinh tế và Thị trường Chứng khoán năm 2017

#### Nền kinh tế

##### Cơ hội

- **Tăng trưởng GDP được dự báo ở mức 6,5-6,7%.** Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2017 ở mức 6,7%, cao hơn so với năm 2016. Một số yếu tố kỳ vọng sẽ giúp GDP đạt mức tăng tích cực trong năm 2017 là dự báo hiện tượng El Nino có xu hướng yếu dần, Chính phủ tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và tác động tích cực từ các hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký với các đối tác EU, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á Âu...
- **Tăng trưởng tín dụng nhiều khả năng cũng sẽ được định hướng ở mức tương đối cao (17-18%).** Với nhu cầu vay ngân hàng của các doanh nghiệp gia tăng khi kinh tế phục hồi, chúng tôi cho rằng mục tiêu này có thể đạt được. Về cơ cấu, tín dụng được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh ở các lĩnh vực xuất khẩu, nông nghiệp-nông thôn, doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- **Xuất khẩu hứa hẹn sẽ tiếp tục tăng trưởng khá.** Xuất khẩu năm 2017 được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng do thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta là Mỹ (chiếm khoảng 20%) dự kiến vẫn có mức tăng trưởng kinh tế tốt và là đầu tàu của kinh tế thế giới. Mặc dù TPP đã bị đình trệ sau khi ông Donald Trump nhậm chức Tổng thống Mỹ nhưng nếu khai thác tốt các hiệp định tự do thương mại hiện có thì xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng trong giai đoạn tới. Dự báo mức tăng trưởng của xuất khẩu trong năm 2017 sẽ ở mức 8-9%.



### **Thách thức**

- **Lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục neo ở mức cao.** Chúng tôi cho rằng diễn biến lạm phát năm 2017 nhiều khả năng sẽ tiếp tục ở mức tương đương hoặc tăng nhẹ so với năm 2016 vì có một số rủi ro tiềm ẩn như: giá dầu hồi phục sau quyết định cắt giảm sản lượng của các nước trong và ngoài OPEC; hai nhóm hàng y tế và giáo dục tiếp tục thực hiện lộ trình tăng giá và ảnh hưởng từ độ trễ của chính sách nới lỏng tiền tệ trong hai năm qua.
- **Mặt bằng lãi suất có thể sẽ tăng nhẹ 0,5-1%** do ba nguyên nhân chính: Thứ nhất, tín dụng được dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức cao nhằm mục tiêu hỗ trợ cho tăng trưởng. Thứ hai, lạm phát sẽ tiếp tục chịu áp lực gia tăng và đây sẽ là nguyên nhân có thể khiến các ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất huy động. Thứ ba, NHNN cần duy trì một độ rộng hợp lý cho lãi suất VND so với USD, và việc Fed dự kiến có thêm ba lần điều chỉnh lãi suất nữa trong năm 2017 sẽ gây áp lực tăng lãi suất VND.
- **Áp lực tỷ giá.** Tỷ giá USD/VND được dự báo sẽ tăng 3-5% trong năm 2017. Dự báo này được đưa ra trên cơ sở dự báo cán cân thanh toán tổng thể của Việt Nam sẽ khó có thể tiếp tục thặng dư do khả năng quay lại chính sách bảo hộ của Mỹ và một số nước khác. Bên cạnh đó, việc tân tổng thống Mỹ rút lui khỏi TPP sẽ có ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Ngoài ra, chính sách tiền tệ có phần nới lỏng của NHNN trong những năm gần đây cũng sẽ phần nào gây áp lực mất giá lên VND.

### **BVSC dự báo các chỉ tiêu vĩ mô năm 2017 như sau:**

| Các chỉ tiêu chính                | 2016  | 2017                   |             |
|-----------------------------------|-------|------------------------|-------------|
|                                   |       | Mục tiêu của Chính phủ | BVSC dự báo |
| Tăng trưởng GDP (%)               | 6.21  | 6.7                    | 6.5-6.7     |
| Lạm phát bình quân (%)            | 2.66  | 4                      | 3-4         |
| Biến động tỷ giá USD/VND (%)      | 1.2   | N/A                    | 3-5         |
| Tăng trưởng xuất khẩu (%)         | 8.6   | 6-7                    | 8-9         |
| Tăng trưởng vốn FDI giải ngân (%) | -8.2  | N/A                    | -5-0        |
| Tăng trưởng tín dụng (%)          | 18.71 | 18                     | 17-18       |

## Thị trường chứng khoán

### *Cơ hội*

- ***Triển vọng nâng hạng TTCK Việt Nam lên nhóm các thị trường mới nổi sẽ tạo kỳ vọng cho dòng tiền.*** Mặc dù quá trình xem xét nâng hạng nhiều khả năng sẽ kéo dài và còn khá nhiều vấn đề cần khắc phục để được MSCI chấp thuận, tuy nhiên triển vọng nâng hạng đối với TTCK Việt Nam là khá rõ nét. Trước mắt (2-3 năm tới), nếu đạt được các bước tiến cụ thể, có thể kỳ vọng MSCI sẽ đưa Việt Nam vào danh sách đánh giá thường niên.
- ***Mở room ngoại ở một số doanh nghiệp – ngành cụ thể, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước và lộ trình niêm yết của các doanh nghiệp lớn trên sàn sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ thị trường.*** Đối với vấn đề mở room ngoại, có thể kỳ vọng Chính phủ sẽ ban hành các chính sách kích thích, hỗ trợ hoạt động nói room của doanh nghiệp trong năm 2017, thúc đẩy sự sôi động của TTCK, đặc biệt ở các ngành như ngân hàng, bảo hiểm, sẫm lốp, dệt may, nhựa, thực phẩm đồ uống... Bên cạnh đó, năm 2017 sẽ chứng kiến nhiều doanh nghiệp lên sàn như Vietjet, Thaco Truong Hai, Petrolimex và Vinatex... Tương tự như trường hợp của SAB, BHN trong năm 2016, có thể kỳ vọng nhóm các doanh nghiệp mới này sẽ tiếp sức cho đà tăng của thị trường.
- ***Lộ trình triển khai các sản phẩm phái sinh, cơ chế giao dịch mới (T0, bán cổ phiếu chờ về) sẽ thu hút thêm dòng tiền đầu tư và tăng thanh khoản cho thị trường.***Sau khi đã hoàn thiện khung pháp lý, công tác chuẩn bị cho xây dựng hệ thống giao dịch và thanh toán cho TTCK phái sinh đang theo kế hoạch và sẽ được triển khai trong năm 2017. Đây là một dấu mốc quan trọng trong lộ trình phát triển của TTCK Việt Nam, giúp thu hút thêm các dòng tiền mới tham gia và điều này cũng tạo cơ sở để TTCK Việt Nam tiến gần hơn với các tiêu chuẩn nâng hạng lên nhóm thị trường mới nổi theo phân hạng của MSCI.

### *Thách thức*

- ***Bất ổn kinh tế Trung Quốc có thể coi là rủi ro đáng lưu ý nhất của năm.*** Nợ Trung Quốc đang ở tình trạng đáng báo động dựa theo các tiêu chuẩn quốc tế. Trong kịch bản Chính phủ Trung Quốc mất khả năng kiểm soát, khủng hoảng nợ thực sự xảy ra sẽ gây nên những hệ lụy khó lường đến không chỉ nền kinh tế nước này mà ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Kinh tế Việt Nam cũng sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề khi mà có nhiều hoạt động thương mại, tài chính chặt chẽ với Trung Quốc.

- **Tác động từ các chính sách của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump.** Đối với Việt Nam, định hướng chính sách của Donald Trump sẽ có thể gây ra 2 ảnh hưởng tiêu cực. Thứ nhất về mặt thương mại, việc TPP không được thông qua khiến Việt Nam mất đi cơ hội hội nhập sâu rộng từ một hiệp định thương mại tự do mang tính toàn diện. Thứ 2, xu hướng mạnh lên của đồng USD, nếu tiếp diễn trong trung hạn sẽ gây ra nhiều áp lực đối với câu chuyện tỷ giá trong nước. Đây là một rủi ro đối với dòng tiền ngoại trong năm 2017.
- **Mặt bằng giá cổ phiếu Việt Nam tuy chưa phải đắt nhưng cũng đã không còn rẻ trong mắt khối nhà đầu tư nước ngoài.** Diễn biến tăng điểm mạnh mẽ của TTCK Việt Nam từ đầu năm 2012 đến nay khiến P/E của VnIndex tăng từ 8,7 (mức thấp trong khu vực tại thời điểm 2012) lên mức hiện tại quanh 17 (mức trung bình trong khu vực). Tương ứng với đó, động thái mua ròng của khối ngoại cũng giảm dần qua các năm và đáng chú ý là khối này đã chuyển sang bán ròng trên HoSE trong năm 2016. Thị trường cần thêm những động lực mới đủ mạnh để có thể tiếp tục bứt phá lên các mặt bằng giá cao hơn, tiếp cận top trên của các thị trường trong khu vực.

#### Dự báo các kịch bản diễn biến thị trường 2017

| CHỈ TIÊU                                 | Tích cực | Trung bình | Tiêu cực |
|--|----------|------------|----------|
| Tăng trưởng GDP (%)                      | 6.7-6.9  | 6.5-6.7    | 6.3-6.5  |
| Biến động lãi suất (tăng)                | 0-0.5%   | 0.5-1.0%   | 1.0-1.5% |
| P/E VNINDEX                              | 17-18    | 15-16      | 13-14    |
| Tăng trưởng EPS bình quân                | 11-12%   | 9-10%      | 7-8%     |
| VNINDEX trung bình                       | 750-770  | 670-690    | 590-610  |
| GTGD trung bình phiên<br>(Tổng cả 3 sàn) | 3.400 tỷ | 3.250 tỷ   | 3.100 tỷ |

#### Thuận lợi – Khó khăn của BVSC trong năm 2017

##### *Thuận lợi*

BVSC vẫn giữ vững vị thế là Công ty chứng khoán hàng đầu, thương hiệu uy tín, hoạt động ổn định. BVSC đã và đang chủ động chuẩn bị từ sớm về nguồn lực con người, hệ thống công nghệ, quy trình nghiệp vụ, quy chế vận hành sản phẩm mới... để sẵn sàng cho việc cung cấp các sản phẩm mới trong năm 2017 ngay khi UBCKNN và các Sở giao dịch phê duyệt.

### **Khó khăn**

Kinh tế vĩ mô được dự báo vẫn còn nhiều yếu tố thách thức và thị trường chứng khoán còn tiềm ẩn nhiều khó khăn với các công ty nói chung và với BVSC nói riêng. Bên cạnh đó, quy mô vốn vẫn ở mức trung bình so với thị trường trong khi kế hoạch huy động vốn có thể có độ trễ nên chưa thể bổ sung ngay nguồn lực tài chính để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh có hiệu quả ngay từ đầu năm.

## **1.3. Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2017**

### **1.3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch 2017**

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2017, BVSC đặt ra mục tiêu kinh doanh 2017 dự kiến để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở dự báo kịch bản diễn biến thị trường ở mức trung bình, cụ thể như sau:

#### **Kế hoạch kinh doanh 2017**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| <b>STT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                      | <b>Thực hiện năm 2016</b> | <b>Kế hoạch năm 2017</b> | <b>% KH so với TH</b> |
|------------|--------------------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>A</b>   | <b>TỔNG DOANH THU</b>                | <b>294,17</b>             | <b>324</b>               | <b>110,1%</b>         |
| 1          | Tự doanh                             | 37,46                     | 59,65                    | 159,2%                |
| 2          | Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 136,97                    | 139,75                   | 102,0%                |
| 3          | Môi giới                             | 99,86                     | 110                      | 110,2%                |
| 4          | BLPH                                 | 0,3                       | 0,1                      | 33,3%                 |
| 5          | Tư vấn, BLPH                         | 9,54                      | 11,2                     | 117,4%                |
| 6          | Lưu ký                               | 4,38                      | 3,1                      | 70,8%                 |

|          |                             |               |            |               |
|----------|-----------------------------|---------------|------------|---------------|
| 7        | Doanh thu khác              | 5,66          | 0,2        | 3,5%          |
| <b>B</b> | <b>TỔNG CHI PHÍ</b>         | <b>174,86</b> | <b>196</b> | <b>112,1%</b> |
| <i>C</i> | <i>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</i> | <i>119,31</i> | <i>128</i> | <i>107,3%</i> |
| <b>D</b> | <b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>   | <b>101,71</b> | <b>102</b> | <b>100,3%</b> |

### 1.1.1. Các giải pháp thực hiện

#### Hoạt động Môi giới:

##### Mục tiêu:

- Doanh thu: 110 tỷ đồng
- Thị phần môi giới CP&CCQ: 4,20%. Giữ vững vị trí trong TOP 10 tại các Sở giao dịch.

##### Giải pháp:

#### ▪ **Sản phẩm:**

- Tập trung các nguồn lực để triển khai các sản phẩm CKPS khi thị trường CKPS chính thức triển khai.
- Đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư phục vụ khách hàng.
- Triển khai các sản phẩm dịch vụ tiện ích trên nền tảng công nghệ như hệ thống home trading, mobile trading.
- Thực hiện phân phối trái phiếu kỳ hạn.

#### ▪ **Kênh phân phối:**

- + Tăng cường tuyển dụng và đào tạo nhân viên môi giới
- + Đẩy mạnh khai thác thị trường tại một số nước trong khu vực Asean như Indonesia, Malaysia, Thái Lan....thông qua các hoạt động kết nối với các CTCK trong khu vực Asean.
- + Triển khai phân phối thông qua việc hợp lực về bán chéo sản phẩm với các công ty trong Tập đoàn Bảo Việt.

#### ▪ **Đẩy mạnh các chương trình marketing tích hợp và chăm sóc khách hàng:**

BVSC tiếp tục kết hợp với Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên để đẩy mạnh các chương trình marketing tích hợp như “Mega Sales”, “Năng vàng, biển xanh cùng Bảo Việt”, “Grand Sales”... nhằm tri ân khách hàng và tạo cơ hội bán chéo sản phẩm trong nội bộ Tập đoàn.

Ngoài ra, các sự kiện tri ân khách hàng nhân dịp thành lập Công ty, chương trình tết, sinh nhật khách hàng và các hội thảo mini... sẽ được Công ty đẩy mạnh triển khai trong năm 2017 nhằm gia tăng các quyền lợi cho khách hàng khi thực hiện giao dịch tại BVSC.

## **Tự doanh**

### ***Đầu tư cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết (đầu tư OTC):***

- + Thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư đầu tư OTC khi có điều kiện thoái vốn, đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty.
- + Chỉ đầu tư giải ngân vào các cổ phiếu OTC đã nắm giữ do phát hành thêm tăng vốn để đảm bảo và duy trì tỷ lệ sở hữu.
- + Chỉ đầu tư vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có kế hoạch niêm yết trong vòng 1 năm với điều kiện công ty là đơn vị tư vấn và phải thực hiện tư vấn niêm yết thành công trong vòng 1 năm kể từ thời điểm giải ngân.

### ***Đầu tư cổ phiếu, CCQ niêm yết:***

- + Hạn mức đầu tư được duy trì với quy mô thận trọng, an toàn, hạn mức cắt lỗ tối đa là 10%.
- + Phần giá trị đầu tư cổ phiếu niêm yết sẽ thực hiện chủ động điều chỉnh tùy theo diễn biến của thị trường và bổ sung, hỗ trợ vốn cho hoạt động môi giới khi chưa giải ngân.

### ***Đầu tư trái phiếu:***

- + Dự kiến giải ngân thêm đối với trái phiếu doanh nghiệp, đảm bảo cân bằng danh mục.
- + Công ty sẽ chủ động thực hiện triển khai hoạt động mua bán có kỳ hạn các trái phiếu nắm giữ để huy động vốn cho các hoạt động kinh doanh ngắn hạn (margin, ứng trước) phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và khai thác tối đa các nguồn lực.

## **Tư vấn**

Trong năm 2017 BVSC sẽ tiếp tục tái cơ cấu hoạt động tư vấn theo định hướng kinh doanh mới của HĐQT. Song song Công ty sẽ tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- + Triển khai có trọng điểm các hợp đồng tư vấn cho các doanh nghiệp phát hành chứng khoán (trái phiếu, cổ phiếu) để huy động vốn và tăng cường khả năng tham gia của hoạt động tự doanh
- + Triển khai mảng tư vấn là thế mạnh của BVSC như Tư vấn cổ phần hóa, hợp nhất, sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp;

+ Nghiên cứu và đưa vào ứng dụng các sản phẩm tài chính đa dạng tại các thị trường phát triển phù hợp với thị trường chứng khoán Việt Nam. Các sản phẩm pre IPO, phát hành warrant sẽ cần được nghiên cứu triển khai, nhất là khi có sự ra đời của sản phẩm phái sinh

+ Tích cực tìm kiếm các hợp đồng tư vấn tài chính, phát hành, niêm yết với các doanh nghiệp tư nhân lớn, hoạt động hiệu quả.

+ Phối hợp với các thành viên trong Tập đoàn tham gia Dự án hợp lực, thông qua đó đẩy mạnh ký kết các hợp đồng tư vấn khách hàng doanh nghiệp, tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên tham gia Dự án hợp lực.

### **Công tác Quản lý và Hỗ trợ:**

***Quản lý giao dịch và phát triển sản phẩm:*** Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong năm 2016, năm 2017 BVSC sẽ triển khai chuỗi các sản phẩm ứng dụng dành cho khách hàng. Toàn bộ các dịch vụ của BVSC sẽ được ứng dụng trên phân hệ dành cho giao dịch trực tuyến (trading online), các thiết bị di động (mobile trading) với các hệ điều hành khác nhau (IOS, Android...) và cho thiết bị cố định (home trading). Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các khóa đào tạo nội bộ dành cho CBNV cũng như duy trì vận hành hệ thống hỗ trợ cho hoạt động giao dịch hàng ngày.

### **Nghiên cứu phân tích**

Hoạt động phân tích được xác định là hoạt động mũi nhọn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Trong năm 2017, ngoài việc duy trì các hạng mục báo cáo định kỳ, khối phân tích của BVSC sẽ tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng từng loại báo cáo. Một số định hướng trọng tâm bao gồm: Tăng tần suất các báo cáo chuyên đề chuyên sâu, tập trung vào các chủ đề nóng của nền kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán đang được nhà đầu tư quan tâm; Tăng cường đi thăm doanh nghiệp, bám sát những chuyển biến mới; Tìm kiếm và sàng lọc cơ hội đầu tư theo từng nhóm ngành tiềm năng, gia tăng mức độ cụ thể trong các khuyến nghị đầu tư.

### **Công nghệ thông tin**

Các mục tiêu chính yếu của CNTT năm 2017 là hoàn tất tái cơ cấu về hạ tầng CNTT và phát huy tối đa hiệu quả về hạ tầng và con người nhằm tạo ra các giá trị hỗ trợ cho nghiệp vụ kinh doanh của công ty.

Các chính sách, kế hoạch CNTT năm 2017 cũng đặc biệt có sự tham khảo tập trung và chuẩn bị để có thể đáp ứng tốt nhất với các kế hoạch/thay đổi trong tương lai trung và dài hạn của các cơ quan quản lý, cũng như sự chiến lược kinh doanh của BVSC.

Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 cụ thể như sau:

- *Triển khai hệ thống Front-office* hoàn toàn mới nhằm cung cấp một cách trực tiếp, chủ động, đầy đủ và hiệu quả nhất dịch vụ của BVSC đến khách hàng thông qua các kênh giao dịch trực tuyến bao gồm web, phiên cài chuyên dụng – dành cho Khách hàng và Nhân viên môi giới trên PC và trên các thiết bị mobile, dự kiến từ quý I/2017.
- Chuẩn bị các bước cần thiết cho mô hình kết nối mới với các sở GDCK, VSD dự kiến sẽ hoạt động vào năm 2018 như hoàn tất việc tái cơ cấu hạ tầng CNTT tại đầu HN và HCM, nâng cấp hệ thống CSDL lõi, nâng cấp hạ tầng an ninh bảo mật phục vụ hoạt động nội bộ và giao dịch trực tuyến....
- Ngoài ra, BVSC tập trung triển khai các tiêu dự án phục vụ cho công tác quản trị như nâng cấp thay thế website, tạo ra các công cụ hỗ trợ khai thác dữ liệu báo cáo hỗ trợ điều hành và quản lý rủi ro, triển khai công cụ hỗ trợ quản lý công việc và quản trị yêu cầu cho các phòng nghiệp vụ.

### **Công tác tổ chức nhân sự và chính sách đãi ngộ:**

Năm 2017, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng quản trị tập trung, tăng cường công tác tuyển dụng nhân sự cho hoạt động môi giới cũng như liên tục rà soát sửa đổi chính sách khoán môi giới để phù hợp với những thay đổi của thị trường, tăng tính cạnh tranh để thu hút nhân lực và định hướng chiến lược phát triển trong giai đoạn 2016 - 2020.

Song song, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và tập trung chủ yếu vào công tác đào tạo nội bộ về sản phẩm, dịch vụ mới của Công ty cho đội ngũ môi giới để từ đó nâng lương chất lượng nhân sự tư vấn đầu tư và dịch vụ khách hàng.

### **Truyền thông và Phát triển thương hiệu:**

Tiếp tục đẩy mạnh hợp lực với Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên nhằm gia tăng sức mạnh thương hiệu Bảo Việt nói chung, BVSC nói riêng cũng như gia tăng các lợi ích cho khách hàng của BVSC thông qua các dự án hợp lực về thương hiệu, truyền thông, marketing tích hợp như Dự án lịch tết, Grandsales, Megasales.....là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của BVSC trong năm 2017.

Song song, công tác truyền thông trong năm 2017 tiếp tục hướng tới việc xây dựng thương hiệu BVSC là một công ty chứng khoán uy tín và doanh nghiệp niêm yết minh bạch thông qua các kế hoạch truyền thông chủ động trong năm về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó trọng tâm là việc hợp tác với các



cơ quan báo chí chuyên ngành dưới nhiều hình thức khác nhau như hợp tác xây dựng chuyên đề, cử chuyên gia phân tích tham gia các tọa đàm, hội thảo....

### **Pháp chế, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro:**

Trong năm 2017, công tác pháp chế, kiểm soát nội bộ & QTRR của BVSC sẽ tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm, cụ thể như sau:

- Nghiên cứu các quy định pháp luật mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Công ty, các phòng ban và các khách hàng của Công ty các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hoạt động, phối hợp xây dựng và triển khai các quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu hợp đồng/thỏa thuận của các sản phẩm dịch vụ chứng khoán mới như chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm, giao dịch trong ngày; Tăng cường rà soát, hiệu chỉnh, hệ thống hóa các quy trình, quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với sự thay đổi của pháp luật, tăng tính chủ động và phát huy hiệu quả trong hoạt động của toàn Công ty.
- Xây dựng các chương trình kiểm soát mới để bên cạnh việc kiểm tra tuân thủ thì còn giúp nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong công ty về một môi trường kiểm soát minh bạch và hiệu quả. Triển khai Chính sách QTRR đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2017. Nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới để sớm đánh giá và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn, đề xuất xây dựng chốt chặn rủi ro, hạn mức rủi ro cho sản phẩm dịch vụ mới này khi công ty triển khai.

## **CHƯƠNG V: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

### **1. THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC BVSC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Chiến lược Phát triển bền vững mà Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt theo đuổi là chiến lược tập trung vào việc thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định và vững chắc, song song đồng thời triển khai các mục tiêu về môi trường và xã hội nhằm gia tăng giá trị công ty, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, người lao động cũng như các bên liên quan.

Năm 2016, năm đầu tiên trong chiến lược hoạt động giai đoạn 2016 – 2020, đã chứng kiến những nỗ lực và quyết tâm của tập thể CBNV Công ty trong việc triển khai nhiệm vụ kinh doanh với kết quả hoàn thành 104% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Kết quả kinh doanh khả quan là tiền đề để Công ty thực hiện các cam kết với người lao động trong việc đảm bảo thu nhập ổn định, các chính sách phúc lợi cạnh tranh, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và gắn kết. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng tăng cường trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình thiện nguyện nhằm lan tỏa giá trị nhân văn tới cộng đồng.

Năm nay là năm thứ 5 liên tiếp BVSC thực hiện Báo cáo Phát triển bền vững như một tài liệu bổ sung, gắn chặt chẽ với Báo cáo Tài chính và Báo cáo thường niên của Công ty theo hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (GRI). Chúng tôi một lần nữa muốn khẳng định định hướng và cam kết của BVSC về mục tiêu phát triển bền vững, không chỉ bằng những tuyên ngôn thuần túy mà bằng những kế hoạch hành động và những tiêu chí đánh giá cụ thể. Chúng tôi hiểu rằng bằng nỗ lực và quyết tâm này là cách để chúng tôi khẳng định uy tín trên thị trường cũng như niềm tin đối với các cổ đông và các bên liên quan của Công ty.

**Tổng Giám Đốc**



**Nhữ Đình Hòa**

## 2. Chiến lược phát triển bền vững tại BVSC 2016 - 2020: cam kết và mục tiêu hành động

### Tầm nhìn

Giữ vững vị trí công ty chứng khoán hàng đầu, cung cấp các dịch vụ chứng khoán đa dạng và tốt nhất cho khách hàng, mang đến sự hài lòng nhất cho cổ đông, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các bên liên quan và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

### Mô hình quản trị về phát triển bền vững tại BVSC

Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, BVSC luôn theo sát những định hướng về Phát triển bền vững của Tập đoàn và đồng hành với các hoạt động do Tập đoàn phát động. Do đó, để thực thi chiến lược phát triển bền vững hiệu quả, BVSC xây dựng mô hình quản trị có tính gắn kết chặt chẽ với Tập đoàn.

|   |  |
|---|--|
| <b>Tập đoàn Bảo Việt</b><br>↓                       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Định hướng, chiến lược chung của Tập đoàn và các Đơn vị Thành viên</li><li>- Các chương trình hành động chung</li></ul>  |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b><br>↓                       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Định hướng, chỉ đạo chung về chiến lược Phát triển bền vững của Công ty</li><li>- Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động</li></ul>   |
| <b>Các bộ phận chức năng, tổ chức đoàn thể</b><br>↓ | <ul style="list-style-type: none"><li>- Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu và kế hoạch hành động cụ thể</li><li>- Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và các kế hoạch trong toàn Công ty, chia sẻ lan tỏa những giá trị phát triển bền vững tới cộng đồng</li><li>- Triển khai thực thi kế hoạch đạt mục tiêu đề ra</li></ul> |
| <b>Cán bộ Nhân viên</b>                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tham gia triển khai thực thi các kế hoạch hành động cụ thể</li><li>- Chia sẻ, lan tỏa những giá trị phát triển bền vững của BVSC tới cộng đồng</li></ul>   |

|   |  |
|---|--|
| <b>Tập đoàn Bảo Việt</b><br>↓                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định hướng, chiến lược chung của Tập đoàn và các Đơn vị Thành viên</li> <li>- Các chương trình hành động chung</li> </ul>   |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b><br>↓                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định hướng, chỉ đạo chung về chiến lược Phát triển bền vững của Công ty</li> <li>- Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động</li> </ul>  |
| <b>Các bộ phận chức năng, tổ chức đoàn thể</b><br>↓ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu và kế hoạch hành động cụ thể</li> <li>- Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và các kế hoạch trong toàn Công ty, chia sẻ lan tỏa những giá trị phát triển bền vững tới cộng đồng</li> <li>- Triển khai thực thi kế hoạch đạt mục tiêu đề ra</li> </ul> |
| <b>Cán bộ Nhân viên</b>                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia triển khai thực thi các kế hoạch hành động cụ thể</li> <li>- Chia sẻ, lan tỏa những giá trị phát triển bền vững của BVSC tới cộng đồng</li> </ul>  |

### Mô hình thực thi và đánh giá các kế hoạch phát triển bền vững tại BVSC

| <b>Đối tượng tác động</b>                                | <b>Tiêu chí tác động</b>  |
|--|---|
| Trong nội bộ Doanh nghiệp<br>(Cổ đông và người lao động) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng ổn định</li> <li>- Đảm bảo cam kết với cổ đông</li> <li>- Đảm bảo thu nhập, lợi ích cho người lao động, chăm lo đời sống và đảm bảo phúc lợi tăng trưởng cho người lao động</li> <li>- Phát triển đội ngũ</li> <li>- Tăng động lực phát triển</li> </ul> |

|   |   |
|---|---|
| <p>Bên ngoài Doanh nghiệp</p> <p>(Các bên liên quan và cộng đồng)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng tính minh bạch ra thị trường</li> <li>- Liên tục đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng</li> <li>- Góp phần xây dựng phát triển TTCK Việt Nam cũng như nền Kinh tế Việt Nam và khu vực.</li> <li>- Xây dựng quan hệ tốt đẹp và đảm bảo lợi ích với các cơ quan truyền thông, các tổ chức Hiệp hội ngành nghề, các tổ chức đoàn thể</li> <li>- Tuân thủ pháp luật và hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước</li> <li>- Tăng cường trách nhiệm với cộng đồng thông qua các chương trình do BVSC sáng lập và/hoặc đồng triển khai</li> <li>- Góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, an sinh xã hội</li> </ul> |
|---|---|

### 3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

#### Đánh giá tổng quát kết quả hoạt động 2016 so với kế hoạch đã đặt ra

| Tiêu chí                                     | Mục tiêu 2016  | Đánh giá kết quả   |
|--|--|--|
| <b>Kinh doanh tăng trưởng</b>                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm:</li> <li>+ Doanh thu – 314 tỷ đồng,</li> <li>+ LNTT: 122 tỷ đồng</li> <li>+ LNST: 97,6 tỷ đồng</li> <li>- Hoàn thành kế hoạch thị phần CP &amp; CCQ: đạt 4.32%</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ tiêu doanh thu: 93.7% kế hoạch</li> <li>- Chỉ tiêu LNTT: 97.8% kế hoạch</li> <li>- Chỉ tiêu LNST: 104% kế hoạch</li> <li>- Thị phần môi giới 2016: đạt 83.33% kế hoạch</li> </ul> |
| <b>Đảm bảo cam kết với các bên liên quan</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ luật pháp và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tốt</li> <li>- Trong quá trình hoạt động, BVSC luôn tuân thủ và thực thi các quy định của pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Năm 2016, Công</li> </ul>                 |

|                                      |  |  |
|--------------------------------------|--|--|
|                                      |  | ty đã đóng góp vào ngân sách nhà nước:<br>16.476.510.295đ  |
|                                      | - <b>Với cổ đông:</b> bảo toàn và tăng trưởng vốn, minh bạch để giữ vững niềm tin  | - Đạt 104.1% kế hoạch lợi nhuận sau thuế<br>- Tổng tài sản tăng 11.2% so với 2015<br>- Vốn chủ sở hữu tăng 6.7% so với 2015.<br>- Là 1 trong 30 DNNY minh bạch tiêu biểu tại HNX |
|                                      | - <b>Với khách hàng:</b> nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển sản phẩm mới  | - Chính sách phí, lãi suất cạnh tranh<br>- Đẩy mạnh chăm sóc khách hàng  |
|                                      | - <b>Với cơ quan quản lý và cơ quan truyền thông:</b> tăng cường hợp tác, thúc đẩy sự phát triển của TTCK  | - Là thành viên tiêu biểu của các Sở GDCK<br>- Đẩy mạnh hợp tác truyền thông   |
|                                      | - <b>Với các hiệp hội:</b> là thành viên tích cực của Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam.                  | - Là thành viên tích cực và tham gia đầy đủ vào các hoạt động thường niên của Hiệp hội<br>- Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính   |
|                                      | - <b>Với người lao động:</b> đảm bảo thu nhập ổn định, tăng cường phúc lợi, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp.   | - Thực hiện tốt cam kết với người lao động   |
| <b>Tăng cường trách nhiệm xã hội</b> | - Duy trì các chương trình an sinh xã hội đã và đang triển khai ổn định: “Suất cơm từ thiện” và “Mang hơi ấm đến vùng cao”.<br>- Tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội theo định | - Thực hiện tốt các chương trình và kế hoạch đặt ra.<br>- Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bảo Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động.                                  |

|   |   |                                  |
|---|---|----------------------------------|
|   | hướng của Tập đoàn Bảo Việt   |                                  |
| <b>Bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường</li> <li>- Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước</li> </ul> | - Luôn tuân thủ và thực hiện tốt |

**Đánh giá cụ thể từng tiêu chí đạt được trong năm 2016 như sau:**

### **Mục tiêu Kinh doanh**

Năm 2016, BVSC đã nỗ lực phát huy mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh đạt được kết quả bám sát các mục tiêu đã được ĐHCĐ thông qua, là nhân tố có tính nền tảng để BVSC thực hiện trách nhiệm với các bên liên quan hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

**Lợi nhuận sau thuế đạt 104.1% so với kế hoạch :** Tổng doanh thu trong năm đạt 294,2 tỷ đồng bằng 102.4% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 101,71 tỷ, đạt 104.2% kế hoạch năm.

**Tổng tài sản tăng 11.2% so với cùng kỳ năm trước:** Tổng tài sản của BVSC tại thời điểm 31/12/2016 là 1.855,2 tỷ tăng 187,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 11,2% so với cùng chỉ năm trước. Mức tăng trưởng này thể hiện sự lớn mạnh về quy mô hoạt động của BVSC so với các Công ty chứng khoán khác trên thị trường.

**Chỉ tiêu an toàn tài chính đạt mức cao:** Chỉ tiêu an toàn vốn khả dụng của BVSC năm 2016 là 678% luôn đạt mức rất cao qua các năm, luôn gấp từ 3 đến 4 lần so với tỷ lệ của định của Bộ tài chính. Mặc dù năm 2016 tỷ lệ an toàn vốn khả dụng giảm 7,6% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do số sự thay đổi các chỉ tiêu theo thông tư mới nhưng đây vẫn là tỷ lệ cao so với các công ty chứng khoán cùng ngành.

### **Đảm bảo cam kết với các bên liên quan**

#### ***Tuân thủ luật pháp và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước***

Trong suốt quá trình hoạt động, BVSC luôn chú trọng việc phát triển kinh doanh trên nền tảng tuân thủ tốt pháp luật nhà nước cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế. Quy trình hoạt động nghiệp vụ của BVSC đều tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Năm 2016, pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán có nhiều thay đổi quan trọng như Thông tư 11/2016 về chứng khoán phái sinh, Thông tư 203 thay thế Thông tư 74/2011 hướng dẫn giao dịch trên TTCK,

Thông tư 07/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 210/2012 hướng dẫn hoạt động của CTCK, BVSC đã tích cực rà soát, cập nhật các quy trình, quy chế nội bộ và biểu mẫu của công ty nhằm đảm bảo quy trình nghiệp vụ luôn tuân thủ mọi quy định và luật pháp hiện hành.

Bên cạnh đó, BVSC luôn thực hiện tốt nghĩa vụ thuế của mình, trong năm 2016, Công ty đã đóng góp 16,5 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước, tăng gấp 4 lần so với năm 2015.

### ***Với cổ đông***

Trong năm 2016, BVSC đã hoàn thành 104.1% kế hoạch lợi nhuận sau thuế, vốn chủ sở hữu tăng thêm 98 tỷ đồng so với 2015, thu nhập trên cổ phiếu (EPS) đạt 1.345 đồng. Với kết quả kinh doanh đạt được, Công ty đã hoàn thành cam kết với cổ đông, tiến tới việc thực hiện cam kết chi trả cổ tức cho cổ đông theo như nghị quyết ĐHĐCĐ 2016 thông qua.

Không chỉ là hoàn thành các chỉ tiêu tài chính, BVSC liên tục củng cố hoạt động, nâng cao công tác quản trị, tăng cường minh bạch thông tin nhằm gia tăng giá trị công ty. Năm 2016 BVSC tiếp tục được bình chọn là 1 trong 30 DNNY minh bạch tiêu biểu tại HNX, cũng như được ghi danh trong TOP 10 doanh nghiệp niêm yết có báo cáo thường niên tốt nhất thị trường. Có thể khẳng định, bên cạnh việc hoàn thành các chỉ tiêu tài chính thì việc đạt được các chỉ tiêu phi tài chính là nhân tố quan trọng góp phần đưa công ty phát triển ổn định và bền vững.

*Chi tiết hơn vui lòng xem tại chuyên mục Thông tin dành cho cổ đông từ trang 24 đến trang 32 báo cáo này.*

### ***Với khách hàng***

Với cam kết cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, BVSC đã và đang tiếp tục nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin, phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là dự án “Hệ thống phần mềm Front office và giao dịch trực tuyến” với mục tiêu giúp khách hàng thực hiện các hoạt động đầu tư chủ động, linh hoạt, thuận tiện và hiệu quả mọi lúc mọi nơi. BVSC cũng luôn duy trì chính sách phí, lãi suất dịch vụ margin, ứng trước cạnh tranh nhất trên thị trường. Đồng thời, Công ty luôn đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng thông qua các hoạt động tư vấn đầu tư định kỳ, các chương trình khuyến mại, đặc biệt trong năm 2016 là chương trình Mega Sale phối hợp với Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã mang lại cơ hội sử dụng các gói tài chính tích hợp bảo hiểm – chứng khoán – ngân hàng cho các khách hàng của BVSC. Để chuẩn bị cho chứng khoán phái sinh, BVSC đã chủ động nghiên cứu và thiết kế các sản phẩm chứng khoán phái sinh để chuẩn bị cho việc cung cấp dịch vụ tốt nhất trong năm 2017.



Trong năm, Công ty cũng thực hiện chuyển Phòng giao dịch 146 Nguyễn Văn Cừ về địa chỉ 90 Cao Thắng với hệ thống cơ sở vật chất hoàn toàn mới; thực hiện cải tạo cơ sở vật chất tại Phòng giao dịch 94 Bà Triệu, để khách hàng được tận hưởng không gian giao dịch thân thiện và thuận tiện.

### ***Với cơ quản lý và cơ quan truyền thông***

Trong suốt 17 năm hình thành và phát triển, với vai trò là công ty chứng khoán đầu tiên tại thị trường chứng khoán Việt Nam, BVSC luôn là thành viên tiêu biểu và hoàn thành tốt nghĩa vụ thành viên tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Trong năm 2016, BVSC cũng luôn chủ động đóng góp ý kiến góp phần thúc đẩy và hoàn thiện khung pháp lý cho sự ra đời của các sản phẩm mới đặc biệt là sự chuẩn bị ra đời của Chứng khoán phái sinh trong năm 2017. Cũng trong năm 2016, BVSC đã phối hợp tích cực với Sở GDCK Hà Nội trong sự kiện Hội nghị CTCK các nước ASEAN. Những nỗ lực của BVSC cũng được các cơ quan quản lý ghi nhận và tôn vinh. Năm 2016, BVSC tiếp tục được bình chọn giải thưởng “Top 30 DNNY minh bạch nhất 2015 – 2016” lần thứ 4 liên tiếp do HNX trao tặng, đồng thời là thành viên tiêu biểu tại cả HNX và HSX.

Trong việc xây dựng quan hệ truyền thông đại chúng, BVSC luôn đảm bảo cơ chế thông tin hai chiều, cung cấp đầy đủ và đa dạng các thông tin cần thiết. Nhờ đó, năm qua, BVSC tiếp tục được ghi nhận bởi nhiều giải thưởng từ các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước như “Thương hiệu mạnh Việt Nam” năm thứ 3 liên tiếp, cú đúp giải thưởng cho 2 lĩnh vực hoạt động chủ chốt là “Best Brokerage house Vietnam” và “Best Equity house Vietnam” 2016 do tạp chí Global banking & finance review trao tặng, giải thưởng “Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất, hạng mục tư vấn hợp nhất sáp nhập” tại diễn đàn M&A2016

### ***Với các Hiệp hội***

BVSC hiện đang là thành viên của các Hiệp hội trong nước như Hiệp hội kinh doanh chứng khoán, Hiệp hội thị trường trái phiếu... Đối với các hoạt động của Hiệp hội, Công ty luôn tích cực tham gia và đóng góp ý kiến xây dựng. Trong năm 2016, BVSC cũng thực hiện đóng 197,2 triệu đồng phí hoạt động, bằng 117% so với năm 2015.

### ***Với người lao động***

**Hiệu quả kinh doanh tốt góp phần quan trọng để BVSC đẩy mạnh việc thực hiện những cam kết với người lao động trong việc tạo cơ hội việc làm, thu nhập ổn định, các cơ hội đào tạo và thăng tiến, chính sách phúc lợi và các cam kết về bình đẳng giới trong Công ty.**

Theo định hướng chiến lược của Công ty đẩy mạnh hoạt động môi giới, năm 2016, BVSC tiếp tục tập trung chủ yếu tuyển dụng đội ngũ môi giới và nhân viên phát triển kinh doanh. Tỷ lệ tuyển dụng của năm 2016 là 21.1%, trong đó tỷ trọng lớn tập trung cho tuyển nhân sự tại các phòng Giao dịch (chiếm 83.3%). Đội ngũ nhân sự tại các khối, phòng ban khác luôn được duy trì ở mức độ ổn định, việc thay thế chỉ để bổ sung cán bộ nghỉ việc hoặc làm việc kém hiệu quả. Cơ cấu nhân sự được duy trì hợp lý trên nhiều phương diện khác nhau. Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm gần 90% và tập trung chủ yếu ở độ tuổi từ 25 - 40 tuổi. Lực lượng lao động trẻ, biến động nhân sự chủ chốt ở mức thấp, cơ cấu lao động theo thâm niên ở mức tương đối cân bằng giúp cho công ty vừa duy trì được động lực sáng tạo vừa có sự kế thừa kinh nghiệm giữa các thế hệ nhân sự. Có thể nói, đây là nguồn vốn nhân lực quan trọng với đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trong ngành chứng khoán – một ngành kinh doanh liên tục biến động.

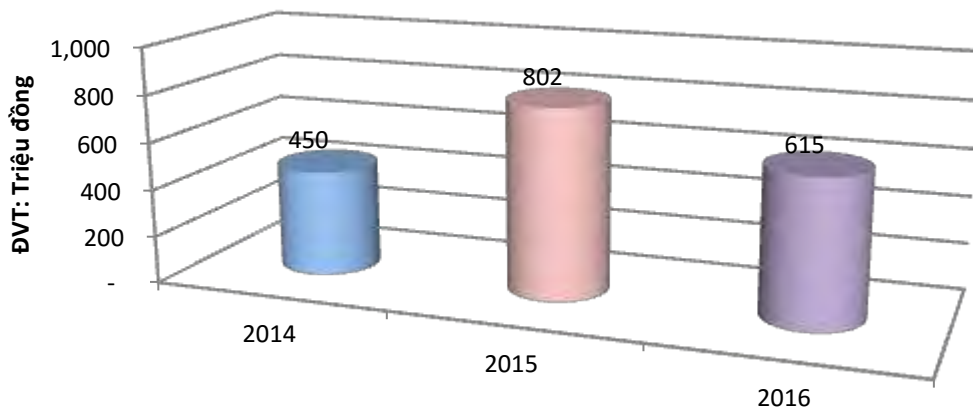
Huấn luyện và đào tạo là một mảng trọng tâm được ưu tiên đầu tư có chiều sâu với định hướng xây dựng một đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, tác phong chuyên nghiệp, tận tâm với khách hàng, đề cao yếu tố đạo đức nghề nghiệp. Trong những năm qua, BVSC có sự dịch chuyển dần chiến lược đào tạo theo hướng tập trung nhiều hơn cho công tác huấn luyện nội bộ để chuyển hóa kiến thức chuyên môn thành kỹ năng giải quyết công việc. Đây là một định hướng đúng đắn và thiết thực để nâng cao chất lượng nhân sự, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Trong năm 2016, tổng số lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo là 246 lượt cán bộ, tương ứng 6.040 giờ đào tạo, bao gồm việc tham gia các khóa đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán do UBCKNN tổ chức và tham gia các chương trình đào tạo, huấn luyện nội bộ về sản phẩm dịch vụ, hệ thống, quy trình nghiệp vụ. Ngoài ra, Công ty cũng liên tục cử cán bộ tham gia các chương trình hội thảo về quản trị nhân sự, quản trị truyền thông, rủi ro, công nghệ.....để cập nhật kiến thức và xu thế mới trong công tác quản lý.

Một thành công trong hoạt động đào tạo năm 2016 là công tác đào tạo để chuẩn bị nhân sự cho kế hoạch triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh trong thời gian tới. Công ty đã cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo "Chứng khoán phái sinh và Thị trường chứng khoán phái sinh" do UBCK tổ chức tại Hà Nội và TP. HCM. Tổng số cán bộ tham gia khóa đào tạo là 78 người với tỷ lệ thi đỗ là 86%, một tỷ lệ cao so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường. Tính đến 31/12/2016, tổng số cán bộ có chứng chỉ hành nghề là 111 cán bộ, trong đó 67 cán bộ có chứng chỉ hành nghề phái sinh

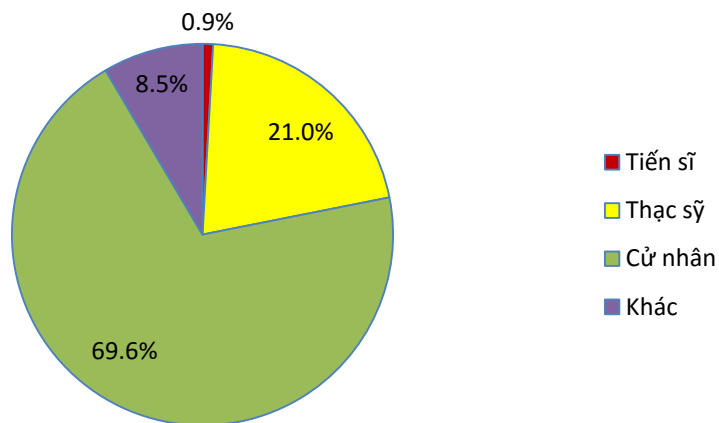
*(Chi tiết thêm về công tác đào tạo xem thêm từ trang 82 đến trang 84 Báo cáo này)*

## BIỂU ĐỒ CHI PHÍ ĐÀO TẠO 2014-2016

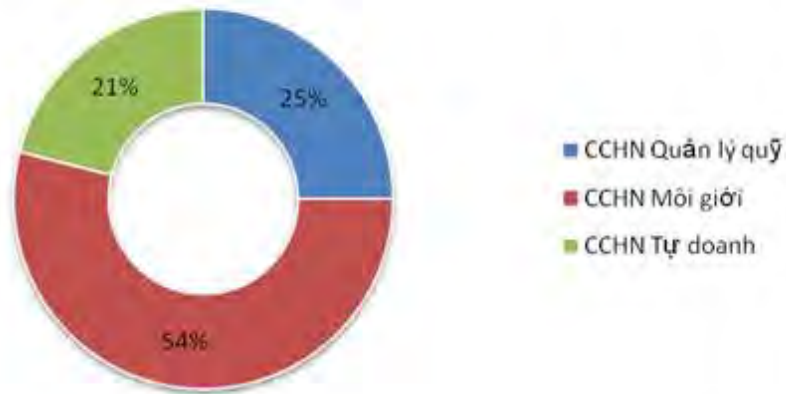


- Số giờ đào tạo bình quân: 24.6 giờ đào tạo/ người

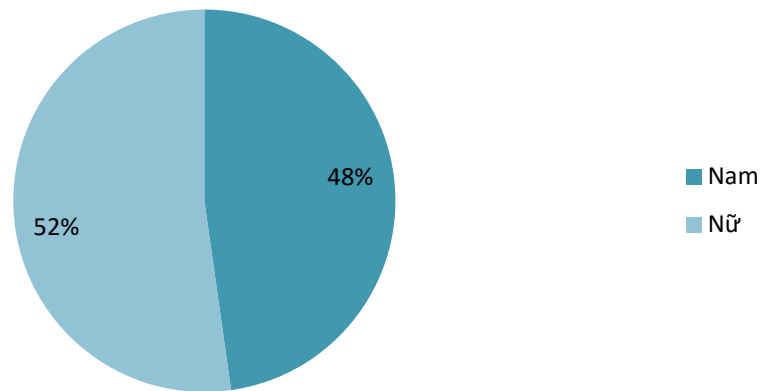
## CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



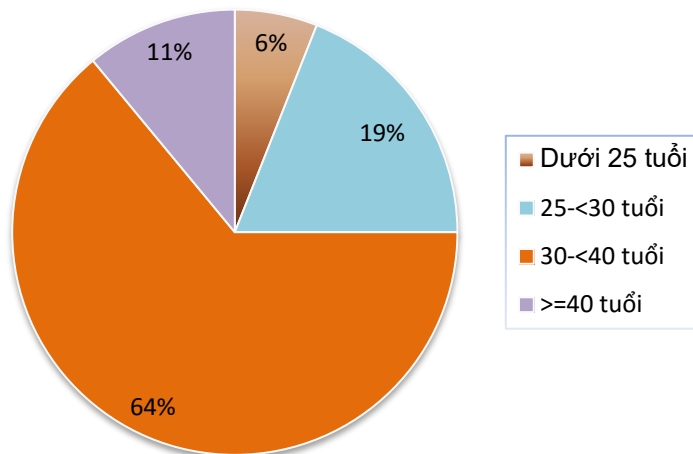
## CƠ CẤU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ



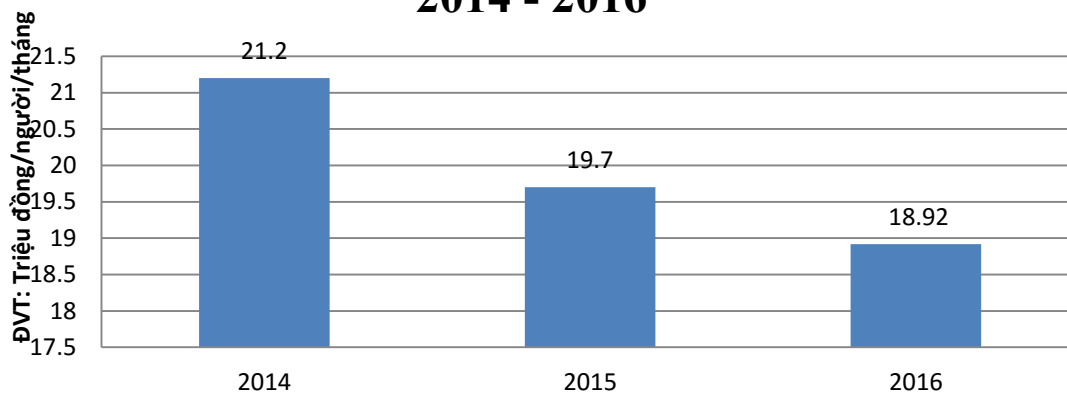
## CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH

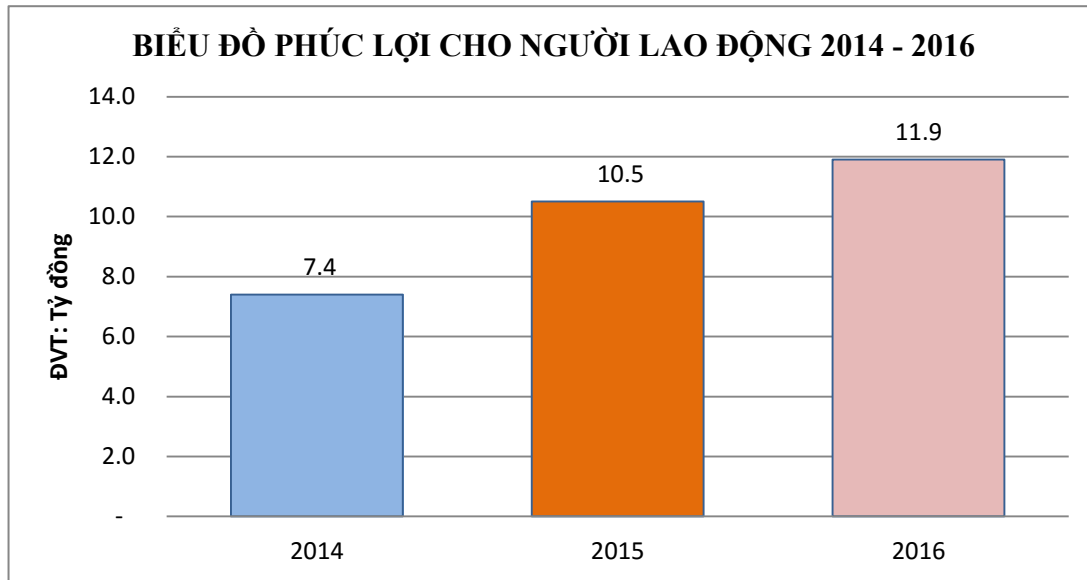


## CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI



## BIỂU ĐỒ THU NHẬP BÌNH QUÂN/THÁNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG 2014 - 2016





Chính sách lương thưởng được xây dựng dựa trên đánh giá giá trị công việc gắn với hiệu quả làm việc nhằm đảm bảo phù hợp với xu hướng của thị trường và tính cạnh tranh trong việc tìm kiếm nguồn nhân sự có chất lượng cũng như giữ chân người tài. Bên cạnh đó, đối với các khối kinh doanh trực tiếp, Công ty triển khai các chính sách khoán kinh doanh như chính sách trả lương thưởng cho môi giới theo doanh thu, quy định phân cấp các Phòng giao dịch và chính sách đãi ngộ cho Lãnh đạo Phòng Giao dịch, chính sách Trưởng nhóm môi giới, chính sách thưởng cho khối đầu tư, chính sách lương thưởng cho khối khách hàng tổ chức nhằm gia tăng cơ chế đãi ngộ cho những cán bộ có năng lực, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ nâng cao hiệu quả công việc, đóng góp trực tiếp vào việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh chung toàn Công ty.

Tổng thu nhập đã chi trả trong năm cho người lao động là 89,3 tỷ đồng, tương đương thu nhập bình quân đạt 18,9 triệu đồng/ người/ tháng. Cơ cấu thu nhập của người lao động tại Công ty bao gồm: Lương trả hàng tháng; thưởng kinh doanh trả hàng tháng/ hàng quý đối với khối kinh doanh trực tiếp có chính sách khoán kinh doanh; lương tháng thứ 13; lương theo hiệu quả làm việc; lương cho các ngày nghỉ phép mà người lao động chưa nghỉ; các khoản chi bằng tiền khác.

Việc thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc cho người lao động được Công ty đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định. Lao động nữ tại Công ty được nghỉ thai sản theo chế độ 6 tháng và khi đi làm trở lại được nghỉ 01 tiếng/ ngày trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng. Kể từ 01/01/2016, lao động nam tại Công ty được nghỉ thai sản theo chế độ từ 05 đến 14 ngày khi vợ sinh con. Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện các thủ tục thai sản cho 17 trường hợp, trong đó có 06 lao động nam và 11 lao động nữ. Ngoài ra, Công

ty cũng thực hiện tuân thủ đúng quy định các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng sức, nghỉ hưu.... đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại về việc thực hiện chế độ chính sách cho người lao động trong năm 2016.

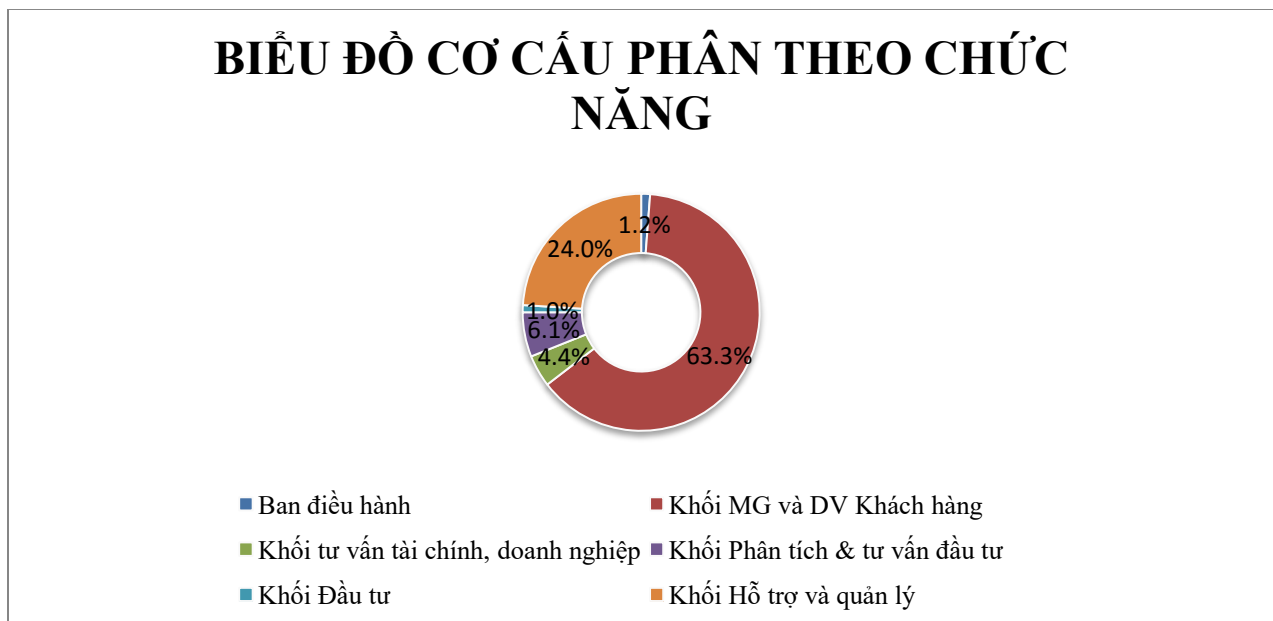
Bên cạnh đó, Công ty còn tăng cường chế độ phúc lợi thông qua việc trang bị sản phẩm Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Healthcare) cho người lao động. Chương trình này được Công ty triển khai từ năm 2010 đã mang lại những giá trị thiết thực cho người lao động. Cán bộ sở hữu thẻ bảo hiểm Healthcare có thể chọn lựa dịch vụ khám chữa bệnh tại tất cả các bệnh viện trong và ngoài nước và được cơ quan bảo hiểm bảo lãnh thanh toán. Và kể từ năm 2015, Công ty đã triển khai thêm một chính sách phúc lợi mới là Bảo hiểm nhân thọ An hưởng điền viên cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Với quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm nhân thọ này, cán bộ sẽ được bảo vệ trước các rủi ro không mong đợi trong quá trình làm việc, đồng thời đến khi nghỉ hưu sẽ được bổ sung thêm một khoản tài chính ổn định bên cạnh lương hưu được hưởng từ quỹ bảo hiểm xã hội của Nhà nước. Chính sách này đã nhận được sự phản hồi rất tích cực từ người lao động và được xem là một chương trình phúc lợi trọng tâm và dài hạn nhằm nâng cao tính cạnh tranh về đãi ngộ để giữ chân và thu hút nhân lực trên thị trường. Năm 2016 vừa qua, Công ty đã tiếp tục triển khai 02 chương trình bảo hiểm này cho người lao động góp phần tăng sự gắn kết của người lao động với Công ty. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tổ chức 01 đợt khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ tại Bệnh Viện Việt Xô tại Hà Nội và Phòng khám Quốc tế Diag Center Intertional Tại TP. Hồ Chí Minh.

Bên cạnh các chính sách đãi ngộ về tài chính, việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện, cởi mở, đề cao các giá trị cá nhân là những hoạt động được công ty đặc biệt quan tâm. Hội nghị Người lao động được tổ chức vào tháng 6/2016 là cơ hội người lao động có thể đưa ra những kiến nghị, đề xuất với Công ty trong việc thực thi quy định pháp luật, thỏa ước lao động tập thể cũng như đóng góp những sáng kiến để hoàn thành kế hoạch kinh doanh hàng năm. Sau Hội nghị người lao động, tháng 07/2016 và tháng 8/2016 Công ty lần lượt tổ chức Tập huấn Văn hóa doanh nghiệp cho toàn thể CBNV Công ty tại Hội sở chính và chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm thúc đẩy tinh thần đoàn kết, gắn bó và nâng cao văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Tại Hội sở chính chương trình diễn ra tại thành phố Hạ Long và tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chương trình diễn ra tại vườn quốc gia Nam Cát Tiên. Hành trình “Nam Cát Tiên” của CBNV Chi nhánh công ty đã để lại một dấu ấn khó phai trong lòng tất cả các Cán bộ tham gia, không chỉ dừng lại ở một chương trình Tập huấn văn hóa, chuyến đi đã tạo nên một không gian thực sự khác biệt bằng những thử thách được thiết kế trong chương trình để tất cả những thành viên tham gia khẳng định quyết tâm, cam kết đồng lòng vượt qua những thử thách cùng hướng đến một mục tiêu chung.

Bình đẳng giới là một trong những ưu tiên trong chính sách lao động của BVSC. Chính sách tuyển dụng, đãi ngộ của Công ty không phân biệt giới tính, lao động nữ được tạo các cơ hội việc làm, được trả lương và tạo các cơ hội thăng tiến tương tự như nam giới. Tại BVSC, tỷ lệ lao động nữ chiếm 52% tổng số lao động, trong đó tỷ lệ nữ giữ các vị trí quản lý chủ chốt trung và cao cấp chiếm 44% trong tổng số lãnh đạo từ cấp trung trở lên.

Không chỉ tuân thủ tốt các quy định pháp luật lao động đối với lao động nữ như chế độ thai sản, chế độ làm việc với lao động đang nuôi con nhỏ..... Công ty còn có các chương trình và chính sách phúc lợi riêng chăm lo cho lao động nữ thông qua vai trò của tổ chức công đoàn như chương trình tri ân lao động nữ ngày quốc tế phụ nữ (8/3), ngày phụ nữ Việt Nam (20/10), quà tặng nhân dịp cán bộ nữ sinh con....

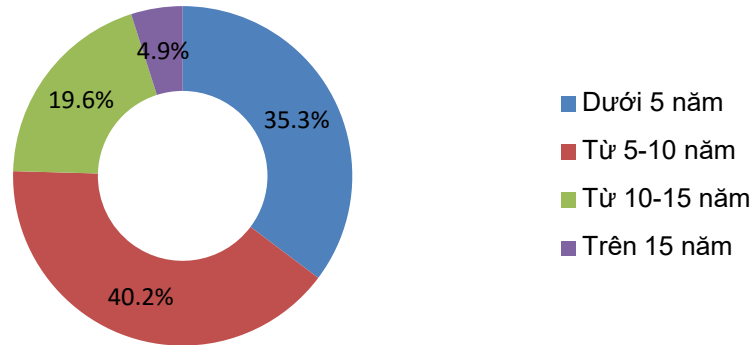
### Biểu đồ cơ cấu phân theo chức năng



### Biểu đồ cơ cấu theo thâm niên công tác



## BIỂU ĐỒ CƠ CẤU THEO THÂM NIÊN CÔNG TÁC



### ***Tăng cường trách nhiệm xã hội***

Trong năm 2016, BVSC triển khai đồng thời các chương trình thường niên riêng của BVSC và các chương trình đồng hành cùng với Tập đoàn Bảo Việt.

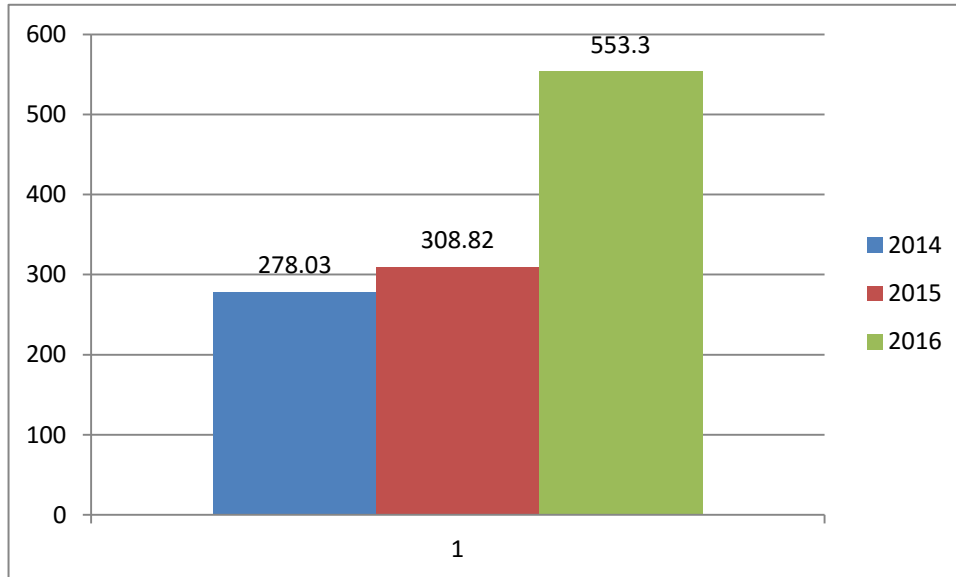
Chương trình “Suất cơm từ thiện” là chương trình định kỳ hàng quý do BVSC tổ chức đã được 5 năm. Trong năm 2016 BVSC tiếp tục tổ chức 4 đợt tại Viện huyết học & truyền máu T, trao tặng 1.746 suất cơm cho bệnh nhân và người nhà tại các khoa Nhi, Thalassemia và Hemophilia.

Chương trình “Mang hơi ấm tới vùng cao” là chương trình thường niên được BVSC triển khai bước sang năm thứ 5. Trong năm 2016, đồng cảm với những vất vả của người dân vùng lũ Quảng Bình, Công ty đã quyết định “Mang hơi ấm tới vùng cao” cho các đồng bào ở vùng sâu vùng xa bị lũ lụt tàn phá tại các địa bàn mà hiếm có đơn vị nào có thể tiếp cận được. Hành trình “Mang hơi ấm tới vùng cao” 2016 được kết hợp cùng Bệnh viện Hữu nghị đến với xã Tân Trạch – Thượng Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình đã trao tặng quà là lương thực thực phẩm cho 561 hộ dân, trao 130 suất học bổng cho học sinh Mầm non và thực hiện khám, phát thuốc miễn phí cho gần 4000 lượt bà con nơi đây.

Đối với các chương trình do Tập đoàn Bảo Việt phát động và tổ chức, BVSC là một thành viên tích cực. Tháng 05 năm 2016, trong chuyến “Hành trình hướng về biển đảo quê hương” của Khối hoạt động Tài chính – Ngân hàng thuộc Đoàn khối DN T do Tập đoàn Bảo Việt tổ chức, BVSC đã cử Cán bộ tham gia. Chuyến đi đã tổ chức khám chữa bệnh rất nhiều lượt cán bộ chiến sĩ và nhân dân huyện đảo Bạch Long Vĩ đồng thời chung tay xây dựng thư viện cho huyện đảo. BVSC cũng đã tham gia đoàn cứu trợ do

Tập đoàn Bảo Việt tổ chức tới nơi thăm hỏi và tặng quà cho bà con tại 11 Xã vùng lũ Quảng Bình – Hà Tĩnh tháng 10/2016.

### **Biểu đồ tổng chi phí cho các hoạt động ASXH 2014-2016**



### ***Bảo vệ môi trường và Tiết kiệm năng lượng***

Năm 2016, BVSC đã phát động cuộc thi “**Bàn làm việc sạch đẹp – Góc làm việc hiệu quả**” quy mô toàn Công ty. Toàn bộ CBNV được khuyến khích thường xuyên dọn dẹp bàn làm việc của mình gọn gàng và sạch đẹp, sắp xếp hồ sơ, tài liệu của mình một cách khoa học, nhằm giữ môi trường trong lành tại nơi làm việc. Cuộc thi nhận được sự hưởng ứng từ 100% cán bộ, sau thời gian phát động cho đến nay, Công ty đã nhận được nhiều phản hồi tích cực. Toàn bộ các góc làm việc luôn đều đảm bảo các tiêu chí mà Công ty đưa ra.

Triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng: Trong năm qua, BVSC đã tích cực truyền thông về chương trình tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà văn phòng qua các bản tin nội bộ, poster và vận động trực tiếp...

**Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho điều hòa:** Toàn bộ hệ thống điều hòa tại Công ty được khuyến khích bật trên 26 độ vào mùa hè và hạn chế sử dụng điều hòa giữ ấm trong những ngày không quá lạnh của mùa đông. Công ty cũng vệ sinh hệ thống điều hòa tổng 6 tháng một lần giúp tiết kiệm khoảng 15% công suất của máy lạnh.

**Giải pháp tiết kiệm năng lượng chiếu sáng:** Công ty đã chuyển dần hệ thống đèn tại văn phòng sang bóng đèn tiết kiệm điện, tích cực sử dụng ánh sáng tự nhiên thay vì sử dụng đèn chiếu sáng. Toàn bộ hệ thống đèn tại sảnh, lối đi được hạn chế sử dụng đến mức tối đa. Công ty ban hành nội quy quy định CBNV kiểm tra và tắt toàn bộ điện chiếu sáng trước khi rời văn phòng.

**Giải pháp tiết kiệm giấy văn phòng:** Nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm, BVSC đã phát động toàn thể CBNV trong công ty tái sử dụng giấy in một mặt. Theo đó, các tài liệu đã in một mặt không còn sử dụng sẽ được lưu trữ lại, toàn bộ các tài liệu nội bộ không bắt buộc in giấy mới sẽ được in trên giấy một mặt, kết quả, công ty đã tiết kiệm được 20% chi phí giấy in trong năm 2016.

### **Kế hoạch triển khai trong năm 2017**

#### **Mục tiêu**

Để hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược phát triển bền vững của giai đoạn này, với phương châm “Kinh doanh hiệu quả và có trách nhiệm”, BVSC xác định ba mục tiêu đóng vai trò nền tảng cho việc triển khai các kế hoạch phát triển bền vững, bao gồm: Kinh doanh tăng trưởng ổn định, Đảm bảo cam kết với các bên liên quan và Tăng cường trách nhiệm xã hội.

| <b>Kinh doanh tăng trưởng</b>   | <b>Đảm bảo cam kết với các bên liên quan</b>  | <b>Tăng cường trách nhiệm Xã hội</b>   |
|---|---|--|
| <p><b><u>Mục tiêu:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm: Doanh thu – 324 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế: 102 tỷ đồng</li> <li>- Hoàn thành kế hoạch thị phần CP&amp;CCQ: đạt 4.20%</li> </ul> | <p><b><u>Mục tiêu:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước</li> <li>- Với cổ đông: bảo toàn và tăng trưởng vốn, minh bạch để giữ niềm tin</li> <li>- Với khách hàng: nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, phát triển sản phẩm mới</li> <li>- Với cơ quan quản lý và</li> </ul> | <p><b><u>Mục tiêu:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì các chương trình an sinh xã hội đã và đang triển khai ổn định: “Suất com từ thiện” và “Mang hơi ấm tới vùng cao”</li> <li>- Tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội theo định hướng của Tập đoàn Bảo Việt</li> </ul> |

|   |  |  |
|---|--|--|
|   | <p>cơ quan truyền thông: tăng cường hợp tác, thúc đẩy sự phát triển của TTCK</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Với các tổ chức hiệp hội: là thành viên tích cực của Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam</li> <li>- Với người lao động: đảm bảo thu nhập ổn định, tăng cường phúc lợi, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp</li> </ul> |  |
| <p><b><u>Giải pháp:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh chăm sóc khách hàng, phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng Dịch, nâng cấp hệ thống CNTT để phát triển hoạt động Môi giới</li> <li>- Tiếp tục triển khai các hoạt động Tư vấn vốn là thế mạnh: tư vấn M&amp;A, cổ phần hóa và thoái vốn DNNN</li> </ul> | <p><b><u>Giải pháp:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luôn thực thi và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động, thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đóng góp vào ngân sách nhà nước</li> <li>- Với cổ đông: nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh để bảo toàn và tăng trưởng vốn, nâng cao chất lượng công bố</li> </ul>  | <p><b><u>Giải pháp:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục phát động triển khai chương trình “Suất com từ thiện” tại Viện huyết học và truyền máu T và chương trình “Mang hơi ấm tới vùng cao” phối hợp cùng Đoàn Thanh niên BV Hữu Nghị tặng quà, khám và chữa bệnh miễn phí tại các Xã vùng cao miền</li> </ul> |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai hoạt động tự doanh theo định hướng cần trọng, hiệu quả và quản trị rủi ro tốt.</li> <li>- Quản lý chi phí hiệu quả</li> </ul> | <p>thông tin ra công chúng, tăng cường hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) để gia tăng giá trị Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Với khách hàng: hoàn tất dự án <b>“Hệ thống phần mềm Front office và giao dịch trực tuyến”</b> với các tính năng ưu việt giúp khách hàng có thể sử dụng mọi lúc, mọi nơi qua hệ thống giao dịch trực tuyến (online trading) bằng mọi hệ điều hành trên website (web trading) hoặc các thiết bị di động (mobile trading) hay cố định (home trading).</li> <li>- Với cơ quan quản lý &amp; cơ quan truyền thông: tăng cường hợp tác, đóng góp ý kiến góp phần thúc đẩy và hoàn thiện khung pháp lý cho sự ra đời các sản phẩm mới, hợp tác với các sở giao dịch trong việc kết nối vận hành và/hoặc giao dịch thử</li> </ul> | <p>núi phía Bắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục thực hiện các chương trình an sinh xã hội theo định hướng và chủ trương của Tập đoàn Bảo Việt: chương trình hiến máu “Bảo Việt – Niềm tin Việt”; chương trình “Bảo Việt hướng về biển đảo quê hương” kết hợp tặng quà và khám, chữa bệnh miễn phí.</li> </ul> |
|---|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  | <p>nghiệm sản phẩm mới.<br/>Tăng cường hợp tác với các cơ quan truyền thông chuyên ngành cũng như trên các kênh online.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Với các Hiệp hội: tiếp tục duy trì là thành viên tích cực, đóng góp vào quá trình hoạt động và phát triển của Hiệp hội. Tham gia đầy đủ và tích cực các sự kiện của Hiệp hội để xây dựng cộng đồng lớn mạnh. Thực hiện đóng góp tài chính cho hoạt động của các Hiệp hội</li> <li>- Với người lao động: Đảm bảo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động, đẩy mạnh đào tạo, duy trì và cải thiện chính sách phúc lợi hiện có và mức thu nhập cạnh tranh.</li> </ul> |  |
|--|--|--|

#### 4. Một số chỉ tiêu cơ bản đánh giá Phát triển bền vững tại BVSC (theo GRI)

| Chỉ tiêu                            | Đơn vị tính | Số liệu 2016 |
|-------------------------------------|-------------|--------------|
| Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch | phòng       | 7            |
| Tổng số CBNV                        | người       | 412          |

| <b>Kinh tế</b>  |            |        |
|---|------------|--------|
| Tổng doanh thu và thu nhập khác   | tỷ đồng    | 294,2  |
| Lợi nhuận trước thuế  | tỷ đồng    | 119,3  |
| Tổng thuế nộp ngân sách nhà nước  | tỷ đồng    | 16,5   |
| Tổng các khoản chi trả cho người lao động(bao gồm tiền lương và các khoản an sinh khác) | tỷ đồng    | 89,3   |
| Tổng chi phí điện, nước   | Tỷ đồng    | 1,552  |
| Tổng chi phí đóng góp cho các Hiệp hội ngành nghề                                       | triệu đồng | 197,2  |
| <b>Xã hội</b>   |            |        |
| <b>Cán bộ nhân viên</b>   |            |        |
| Tỷ lệ cán bộ nữ   | %          | 52     |
| Tỷ lệ cán bộ nữ giữ vai trò quản lý trong tổng số cán bộ nhân viên                      | %          | 44     |
| <b>Cơ cấu theo độ tuổi lao động</b>   |            |        |
| Dưới 25 tuổi  | %          | 6      |
| 25-<30 tuổi   | %          | 19     |
| 30-<40 tuổi   | %          | 64     |
| >=40 tuổi   | %          | 11     |
| Quỹ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, BH Healthcare, BH Nhân thọ  | tỷ đồng    | 7,2    |
| <b>Đầu tư cho hoạt động cộng đồng</b>   |            |        |
| Tổng chi phí thực hiện  | triệu đồng | 553,30 |
| Xóa đói giảm nghèo  | triệu đồng | 467,25 |
| Đầu tư cho giáo dục, thể hệ trẻ   | triệu đồng | 26,05  |
| Tri ân các anh hùng liệt sỹ   | triệu đồng | 30     |
| Hoạt động ASXH khác   | triệu đồng | 30     |

## **MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG**

### **HỘI SỞ**

Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3.928 8080

Fax: (84-4) 3.928 9888

Email: [info-bvsc@baoviet.com.vn](mailto:info-bvsc@baoviet.com.vn)

Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

### **CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 3.914 6888

Fax: (84-8) 3.914 7999

Email: [info.hcm@baoviet.com.vn](mailto:info.hcm@baoviet.com.vn)

### **PHÒNG GIAO DỊCH HỘI SỞ**

Địa chỉ: Tầng 1, Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84-4) 3.928 8080 / Ext 804

Fax: (84-4) 3.9288999

### **PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1**

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84-4) 3.928 9950

Fax: (84-4) 3.943 3012

### **PHÒNG GIAO DỊCH KIM MÃ**

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Tel: (84-4) 3.928 8080

Fax: (84-4) 3.237 3135

### **PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ**

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội



Tel: (84-4) 3.928 8888

Fax: (84-4) 3.772 8682

**PHÒNG GIAO DỊCH CHI NHÁNH**

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3.821 8564 / Ext 320 - 327

Fax: (84-8) 3.821 8566 / 3.914 1435

Email: [Brokerage.hcm@baoviet.com.vn](mailto:Brokerage.hcm@baoviet.com.vn)

**PHÒNG GIAO DỊCH 90 CAO THẮNG**

Địa chỉ: 90 Cao Thắng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3.837 7799

Fax:(84-8) 3.837 1100

**PHÒNG GIAO DỊCH 233 ĐỒNG KHỞI**

Địa chỉ: Lầu G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3.914 6888

Fax:(84-8) 3.914 7999

**PHỤ LỤC I – BẢNG CHỈ TIÊU QUẢN TRỊ THEO QUY CHẾ CAMEL**

| <b>STT</b> | <b>Tên chỉ tiêu</b>   | <b>Giá trị</b>                                   | <b>Điểm số<br/>2015</b> | <b>Điểm số<br/>2016</b> | <b>Trọng số</b> |
|------------|---|--|-------------------------|-------------------------|-----------------|
| 1          | Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT   | Trên 5 năm                                       | 100                     | 100                     | 4%              |
| 2          | Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc   | Trên 5 năm                                       | 100                     | 100                     | 6%              |
| 3          | Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT  | Trên 7 năm                                       | 100                     | 100                     | 4%              |
| 4          | Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/ Tổng giám đốc   | Trên 7 năm                                       | 100                     | 100                     | 6%              |
| 5          | Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO,CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này | Xấp xỉ 6%  | 30                      | 60                      | 4%              |
| 6          | Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán   | Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế. | 100                     | 100                     | 5%              |

|    |  |  |     |     |    |
|----|--|--|-----|-----|----|
| 7  | Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động                                   | Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế.   | 100 | 100 | 5% |
| 8  | Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ                       | Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả.   | 100 | 100 | 5% |
| 9  | Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán | Tiền gửi của NĐT được quản lý tại NHTM. Công ty có quy trình nghiệp vụ và KSNB thực hiện kiểm soát tuân thủ định kỳ.                           | 100 | 100 | 5% |
| 10 | Mức độ minh bạch của thông tin tài chính   | Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau | 100 | 100 | 6% |

|    |  | ngày công bố.   |     |     |    |
|----|--|---|-----|-----|----|
| 11 | Số năm hoạt động   | Lớn hơn 7 năm   | 100 | 100 | 6% |
| 12 | Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở) | Ước tính ở mức từ 2% đến dưới 5%  | 80  | 80  | 8% |
| 13 | Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin   | Có hệ thống giao dịch trực tuyến, có Hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS hiệu quả | 80  | 80  | 5% |
| 14 | Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung  | So sánh trong top 10 công ty chứng khoán  | 90  | 100 | 5% |
| 15 | Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ)                           | Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn, tính khả thi cao                                | 100 | 100 | 4% |
| 16 | Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất                          | Không tăng trưởng trong năm 2016  | 30  | 0   | 6% |
| 17 | Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao  | Không sử dụng   | 100 | 100 | 5% |

|                     |   |               |             |             |    |
|---------------------|---|---------------|-------------|-------------|----|
|                     | dịch chứng khoán  |               |             |             |    |
| 18                  | Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất | Không vi phạm | 100         | 100         | 6% |
| 19                  | Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của Công ty  | 5 nghiệp vụ   | 100         | 100         | 5% |
| <b>Tổng điểm số</b> |   |               | <b>88.9</b> | <b>89.8</b> |    |

**PHỤ LỤC II - BẢNG CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH THEO QUY CHẾ CAMEL**

| Chỉ tiêu Tài chính theo Camel   |          |          | Áp điểm      |              | Trọng số   |
|---|----------|----------|--------------|--------------|------------|
|   | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2015     | Năm 2016     |            |
| C1 = VCSH/TTS   | 86.9%    | 83.4%    | 100          | 100          | 10%        |
| C2 = VCSH/VPĐ   | 483.6%   | 516.1%   | 100          | 100          | 10%        |
| C3= TL vốn khả dụng   | 736.0%   | 678.0%   | 100          | 100          | 10%        |
| A1 = Tỷ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ)   | 90.7%    | 88.81%   | 100          | 80           | 5%         |
| A2 = Tỷ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu) | 10.1%    | 6.8%     | 0            | 50           | 10%        |
| A3= Tỷ lệ các khoản phải thu/TTS  | 35.7%    | 3.4%     | 80           | 100          | 10%        |
| E1= LNST/Tổng doanh thu   | 40.4%    | 34.6%    | 100          | 100          | 10%        |
| E2= LNST/VCSH bình quân   | 8.3%     | 6.8%     | 70           | 70           | 10%        |
| L1= Tỷ lệ TSNH/Nợ NH  | 211.5%   | 437.1%   | 100          | 100          | 15%        |
| L2=tỷ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn                           | 49.6%    | 38.4%    | 100          | 100          | 10%        |
|   |          |          | <b>85</b>    | <b>91</b>    | <b>70%</b> |
|   |          |          | <b>89.9</b>  | <b>89.8</b>  | <b>30%</b> |
|   |          |          | <b>86.47</b> | <b>90.64</b> |            |

### PHỤ LỤC III - BẢNG TUÂN THỦ BÁO CÁO THEO GRI

Báo cáo này bao gồm các công bố thông tin dựa theo tiêu chuẩn Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững của GRI

| GRI                           | THÔNG TIN CÔNG BỐ   | NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO   | TRANG     |
|-------------------------------|---|--|-----------|
| <b>CÁC NỘI DUNG TỔNG QUAN</b> |   |  |           |
| G4-1                          | Tuyên bố của Lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp  | Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị  | 3,4       |
| G4-2                          | Mô tả tác động, rủi ro và cơ hội chính  | Quản trị rủi ro  | 50-54     |
| G4-3                          | Tên của doanh nghiệp  | Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty  | 6         |
| G4-4                          | Sản phẩm, dịch vụ chính   | Các lĩnh vực hoạt động – Thông tin chung về Công ty  | 7,8       |
| G4-5                          | Địa chỉ Trụ sở chính  | Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty  | 6         |
| G4-6                          | Số quốc gia nơi doanh nghiệp hoạt động, tên các quốc gia mà doanh nghiệp có hoạt động chính hoặc các quốc gia liên quan | Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty  | 6         |
| G4-7                          | Loại hình sở hữu, mô hình pháp lý   | Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty  | 6         |
| G4-8                          | Thị trường phục vụ  | Mạng lưới hoạt động  | 128 - 129 |
| G4-9                          | Quy mô doanh nghiệp   | Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi - Thông tin chung về Công ty  | 6         |
| G4-10                         | Thống kê về lực lượng lao động  | Với người lao động – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan – Hoạt động phát triển bền vững năm 2016                        | 113-120   |
| G4-11                         | Tỷ lệ phần trăm người lao động được hưởng thỏa ước lao động tập thể   | 100%, xem thêm tại mục Với người lao động – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan – Hoạt động phát triển bền vững năm 2016 | 113-120   |
| G4-12                         | Mô tả chuỗi cung ứng của doanh nghiệp   | Các lĩnh vực hoạt động – Thông tin chung   | 7,8       |

|       |  |   |           |
|-------|--|---|-----------|
|       |  | về Công ty  |           |
| G4-13 | Thay đổi trong quá trình báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, sở hữu và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp                     | BVSC không có những thay đổi liên quan đến các nội dung này     |           |
| G4-14 | Báo cáo về việc doanh nghiệp có hay không cảnh báo trước về các vấn đề tiềm tàng gây ảnh hưởng đến môi trường                  | Quản trị rủi ro   | 50-54     |
| G4-15 | Liệt kê các quy định, điều lệ, hoặc các hoạt động liên quan đến vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã xây dựng | Mô hình quản trị về Phát triển bền vững tại BVSC                | 107-108   |
| G4-16 | Hội viên các Hiệp hội  | Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam                        |           |
| G4-19 | Liệt kê các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo   | Mục lục của báo cáo   | 2,3       |
| G4-22 | Giải thích về ảnh hưởng của việc điều chỉnh thông tin được cung cấp trong các báo cáo trước và lý do điều chỉnh                | Báo cáo không có thay đổi gì lớn liên quan đến nội dung yêu cầu |           |
| G4-23 | Thay đổi lớn so với kỳ báo cáo trước (về phạm vi và các vấn đề liên quan)  | Báo cáo không có thay đổi gì lớn liên quan đến nội dung yêu cầu |           |
| G4-34 | Sơ bộ bộ máy quản trị bao gồm ban lãnh đạo cấp cao nhất.   | Cơ cấu tổ chức, Nhân sự chủ chốt                                | 16 – 24   |
|       | Nêu rõ các bộ phận chịu trách nhiệm về các quyết định đối với các vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội                         | Mô hình quản trị về PTBV tại BVSC                               | 107 - 108 |
| G4-35 | Phân quyền đối với các vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội  | Mô hình quản trị về PTBV tại BVSC                               | 107 - 108 |
| G4-36 | Doanh nghiệp có bộ nhiệm vụ trí chuyên trách về các vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội                                       | Mô hình quản trị về PTBV tại BVSC                               | 107 - 108 |
| G4-37 | Quá trình tham gia tư vấn, phản hồi của  | Mô hình quản trị về PTBV tại BVSC                               | 107 - 108 |



|       |  |  |         |
|-------|--|--|---------|
|       | các bên liên quan với cấp cao nhất liên quan đến các vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội                                    |  |         |
| G4-38 | Báo cáo về thành phần lãnh đạo cấp cao nhất và các ủy ban liên quan  | Nhân sự chủ chốt – Quản trị doanh nghiệp   | 16 – 24 |
| G4-39 | Nêu rõ nếu Chủ tịch HĐQT cũng là Tổng Giám đốc doanh nghiệp  | Nhân sự chủ chốt – Quản trị doanh nghiệp   | 16 – 24 |
| G4-40 | Quá trình bầu chọn Hội đồng quản trị và các ủy ban trực thuộc, tiêu chuẩn áp dụng cho việc đề cử và lựa chọn thành viên HĐQT | Các nội dung quan trọng được ĐHCĐ 2016 thông qua ngày 12/05/2016 – Quan hệ cổ đông | 28      |

#### VAI TRÒ CỦA HĐQT TRONG VIỆC THIẾT LẬP MỤC TIÊU, GIÁ TRỊ VÀ CHIẾN LƯỢC

|       |  |                                      |         |
|-------|--|--------------------------------------|---------|
| G4-44 | Quá trình đánh giá hiệu quả hoạt động củ HĐQT. Hành động tiếp theo sau khi đánh giá hiệu quả hoạt động bao gồm thay đổi thành viên hay quá trình thực thi của Doanh nghiệp | Hội đồng Quản trị - Quản trị Công ty | 34 - 37 |
| G4-45 | Vai trò của HĐQT trong việc nhận diện, quản trị các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến KT-MT-XH   | Kiểm soát nội bộ                     | 48 - 50 |

#### THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

|       |  |  |         |
|-------|--|--|---------|
| G4-52 | Cơ chế chi trả thù lao cho HĐQT và Ban lãnh đạo  | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát – Quản trị doanh nghiệp                               | 57 - 58 |
| G4-54 | Tỷ lệ so sánh giữa cá nhân có mức thù lao cao nhất trong năm với mức thù lao trung bình cho CBNV       | Biểu đồ thu nhập bình quân NLD - Với người lao động – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan – Hoạt động phát triển bền vững năm 2016 | 117     |
| G4-55 | Tỷ lệ % tăng trưởng giữa cá nhân có mức thù lao cao nhất trong năm với mức thù lao trung bình cho CBNV | Với người lao động – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan – Hoạt động phát triển bền vững năm 2016                                  | 117     |

| <b>CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ</b>                 |   |   |           |
|--|---|---|-----------|
| <b>MỤC TIÊU KINH TẾ - HIỆU QUẢ KINH TẾ</b> |   |   |           |
| G4-EC1                                     | Các giá trị kinh tế được tạo ra và phân bổ  | Đánh giá tình hình thực hiện 2016 – Báo cáo của Ban TGD   | 66 - 74   |
| FS   | Chú thích thêm về các giá trị các chương trình đầu tư cộng đồng và phân bổ khoản đầu tư cộng đồng theo từng chủ điểm  | Một số chỉ tiêu đánh giá PTBV tại BVSC năm 2016   | 109 - 111 |
| G4-EC2                                     | Phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp với quỹ hưu trí  | Với người lao động – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan – Hoạt động phát triển bền vững năm 2016 | 117       |
| G4-EC4                                     | Các hỗ trợ tài chính đáng kể của Chính phủ  | Không có  |           |
| <b>NĂNG LƯỢNG</b>                          |   |   |           |
| G4-EN3                                     | Năng lượng tiêu thụ của doanh nghiệp  | Một số chỉ tiêu đánh giá PTBV tại BVSC năm 2016   | 122 - 123 |
| <b>MỤC TIÊU XÃ HỘI</b>                     |   |   |           |
| G4-LA1                                     | Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ thôi việc phân loại theo độ tuổi, giới tính và khu vực  | Với người lao động – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan – Hoạt động phát triển bền vững năm 2016 | 113 - 121 |
| G4-LA2                                     | Các trợ cấp cho nhân viên làm việc toàn thời gian mà không dành cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian  | Với người lao động – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan – Hoạt động phát triển bền vững năm 2016 | 113 - 121 |
| G4-LA8                                     | Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm   | Với người lao động – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan – Hoạt động phát triển bền vững năm 2016 | 113 - 121 |
| G4-LA9                                     | Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập  | Lộ trình đào tạo – Phát triển nguồn nhân lực – Báo cáo của Ban TGD                                  | 84        |
| G4-LA12                                    | Thành phần của bộ máy quản lý và phân loại nhân viên theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm dân tộc thiểu số và các chỉ số phản ánh mức độ đa dạng khác | Với người lao động – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan – Hoạt động phát triển bền vững năm 2016 | 113 - 121 |

|                      |   |  |    |
|----------------------|---|--|----|
| TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM |   |  |    |
| FS15                 | Chính sách về thiết kế và bán các sản phẩm và dịch vụ | Quản lý Giao dịch và phát triển sản phẩm – Báo cáo của Ban TGD | 79 |

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Báo cáo tài chính tổng hợp

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

## MỤC LỤC

|   | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung                                     | 1 - 2        |
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị                       | 3            |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                           | 4 - 5        |
| Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp                | 6 - 10       |
| Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp                  | 11 - 12      |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp                 | 13 - 16      |
| Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp | 17           |
| Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp              | 18 - 68      |

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ ban đầu là 43.000.000.000 đồng Việt Nam.

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 51/QĐ-TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006-GCNCP-TTLK ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Quyết định số 288/UBCK-GP điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD với mức vốn điều lệ mới là 722.339.370.000 đồng Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chi nhánh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

#### Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng vốn điều lệ của Công ty là: 722.339.370.000 VND. Vốn chủ sở hữu là: 1.548.162.323.584 VND. Tổng tài sản là: 1.855.255.471.025 VND.

#### Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tái chính và đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

#### Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

| <u>Họ tên</u>       | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>  |
|---------------------|----------------|--|
| Ông Đậu Minh Lâm    | Chủ tịch       | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2016   |
| Ông Phan Kim Bằng   | Chủ tịch       | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015<br>Miễn nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2016                     |
| Ông Lê Văn Bình     | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015   |
| Ông Phạm Ngọc Tú    | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2015<br>Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12 tháng 05 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2016   |
| Ông Nhữ Đình Hòa    | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015   |
| Ông Bùi Tuấn Trung  | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015<br>Miễn nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2016                     |

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

| <u>Họ tên</u>           | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u>               |
|-------------------------|----------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Hòa     | Trưởng ban     | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015 |
| Ông Hoàng Giang Bình    | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Vân | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015 |

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

| <u>Họ tên</u>            | <u>Chức vụ</u>   | <u>Ngày bổ nhiệm</u>   |
|--------------------------|--|--|
| Ông Nhữ Đình Hòa         | Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 03 năm 2011<br>Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2014 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2013<br>Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2016  |
| Ông Võ Hữu Tuấn          | Phó Tổng Giám đốc<br>kiểm Giám đốc Chi<br>nhánh tại Thành phố<br>Hồ Chí Minh | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2011<br>Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2014 |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ✦ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ✦ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✦ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ✦ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

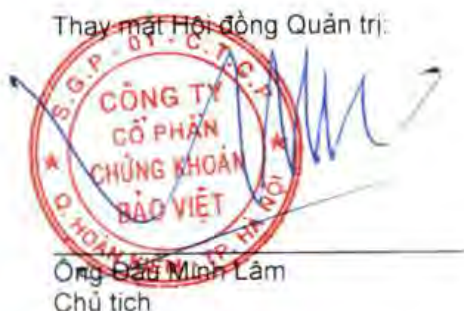
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ Kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Đào Minh Lâm  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2017





Building a better  
working world

EYH & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S. P. of Vietnam

Tel: + 84.4 3831 5100  
Fax: + 84.4 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/18715138

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017 và được trình bày từ trang 06 đến trang 68, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Trinh Hoàng Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2013-004-1



Lê Đức Linh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm<br>(Trình bày lại) |
|------------|--|-------------|--------------------------|-------------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>   |             | <b>1.342.246.508.351</b> | <b>1.384.954.077.402</b>      |
| <b>110</b> | <b>I. Tài sản tài chính</b>  |             | <b>1.338.948.130.517</b> | <b>1.383.423.878.457</b>      |
| 111        | 1. Tiền và các khoản tương đương tiền                                  | 5           | 117.958.400.723          | 448.757.097.003               |
| 111.1      | a. Tiền  |             | 7.450.071.427            | 7.429.510.896                 |
| 111.2      | b. Các khoản tương đương tiền  |             | 110.508.329.296          | 441.327.586.107               |
| 112        | 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)             | 7.1         | 122.951.021.045          | 155.616.277.733               |
| 113        | 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)                     | 7.3         | 270.317.549.562          | 129.318.769.974               |
| 114        | 4. Các khoản cho vay   | 7.4         | 735.872.635.238          | 604.420.360.977               |
| 115        | 5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)                             | 7.2         | 107.519.517.159          | 119.293.555.739               |
| 116        | 6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 7.5         | (78.258.018.426)         | (89.480.512.517)              |
| 117        | 7. Các khoản phải thu  | 8           | 11.910.433.601           | 6.675.483.428                 |
| 117.2      | a. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính           |             | 11.910.433.601           | 6.675.483.428                 |
| 117.4      | - Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận                           |             | 11.910.433.601           | 6.675.483.428                 |
| 118        | 8. Trả trước cho người bán   | 8           | 43.439.389.731           | 7.267.526.791                 |
| 119        | 9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp                   | 8           | 4.647.585.392            | 4.326.787.354                 |
| 122        | 10. Các khoản phải thu khác  | 8           | 18.490.846.191           | 13.129.761.674                |
| 129        | 11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu                       | 8           | (15.901.229.699)         | (15.901.229.699)              |
| <b>130</b> | <b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>                                       | <b>9</b>    | <b>3.298.377.834</b>     | <b>1.530.198.945</b>          |
| 131        | 1. Tạm ứng   |             | 585.158.321              | 272.900.000                   |
| 132        | 2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ                                  |             | 643.803.564              | 51.800.000                    |
| 133        | 3. Chi phí trả trước ngắn hạn  |             | 2.069.415.949            | 1.205.498.945                 |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>  |             | <b>513.008.962.674</b>   | <b>282.872.796.629</b>        |
| <b>210</b> | <b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>                                    |             | <b>479.676.335.859</b>   | <b>250.049.142.157</b>        |
| 212        | 1. Các khoản đầu tư  |             | 509.676.335.859          | 291.541.209.306               |
| 212.1      | a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                           | 7.3         | 328.525.852.859          | 123.765.236.306               |
| 212.4      | b. Đầu tư dài hạn khác   | 7.2         | 181.150.483.000          | 167.775.973.000               |
| 213        | 2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn                         | 7.5         | (30.000.000.000)         | (41.492.067.149)              |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>   |             | <b>5.170.777.810</b>     | <b>2.947.129.741</b>          |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình  | 10          | 4.744.127.379            | 2.836.465.169                 |
| 222        | a. Nguyên giá  |             | 31.215.559.419           | 27.402.412.859                |
| 223a       | b. Giá trị hao mòn lũy kế  |             | (26.471.432.040)         | (24.565.947.690)              |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình   | 11          | 426.650.431              | 110.664.572                   |
| 228        | a. Nguyên giá  |             | 10.944.836.440           | 10.470.716.440                |
| 229a       | b. Giá trị hao mòn lũy kế  |             | (10.518.186.009)         | (10.360.051.868)              |
| <b>240</b> | <b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>                            |             | <b>299.200.000</b>       | -                             |
| <b>250</b> | <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>  |             | <b>27.862.649.005</b>    | <b>29.876.524.731</b>         |
| 251        | 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn                           |             | 910.476.115              | 929.518.415                   |
| 252        | 2. Chi phí trả trước dài hạn   | 12          | 5.804.553.803            | 7.765.245.937                 |
| 254        | 3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán                                      | 13          | 21.147.619.087           | 21.181.760.379                |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>   |             | <b>1.855.255.471.025</b> | <b>1.667.826.874.031</b>      |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | CHỈ TIÊU                                       | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm<br>(Trình bày lại) |
|------------|--|-------------|--------------------------|-------------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          |             | <b>307.093.147.441</b>   | <b>217.086.993.337</b>        |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>                 |             | <b>307.093.147.441</b>   | <b>217.086.993.337</b>        |
| 311        | 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           |             | 159.677.448.472          | 29.150.839.917                |
| 312        | a. Vay ngắn hạn                                | 14          | 159.677.448.472          | 29.150.839.917                |
| 318        | 2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán    | 15          | 2.626.052.705            | 1.594.540.397                 |
| 320        | 3. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 16          | 1.164.460.710            | 3.458.445.466                 |
| 321        | 4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           |             | 2.174.300.000            | 2.165.200.000                 |
| 322        | 5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 17          | 5.975.905.431            | 4.197.669.597                 |
| 323        | 6. Phải trả người lao động                     |             | 27.576.248.485           | 32.511.526.691                |
| 324        | 7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên      |             | 1.059.403.485            | 843.407.495                   |
| 325        | 8. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 18          | 1.910.464.843            | 1.251.727.954                 |
| 329        | 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn  |             | 21.186.218.824           | 21.818.191.432                |
| 331        | 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  |             | 4.816.514.149            | 4.553.578.461                 |
| 332        | 11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu           |             | 79.126.130.337           | 115.541.865.927               |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       |             | <b>1.548.162.323.584</b> | <b>1.450.739.880.694</b>      |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>19</b>   | <b>1.548.162.323.584</b> | <b>1.450.739.880.694</b>      |
| 411        | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                   |             | 1.332.095.854.220        | 1.332.364.536.720             |
| 411.1      | a. Vốn góp của chủ sở hữu                      |             | 722.339.370.000          | 722.339.370.000               |
| 411.1a     | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 722.339.370.000          | 722.339.370.000               |
| 411.2      | b. Thặng dư vốn cổ phần                        |             | 610.253.166.720          | 610.253.166.720               |
| 411.5      | c. Cổ phiếu quỹ                                |             | (496.682.500)            | (228.000.000)                 |
| 414        | 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ              |             | 23.894.449.402           | 18.808.728.387                |
| 415        | 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ  |             | 23.894.449.402           | 18.808.728.387                |
| 417        | 4. Lợi nhuận chưa phân phối                    |             | 168.277.570.560          | 80.757.887.200                |
| 417.1      | - Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện              |             | 168.277.570.560          | 80.757.887.200                |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> |             | <b>1.855.255.471.025</b> | <b>1.667.826.874.031</b>      |



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND/số lượng

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Số cuối năm        | Số đầu năm<br>(Trình bày lại) |
|-------|---|-------------|--------------------|-------------------------------|
|       | <b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>                        |             |                    |                               |
| 004   | 1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)  |             | 390.400.000        | 390.400.000                   |
| 006   | 2. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)  |             | 72.200.145         | 72.218.737                    |
| 007   | 3. Cổ phiếu quỹ (số lượng)  |             | 33.792             | 15.200                        |
| 008   | 4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK (VND) | 20.1        | 115.205.940.000    | 121.691.760.000               |
| 009   | 5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND)                                 | 20.2        | 3.000.000.000      | 8.000.000.000                 |
| 010   | 6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)  | 20.3        | 1.577.100.000      | 6.003.500.000                 |
| 012   | 7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)   | 20.4        | 356.553.980.000    | 196.441.750.000               |
|       | <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>                       |             |                    |                               |
| 021   | 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)                            | 20.5        | 29.375.393.580.000 | 22.552.015.320.000            |
| 021.1 | a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND)  |             | 28.622.801.930.000 | 22.005.500.140.000            |
| 021.2 | b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND)  |             | 206.691.910.000    | 158.446.710.000               |
| 021.3 | c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND)   |             | 470.168.980.000    | 220.631.660.000               |
| 021.5 | d. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND)   |             | 75.730.760.000     | 167.436.810.000               |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND/số lượng

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Số cuối năm       | Số đầu năm<br>(Trình bày lại) |
|-------|---|-------------|-------------------|-------------------------------|
|       | <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)</b>           |             |                   |                               |
| 022   | 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)                           | 20.6        | 15.151.330.000    | 9.088.820.000                 |
| 022.1 | a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND)                     |             | 13.742.840.000    | 5.823.450.000                 |
| 022.2 | b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND)                   |             | 1.408.490.000     | 3.265.370.000                 |
| 023   | 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)  |             | 124.511.530.000   | 225.887.100.000               |
| 024b  | 4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND)   |             | 1.989.322.700.000 | 1.587.112.700.000             |
| 026   | 5. Tiền gửi của khách hàng (VND)  |             | 482.807.490.320   | 440.464.233.836               |
| 027   | 5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)               | 20.7        | 160.686.058.057   | 415.569.063.793               |
| 028   | 5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)                                       | 20.7        | 308.360.826.219   | -                             |
| 029   | 5.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (VND)  | 20.7        | -                 | 24.771.814.200                |
| 029.1 | a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước (VND)                  |             | -                 | 24.629.874.200                |
| 029.2 | b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài (VND)                  |             | -                 | 141.940.000                   |
| 030   | 5.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)   |             | 13.760.606.044    | 123.355.843                   |
| 031   | 6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)            | 20.8        | 468.093.752.442   | 418.022.303.403               |
| 031.1 | a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND) |             | 466.819.169.926   | 418.022.303.403               |
| 031.2 | b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND) |             | 1.274.582.516     | -                             |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND/số lượng

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Số cuối năm   | Số đầu năm<br>(Trình bày lại) |
|-------|---|-------------|---------------|-------------------------------|
|       | <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÉ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b> (tiếp theo) |             |               |                               |
| 032   | 7. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)   |             | 6.277.306.478 | 14.170.077.885                |
| 035   | 8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)   |             | 8.436.431.400 | 8.271.852.548                 |



Bà Vũ Thị Thủy Linh  
 Người lập  
 Phó phòng Tài chính Kế toán



Bà Nguyễn Hồng Thủy  
 Người phê duyệt  
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Như Đình Hòa  
 Người phê duyệt  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| Mã số     | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước<br>(trình bày lại) |
|-----------|---|-------------|--------------------------|------------------------------|
|           | <b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>   |             |                          |                              |
| 01        | 1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)   |             | 18.553.937.224           | 32.544.852.164               |
| 01.1      | a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL  | 21.1        | 15.193.937.255           | 26.324.205.264               |
| 01.3      | c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL  | 21.2        | 3.359.999.969            | 6.220.646.900                |
| 02        | 2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)   | 21.2        | 31.170.368.395           | 38.815.814.975               |
| 03        | 3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu   | 21.2        | 98.486.397.721           | 84.378.727.486               |
| 04        | 4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)   | 21.2        | 7.805.501.100            | 3.734.910.700                |
| 06        | 5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán   | 21.3        | 99.886.761.357           | 84.023.709.261               |
| 07        | 6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán   | 21.3        | 272.264.577              | 1.028.025.755                |
| 09        | 7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán   | 21.3        | 4.377.884.402            | 3.694.319.217                |
| 10        | 8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính   | 21.3        | 9.547.556.363            | 9.490.733.596                |
| 11        | 9. Thu nhập hoạt động khác  | 21.3        | 5.638.608.312            | 15.678.426.454               |
| <b>20</b> | <b>Cộng doanh thu hoạt động</b>   |             | <b>275.739.279.451</b>   | <b>273.389.519.608</b>       |
|           | <b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>  |             |                          |                              |
| 21        | 1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)  |             | (13.631.600.256)         | (14.415.942.790)             |
| 21.1      | a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL   | 21.1        | (13.631.600.256)         | (14.415.942.790)             |
| 24        | 2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 22          | 22.714.561.240           | 18.642.386.572               |
| 26        | 3. Chi phí hoạt động tự doanh   |             | (1.643.725.612)          | (2.323.666.092)              |
| 27        | 4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán   |             | (84.798.521.554)         | (79.443.343.024)             |
| 28        | 5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán   |             | (19.502.727)             | (133.263.604)                |
| 30        | 6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán   |             | (10.569.303.357)         | (9.118.820.635)              |
| 31        | 7. Chi phí hoạt động tư vấn   |             | (6.999.594.128)          | (7.758.484.603)              |
| 32        | 8. Chi phí khác   |             | (7.618.224.162)          | (6.847.443.373)              |
| <b>40</b> | <b>Cộng chi phí hoạt động</b>   |             | <b>(102.565.910.556)</b> | <b>(101.398.577.549)</b>     |
|           | <b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |             |                          |                              |
| 42        | 1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định   |             | 18.416.392.178           | 13.789.936.303               |
| <b>50</b> | <b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>   |             | <b>18.416.392.178</b>    | <b>13.789.936.303</b>        |



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG HỢP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước<br>(trình bày lại) |
|-------|---|-------------|-------------------------|------------------------------|
|       | <b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>                          |             |                         |                              |
| 51    | 1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện |             | (538.982)               | -                            |
| 52    | 2. Chi phí lãi vay                                    |             | (6.678.986.795)         | (4.452.177.943)              |
| 60    | <b>Cộng chi phí tài chính</b>                         |             | <b>(6.679.525.777)</b>  | <b>(4.452.177.943)</b>       |
| 62    | <b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>         | 23          | <b>(64.843.820.398)</b> | <b>(61.011.117.967)</b>      |
| 70    | <b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>                          |             | <b>120.066.414.898</b>  | <b>120.317.582.452</b>       |
|       | <b>VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>             |             |                         |                              |
| 71    | Thu nhập khác   | 24          | 9.563.637               | 435.363.636                  |
| 72    | Chi phí khác  | 24          | (769.772.345)           | (428.322.069)                |
| 80    | <b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>                    |             | <b>(760.208.708)</b>    | <b>7.041.567</b>             |
| 90    | <b>VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>        |             | <b>119.306.206.190</b>  | <b>120.324.624.019</b>       |
| 91    | Lợi nhuận đã thực hiện                                |             | 119.306.206.190         | 120.324.624.019              |
| 100   | <b>IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)</b>  | 25          | <b>(17.591.785.884)</b> | <b>(4.219.443.989)</b>       |
| 100.1 | 1. Chi phí thuế TNDN hiện hành                        |             | (17.591.785.884)        | (4.219.443.989)              |
| 200   | <b>X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>             |             | <b>101.714.420.306</b>  | <b>116.105.180.030</b>       |
| 500   | <b>XI. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>     |             |                         |                              |
| 501   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)               | 26.2        | 1.345                   | 1.552                        |

Bà Vũ Thị Thủy Linh  
Người lập  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thùy  
Người phê duyệt  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nguyễn Đình Hòa  
Người phê duyệt  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước<br>(trình bày lại) |
|-------|--|-------------|--------------------------|------------------------------|
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                              |             |                          |                              |
| 01    | 1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính                                       |             | (9.514.256.067.435)      | (7.256.278.560.387)          |
| 02    | 2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính                                    |             | 9.194.636.435.641        | 7.491.687.103.792            |
| 03    | 3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán  |             | -                        | (546.738.778)                |
| 04    | 4. Cổ tức đã nhận  |             | 3.061.482.000            | 33.965.702.685               |
| 05    | 5. Tiền lãi đã thu   |             | 124.270.331.381          | 111.903.763.898              |
| 06    | 6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK                                 |             | (750.419.430)            | (389.680.674)                |
| 07    | 7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK                              |             | (24.360.327.157)         | (21.383.269.167)             |
| 08    | 8. Tiền chi trả cho người lao động   |             | (81.860.970.601)         | (36.385.625.123)             |
| 09    | 9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK                              |             | (53.780.395.649)         | (76.698.046.406)             |
| 11    | 10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                      |             | 8.495.232.760.192        | 5.232.716.120.346            |
| 12    | 11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                     |             | (8.600.492.415.467)      | (5.461.145.331.983)          |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b> |             | <b>(458.299.586.525)</b> | <b>17.445.438.203</b>        |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                 |             |                          |                              |
| 21    | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác               |             | (3.025.718.310)          | (1.602.849.444)              |
| 22    | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác            |             | -                        | 418.000.000                  |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                      |             | <b>(3.025.718.310)</b>   | <b>(1.184.849.444)</b>       |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước<br>(trình bày lại) |
|-------|--|-------------|--------------------------|------------------------------|
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>     |             |                          |                              |
| 33    | 1. Tiền vay gốc  |             | 3.264.046.926.787        | 1.717.355.256.948            |
| 33.2  | 1.1 Tiền vay khác                                      |             | 3.264.046.926.787        | 1.717.355.256.948            |
| 34    | 2. Tiền chi trả nợ gốc vay                             |             | (3.133.520.318.232)      | (1.688.204.417.031)          |
| 34.3  | 2.1 Tiền chi trả gốc vay khác                          |             | (3.133.520.318.232)      | (1.688.204.417.031)          |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính           |             | <b>130.526.608.555</b>   | <b>29.150.839.917</b>        |
| 50    | <b>IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẬN TRONG KỲ</b>             |             | <b>(330.798.696.280)</b> | <b>45.411.428.676</b>        |
| 60    | <b>V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>   | 5           | <b>448.757.097.003</b>   | <b>403.345.668.327</b>       |
| 61    | Tiền   |             | 7.429.510.896            | 107.740.644.314              |
| 62    | Các khoản tương đương tiền                             |             | 441.327.586.107          | 295.605.024.013              |
| 70    | <b>VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> | 5           | <b>117.958.400.723</b>   | <b>448.757.097.003</b>       |
| 71    | Tiền   |             | 7.450.071.427            | 7.429.510.896                |
| 72    | Các khoản tương đương tiền                             |             | 110.508.329.296          | 441.327.586.107              |



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước<br>(trình bày lại) |
|-------|--|-------------|-----------------------|------------------------------|
|       | <b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>             |             |                       |                              |
| 01    | 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng                              |             | 54.306.797.912.705    | 43.475.855.816.691           |
| 02    | 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng                              |             | (49.912.516.856.704)  | (33.487.633.136.420)         |
| 07    | 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng              |             | 26.761.480.031.473    | 15.341.310.576.814           |
| 09    | 4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng                                 |             | (3.265.972.882)       | (3.018.469.380)              |
| 12    | 5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán                                    |             | 3.682.685.837.137     | 201.021.162.022              |
| 13    | 6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán                                    |             | (3.686.580.690.412)   | (391.990.962.622)            |
|       | 7. Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng                        |             | 40.807.752.116.930    | 31.375.347.122.466           |
|       | 8. Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng                        |             | (71.914.009.121.763)  | (56.553.243.303.111)         |
| 20    | <b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ</b>   |             | <b>42.343.256.484</b> | <b>(42.351.193.540)</b>      |
| 30    | <b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>              |             |                       |                              |
| 31    | Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ  |             | 440.464.233.836       | 482.815.427.376              |
| 32    | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 20.7        | 415.569.063.793       | 434.653.019.376              |
| 33    | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán                            | 20.7        | 24.771.814.200        | 48.162.408.000               |
| 35    | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành   |             | 123.355.843           | -                            |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước<br>(trình bày lại) |
|-------|--|-------------|-----------------|------------------------------|
| 40    | <b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>            |             |                 |                              |
| 41    | Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:  |             | 482.807.490.320 | 440.464.233.836              |
| 42    | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 20.7        | 160.686.058.057 | 415.569.063.793              |
| 43    | - Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng                         | 20.7        | 308.360.826.219 | -                            |
| 44    | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán                            |             | -               | 24.771.814.200               |
| 45    | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành   |             | 13.760.606.044  | 123.355.843                  |





Bà Vũ Thị Thúy Linh  
Người lập  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy  
Người phê duyệt  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Ông Nhữ Đình Hòa  
Người phê duyệt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU TỔNG HỢP**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Số đầu năm               |                          | Số tăng/ (giảm)                                      |                         |  |                         | Số cuối năm              |                          |
|--|-------------|--------------------------|--------------------------|--|-------------------------|--|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
|  |             | Ngày 01/01/2015          | Ngày 01/01/2016          | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 |                         | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 |                         | Ngày 31/12/2015          | Ngày 31/12/2016          |
|  |             |                          |                          | Tăng   | Giảm                    | Tăng   | Giảm                    |                          |                          |
| A  | B           | 1                        | 2                        | 3  | 4                       | 5  | 6                       | 7                        | 8                        |
| <b>I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                   |             |                          |                          |  |                         |  |                         |                          |                          |
| 1. <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>                  | 19          | 1.332.364.536.720        | 1.332.364.536.720        | -  | -                       | -  | (268.682.500)           | 1.332.364.536.720        | 1.332.095.854.220        |
| 1.1 <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>    |             | 722.339.370.000          | 722.339.370.000          | -  | -                       | -  | -                       | 722.339.370.000          | 722.339.370.000          |
| 1.2 <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>                      |             | 610.253.166.720          | 610.253.166.720          | -  | -                       | -  | -                       | 610.253.166.720          | 610.253.166.720          |
| 1.3 <i>Cổ phiếu quỹ</i>                              |             | (228.000.000)            | (228.000.000)            | -  | -                       | -  | (268.682.500)           | (228.000.000)            | (496.682.500)            |
| 2. <b>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</b>             |             | 14.322.179.098           | 18.808.728.387           | 4.486.549.289  | -                       | 5.085.721.015  | -                       | 18.808.728.387           | 23.894.449.402           |
| 3. <b>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ</b> |             | 14.322.179.098           | 18.808.728.387           | 4.486.549.289  | -                       | 5.085.721.015  | -                       | 18.808.728.387           | 23.894.449.402           |
| 4. <b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>                   |             | (19.802.973.049)         | 80.757.887.200           | 116.116.070.030                                      | (15.555.209.781)        | 101.729.019.750                                      | (14.200.338.390)        | 80.757.887.200           | 168.277.570.560          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                     |             | <b>1.341.205.921.867</b> | <b>1.450.739.880.694</b> | <b>125.089.168.608</b>                               | <b>(15.555.209.781)</b> | <b>111.900.461.780</b>                               | <b>(14.478.018.890)</b> | <b>1.450.739.880.694</b> | <b>1.548.162.323.584</b> |

Bà Vũ Thị Thủy Linh  
Người lập  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy  
Người phê duyệt  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Nhữ Đình Hòa  
Người phê duyệt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 03 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty", "BVSC") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ ban đầu là 43.000.000.000 đồng Việt Nam.

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 51/QĐ-TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006-GCNCP-TTLK ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Quyết định số 288/UBCK-GP điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD với mức vốn điều lệ mới là 722.339.370.000 đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chi nhánh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

| <i>Tên Phòng giao dịch</i>                             | <i>Địa chỉ</i>   |
|--|--|
| 1. Phòng giao dịch Hội sở (Hà Nội)                     | Tòa nhà Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| 2. Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)                       | 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội                        |
| 3. Phòng giao dịch Kim Mã (Hà Nội)                     | Tầng 2, tòa nhà VIT, 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội           |
| 4. Phòng giao dịch Láng Hạ (Hà Nội)                    | Tầng 12, tòa nhà 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội               |
| 5. Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)          | 90 Cao Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh                       |
| 6. Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ (TP Hồ Chí Minh) | 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh                 |
| 7. Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)      | 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh                      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12

Công ty cũng lập báo cáo tài chính tổng hợp hàng quý.

### **2.4 Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính tổng hợp của Trụ sở chính Công ty và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015. Công ty cũng lập báo cáo tài chính của Trụ sở chính Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC.

Theo đó, báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp, báo cáo tình hình tài chính tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 334").

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- ▶ Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 210 và Thông tư 334 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính như sau:

- ▶ Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp ghi nhận theo giá trị thị trường phải tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)**

- ▶ Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- ▶ Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Thông tư 210 và Thông tư 334 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 26.5.

**4.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**4.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)**

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính do pháp luật chứng khoán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp ngay khi phát sinh

**4.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.6 Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

*Cho vay margin*

Cho vay Margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có)

**4.7 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được tiếp tục ghi nhận theo giá gốc do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

**4.8 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

*Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính FVTPL, AFS và HTM*

Các tài sản tài chính FVTPL, AFS và HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính tổng hợp.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.8 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (tiếp theo)**

*Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính FVTPL, AFS và HTM (tiếp theo)*

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

*Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay*

Đối với các tài sản tài chính được phân loại vào nhóm các khoản cho vay, Công ty thực hiện đánh giá riêng lẻ từng tài sản khi tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản đó là đáng kể. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

**4.9 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính**

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.10 Phân loại lại tài sản tài chính**

*Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

*Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động – Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

**4.11 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp trên khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

| <u>Thời gian quá hạn</u>                   | <u>Mức trích dự phòng</u> |
|--|---------------------------|
| Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30%                       |
| Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm        | 50%                       |
| Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm         | 70%                       |
| Từ ba (3) năm trở lên                      | 100%                      |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.12 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

**4.13 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

**4.14 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                           |           |
|---------------------------|-----------|
| Máy móc thiết bị          | 3 - 8 năm |
| Phương tiện vận tải       | 6 - 8 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 5 năm |
| Phần mềm máy tính         | 3 - 5 năm |
| Tài sản khác              | 3 - 5 năm |

**4.15 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.16 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

**4.17 Các hợp đồng bán và cam kết mua lại**

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính tổng hợp và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động tổng hợp trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

**4.18 Các khoản vay**

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**4.19 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.20 Lợi ích của nhân viên**

**4.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

**4.20.2 Trợ cấp thôi việc**

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 04 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.20 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)**

**4.20.2 Trợ cấp thôi việc (tiếp theo)**

*Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương. Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Công ty không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Toàn bộ các khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại Công ty được hạch toán trực tiếp vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4.20.3 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

**4.21 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp.

**4.22 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**4.23 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**4.23 Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Thu nhập khác*

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

*Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**4.24 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**4.25 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.27. Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- ▶ Lợi nhuận chưa thực hiện của năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty. Tuy nhiên do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, việc đánh giá lại tài sản tài chính được hạch toán dưới dạng chi phí dự phòng và được ghi nhận vào lợi nhuận đã thực hiện.
- ▶ Lợi nhuận đã thực hiện của năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

**Các quỹ**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

|  | Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|--|-------------------------------------|----------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ             | 5%                                  | 10% vốn điều lệ      |
| Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 5%                                  | 10% vốn điều lệ      |

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

**4.28. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.29. Các khoản mục không có số dư**

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|   | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>(trình bày lại)<br/>VND</i> |
|---|-------------------------------|--|
| <b>Tiền</b>   | <b>7.450.071.427</b>          | <b>7.429.510.896</b>                             |
| Tiền mặt tại quỹ                                    | 68.111.127                    | 155.880.047                                      |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK               | 7.381.960.300                 | 5.938.728.849                                    |
| Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | -                             | 1.334.902.000                                    |
| <b>Các khoản tương đương tiền</b>                   | <b>110.508.329.296</b>        | <b>441.327.586.107</b>                           |
| <b>Tổng cộng</b>                                    | <b>117.958.400.723</b>        | <b>448.757.097.003</b>                           |

**6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

|                    | <i>Khối lượng<br/>giao dịch thực hiện<br/>trong năm<br/>(đơn vị)</i> | <i>Giá trị<br/>giao dịch thực hiện<br/>trong năm<br/>(VND)</i> |
|--------------------|--|--|
| 1. Của Công ty     |  |  |
| - Cổ phiếu         | 47.741.764   | 664.140.412.049  |
| - Trái phiếu       | 1.701.470  | 1.910.179.400.000  |
| - Chứng khoán khác | 4.368.030  | 56.260.595.200   |
|                    | <b>53.811.264</b>  | <b>2.630.580.407.249</b>                                       |
| 2. Của nhà đầu tư  |  |  |
| - Cổ phiếu         | 3.751.594.687  | 54.381.731.583.000   |
| - Trái phiếu       | 521.134.976  | 57.629.873.910.968   |
| - Chứng khoán khác | 219.670  | 2.272.974.700  |
|                    | <b>4.272.949.333</b>   | <b>112.013.878.468.668</b>                                     |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

|                                  | Số dư cuối năm         |                        | Số dư đầu năm          |                        |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | Giá gốc<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND  | Giá gốc<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND  |
| <b>1. Cổ phiếu niêm yết</b>      | <b>95.625.192.416</b>  | <b>91.566.608.020</b>  | <b>116.979.121.693</b> | <b>98.272.771.100</b>  |
| TIX                              | 26.803.284.730         | 34.077.223.850         | 27.573.868.250         | 21.666.825.000         |
| SHB                              | 11.852.599.364         | 10.384.500.000         | -                      | -                      |
| HVX                              | 10.304.249.630         | 4.345.260.000          | 10.304.249.630         | 4.634.944.000          |
| VAF                              | 9.206.621.517          | 7.125.125.150          | 10.386.374.620         | 8.798.220.000          |
| Khác                             | 37.458.437.175         | 35.634.499.020         | 68.714.629.193         | 63.172.782.100         |
| <b>2. Cổ phiếu chưa niêm yết</b> | <b>7.901.854.100</b>   | <b>2.086.463.300</b>   | <b>7.664.326.040</b>   | <b>1.856.565.826</b>   |
| PVO                              | 6.600.000.000          | 1.900.000.000          | 6.600.000.000          | 1.696.000.000          |
| PMT                              | 1.059.173.000          | 122.000.000            | 1.059.173.000          | 156.000.000            |
| Khác                             | 242.681.100            | 64.463.300             | 5.153.040              | 4.565.826              |
| <b>3. Chứng chỉ quỹ</b>          | <b>19.423.974.529</b>  | <b>20.170.000.000</b>  | <b>30.972.830.000</b>  | <b>31.308.256.000</b>  |
| E1SSHN30                         | 10.000.000.000         | 10.000.000.000         | 10.000.000.000         | 10.000.000.000         |
| E1VFN30                          | 9.423.974.529          | 10.170.000.000         | 20.972.830.000         | 21.308.256.000         |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>122.951.021.045</b> | <b>113.823.071.320</b> | <b>155.616.277.733</b> | <b>131.437.592.926</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**7.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

|   | Số dư cuối năm         |                        | Số dư đầu năm          |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá gốc<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND  | Giá gốc<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND  |
| <b>Ngắn hạn</b>                               | <b>107.519.517.159</b> | <b>64.959.246.782</b>  | <b>119.293.555.739</b> | <b>73.284.057.064</b>  |
| <b>Cổ phiếu</b>                               | <b>71.966.770.224</b>  | <b>36.810.586.782</b>  | <b>59.194.945.224</b>  | <b>20.600.799.664</b>  |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau               | 24.000.000.000         | 842.400.000            | 24.000.000.000         | -                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân | 20.000.000.000         | 20.000.000.000         | -                      | -                      |
| Công ty Cổ phần Dược trung ương Mediplantex   | 7.875.000.000          | 3.896.812.500          | 7.875.000.000          | 4.015.200.000          |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội              | -                      | -                      | 6.987.720.000          | 3.228.741.792          |
| Khác  | 20.091.770.224         | 12.071.374.282         | 20.332.225.224         | 13.356.857.872         |
| <b>Chứng chỉ quỹ</b>                          | <b>16.576.432.682</b>  | <b>28.148.660.000</b>  | <b>41.060.815.365</b>  | <b>52.683.257.400</b>  |
| Quỹ Đầu Tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)         | 16.576.432.682         | 28.148.660.000         | 33.152.865.365         | 47.160.600.000         |
| Quỹ Đầu Tư Năng Động Việt Nam (VFA)           | -                      | -                      | 7.907.950.000          | 5.522.657.400          |
| <b>Đầu tư tự doanh khác</b>                   | <b>18.976.314.253</b>  | <b>-</b>               | <b>19.037.795.150</b>  | <b>-</b>               |
| <b>Dài hạn</b>                                | <b>181.150.483.000</b> | <b>154.564.129.000</b> | <b>167.775.973.000</b> | <b>127.475.905.851</b> |
| <b>Cổ phiếu</b>                               | <b>89.150.483.000</b>  | <b>59.673.729.000</b>  | <b>87.775.973.000</b>  | <b>46.283.905.851</b>  |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà              | 75.000.000.000         | 45.000.000.000         | 75.000.000.000         | 37.548.000.000         |
| Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí toàn cầu       | 14.150.483.000         | 14.673.729.000         | 12.775.973.000         | 8.735.905.851          |
| <b>Chứng chỉ quỹ</b>                          | <b>92.000.000.000</b>  | <b>94.890.400.000</b>  | <b>80.000.000.000</b>  | <b>81.192.000.000</b>  |
| Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt (BVIF)            | 80.000.000.000         | 82.888.000.000         | 80.000.000.000         | 81.192.000.000         |
| Quỹ đầu tư triển vọng Bảo Việt (BVPF)         | 12.000.000.000         | 12.002.400.000         | -                      | -                      |
| <b>Tổng cộng</b>                              | <b>288.670.000.159</b> | <b>219.523.375.782</b> | <b>287.069.528.739</b> | <b>200.759.962.915</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7.3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

|   | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>VND</i> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                         |                               |                              |
| <b>1. Tiền gửi có kỳ hạn</b>            | <b>270.317.549.562</b>        | <b>129.318.769.974</b>       |
| Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn         | 270.317.549.562               | 129.318.769.974              |
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>270.317.549.562</b>        | <b>129.318.769.974</b>       |
| <b>Dài hạn</b>                          |                               |                              |
| <b>1. Tiền gửi có kỳ hạn</b>            | <b>94.527.294.444</b>         | -                            |
| Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn         | 94.527.294.444                | -                            |
| <b>2. Trái phiếu niêm yết</b>           | <b>73.707.723.293</b>         | <b>123.765.236.306</b>       |
| BID10306                                | -                             | 50.057.513.014               |
| TD1318024                               | 21.157.312.332                | 21.157.312.331               |
| TD1424092                               | 52.550.410.961                | 52.550.410.961               |
| <b>3. Trái phiếu chưa niêm yết</b>      | <b>160.290.835.122</b>        | -                            |
| BVB122022                               | 90.272.071.233                | -                            |
| MSN122020                               | 70.018.763.889                | -                            |
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>328.525.852.859</b>        | <b>123.765.236.306</b>       |
| <b>7.4 Các khoản cho vay</b>            |                               |                              |
|   | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>VND</i> |
| Phải thu khách hàng về giao dịch margin | 735.872.635.238               | 604.420.360.977              |
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>735.872.635.238</b>        | <b>604.420.360.977</b>       |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**7.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

|                             | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>VND</i> |
|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>             | <b>(78.258.018.426)</b>       | <b>(89.480.512.517)</b>      |
| Các tài sản tài chính FVTPL | (18.545.278.797)              | (24.990.838.390)             |
| - Cổ phiếu                  | (18.545.278.797)              | (24.990.838.390)             |
| Các khoản cho vay           | (5.580.241.934)               | (4.473.358.017)              |
| - Cho vay margin            | (5.580.241.934)               | (4.473.358.017)              |
| Các tài sản tài chính AFS   | (54.132.497.695)              | (60.016.316.110)             |
| - Cổ phiếu                  | (35.156.183.442)              | (38.593.228.360)             |
| - Chứng chỉ quỹ             | -                             | (2.385.292.600)              |
| - Đầu tư tự doanh khác      | (18.976.314.253)              | (19.037.795.150)             |
| <b>Dài hạn</b>              | <b>(30.000.000.000)</b>       | <b>(41.492.067.149)</b>      |
| Các tài sản tài chính AFS   | (30.000.000.000)              | (41.492.067.149)             |
| - Cổ phiếu                  | (30.000.000.000)              | (41.492.067.149)             |
| <b>Tổng cộng</b>            | <b>(108.258.018.426)</b>      | <b>(130.972.579.666)</b>     |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.6 Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị

| STT        | Loại TSTC                        | Số lượng          | Cơ sở lập dự phòng năm nay |   |                                    | Giá trị lập dự phòng năm trước (VND) | Mức (trích lập)/ hoàn nhập năm nay (VND) |
|------------|----------------------------------|-------------------|----------------------------|---|------------------------------------|--------------------------------------|--|
|            |                                  |                   | Giá sổ sách kế toán (VND)  | Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC (VND) | Giá trị lập dự phòng năm nay (VND) |                                      |  |
| <b>I</b>   | <b>FVTPL</b>                     | <b>10.167.250</b> | <b>122.951.021.045</b>     | <b>113.823.071.320</b>                      | <b>(18.545.278.797)</b>            | <b>(24.990.838.390)</b>              | <b>6.445.559.593</b>                     |
|            | HVX                              | 724.210           | 10.304.249.630             | 4.345.260.000                               | (5.958.989.630)                    | (5.669.305.630)                      | (289.684.000)                            |
|            | PVO                              | 500.000           | 6.600.000.000              | 1.900.000.000                               | (4.700.000.000)                    | (4.904.000.000)                      | 204.000.000                              |
|            | VAF                              | 563.251           | 9.206.621.517              | 7.125.125.150                               | (2.081.496.367)                    | (1.588.154.620)                      | (493.341.747)                            |
|            | TIX                              | 842.453           | 26.803.284.730             | 34.077.223.850                              | -                                  | (5.907.043.250)                      | 5.907.043.250                            |
|            | Khác                             | 7.537.336         | 70.036.865.168             | 66.375.462.320                              | (5.804.792.800)                    | (6.922.334.890)                      | 1.117.542.090                            |
| <b>II</b>  | <b>HTM</b>                       | <b>1.600.070</b>  | <b>598.843.402.421</b>     | <b>610.054.792.670</b>                      | -                                  | -                                    | -  |
|            | TD1318024                        | 200.000           | 21.157.312.332             | 22.203.441.555                              | -                                  | -                                    | -  |
|            | TD1424092                        | 500.000           | 52.550.410.961             | 61.125.524.743                              | -                                  | -                                    | -  |
|            | BVB122022                        | 900.000           | 90.272.071.233             | 90.272.071.233                              | -                                  | -                                    | -  |
|            | MSN122020                        | 70                | 70.018.763.889             | 70.942.900.076                              | -                                  | -                                    | -  |
|            | Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn  |                   | 364.844.844.006            | 365.510.855.063                             | -                                  | -                                    | -  |
| <b>III</b> | <b>Các khoản cho vay</b>         |                   | <b>735.872.635.238</b>     | <b>737.449.748.476</b>                      | <b>(5.580.241.934)</b>             | <b>(4.473.358.017)</b>               | <b>(1.106.883.917)</b>                   |
|            | Cho vay margin                   |                   | 735.872.635.238            | 737.449.748.476                             | (5.580.241.934)                    | (4.473.358.017)                      | (1.106.883.917)                          |
| <b>IV</b>  | <b>AFS</b>                       | <b>21.378.334</b> | <b>288.670.000.159</b>     | <b>219.523.375.782</b>                      | <b>(84.132.497.695)</b>            | <b>(101.508.383.259)</b>             | <b>17.375.885.564</b>                    |
|            | Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà | 6.000.000         | 75.000.000.000             | 45.000.000.000                              | (30.000.000.000)                   | (37.452.000.000)                     | 7.452.000.000                            |
|            | Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau  | 975.000           | 24.000.000.000             | 842.400.000                                 | (23.157.600.000)                   | (24.000.000.000)                     | 842.400.000                              |
|            | Đầu tư tự doanh khác             |                   | 18.976.314.253             | -   | (18.976.314.253)                   | (19.037.795.150)                     | 61.480.897                               |
|            | Khác                             | 14.403.334        | 170.693.685.906            | 173.680.975.782                             | (11.998.583.442)                   | (21.018.588.109)                     | 9.020.004.667                            |
|            | <b>Tổng cộng</b>                 | <b>33.145.654</b> | <b>1.746.337.058.863</b>   | <b>1.680.850.988.248</b>                    | <b>(108.258.018.426)</b>           | <b>(130.972.579.666)</b>             | <b>22.714.561.240</b>                    |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

|  | Số dư cuối năm<br>VND | Số dư đầu năm<br>VND  |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 11.910.433.601        | 6.675.483.428         |
| Cổ tức   | 4.050.125.350         | 4.289.400             |
| Dự thu lãi tiền gửi không kỳ hạn                               | 702.953.079           | 1.238.342.821         |
| Dự thu lãi margin  | 7.157.355.172         | 5.432.851.207         |
| Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp              | 4.647.585.392         | 4.326.787.354         |
| Phải thu khác  | 18.490.846.191        | 13.129.761.674        |
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)               | (15.901.229.699)      | (15.901.229.699)      |
|  | <b>19.147.635.485</b> | <b>8.230.802.757</b>  |
| Trả trước cho người bán  | 43.439.389.731        | 7.267.526.791         |
| Công ty TNHH Thủ Đô II (trả trước 5 năm tiền thuê văn phòng)   | 37.718.826.600        | -                     |
| Khác   | 5.720.563.131         | 7.267.526.791         |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>62.587.025.216</b> | <b>15.498.329.548</b> |

(\*) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

| Loại phải thu khó đòi             | Giá trị                         |                       | Số trích lập trong năm | Số hoàn nhập trong năm | Giá trị                         |  |
|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|--|
|                                   | phải thu khó đòi tại 31.12.2016 | Số dự phòng đầu năm   |                        |                        | phải thu khó đòi tại 31.12.2015 |  |
| Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi | 15.901.229.699                  | 15.901.229.699        | -                      | -                      | 15.901.229.699                  |  |
| Nguyễn Mạnh Giao                  | 1.780.000.000                   | 1.780.000.000         | -                      | -                      | 1.780.000.000                   |  |
| Hà Thanh Hải                      | 1.685.000.000                   | 1.685.000.000         | -                      | -                      | 1.685.000.000                   |  |
| Nguyễn Phương Nam                 | 4.000.000.000                   | 4.000.000.000         | -                      | -                      | 4.000.000.000                   |  |
| Công ty TNHH Nam Nhất             | 2.800.000.000                   | 2.800.000.000         | -                      | -                      | 2.800.000.000                   |  |
| Khác                              | 5.636.229.699                   | 5.636.229.699         | -                      | -                      | 5.636.229.699                   |  |
| <b>Tổng cộng</b>                  | <b>15.901.229.699</b>           | <b>15.901.229.699</b> | <b>-</b>               | <b>-</b>               | <b>15.901.229.699</b>           |  |

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

|   | Số dư cuối năm<br>VND | Số dư đầu năm<br>VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Tam ứng                                 | 585.158.321           | 272.900.000          |
| Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ      | 643.803.564           | 51.800.000           |
| Chi phí trả trước ngắn hạn              | 2.069.415.949         | 1.205.498.945        |
| Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên | 414.049.625           | 393.758.550          |
| Chi phí bảo trì bảo dưỡng phần mềm      | 691.348.303           | 733.946.068          |
| Khác                                    | 964.018.021           | 77.794.327           |
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>3.298.377.834</b>  | <b>1.530.198.945</b> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                                | <i>Máy móc thiết bị<br/>VND</i> | <i>Phương tiện vận tải<br/>VND</i> | <i>Thiết bị dụng cụ quản<br/>lý<br/>VND</i> | <i>Tài sản cố định khác<br/>VND</i> | <i>Tổng cộng<br/>VND</i> |
|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>              |                                 |                                    |   |                                     |                          |
| Số dư đầu năm                  | 22.394.874.421                  | 4.264.275.167                      | 743.263.271                                 | -                                   | 27.402.412.859           |
| Mua trong năm                  | 3.788.716.000                   | -                                  | -   | 56.770.560                          | 3.845.486.560            |
| Thanh lý, nhượng bán           | -                               | -                                  | 32.340.000                                  | -                                   | 32.340.000               |
| Số dư cuối năm                 | 26.183.590.421                  | 4.264.275.167                      | 710.923.271                                 | 56.770.560                          | 31.215.559.419           |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế</b> |                                 |                                    |   |                                     |                          |
| Số dư đầu năm                  | 20.849.404.734                  | 3.018.990.602                      | 697.552.354                                 | -                                   | 24.565.947.690           |
| Tăng trong năm                 | 1.618.356.058                   | 286.072.764                        | 27.876.168                                  | 5.519.360                           | 1.937.824.350            |
| Thanh lý, nhượng bán           | -                               | -                                  | 32.340.000                                  | -                                   | 32.340.000               |
| Số dư cuối năm                 | 22.467.760.792                  | 3.305.063.366                      | 693.088.522                                 | 5.519.360                           | 26.471.432.040           |
| <b>Giá trị còn lại</b>         |                                 |                                    |   |                                     |                          |
| Số dư đầu năm                  | 1.545.469.687                   | 1.245.284.565                      | 45.710.917                                  | -                                   | 2.836.465.169            |
| Số dư cuối năm                 | 3.715.829.629                   | 959.211.801                        | 17.834.749                                  | 51.251.200                          | 4.744.127.379            |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 24.262.497.167 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 14.887.379.767 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | <i>Phần mềm<br/>VND</i> | <i>Tài sản<br/>vô hình khác<br/>VND</i> | <i>Tổng cộng<br/>VND</i> |
|-------------------------------|-------------------------|---|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                         |   |                          |
| Số dư đầu năm                 | 7.502.928.184           | 2.967.788.256                           | 10.470.716.440           |
| Tăng trong năm                | 474.120.000             | -                                       | 474.120.000              |
| Số dư cuối năm                | 7.977.048.184           | 2.967.788.256                           | 10.944.836.440           |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                         |   |                          |
| Số dư đầu năm                 | 7.465.358.035           | 2.894.693.833                           | 10.360.051.868           |
| Hao mòn trong năm             | 85.039.718              | 73.094.423                              | 158.134.141              |
| Số dư cuối năm                | 7.550.397.753           | 2.967.788.256                           | 10.518.186.009           |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                         |   |                          |
| Số dư đầu năm                 | 37.570.149              | 73.094.423                              | 110.664.572              |
| Số dư cuối năm                | 426.650.431             | -                                       | 426.650.431              |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.470.716.440 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 8.287.037.040 đồng).

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

|                            | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>VND</i> |
|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí vật dụng văn phòng | 1.722.798.071                 | 2.626.167.509                |
| Chi phí cải tạo văn phòng  | 778.957.168                   | 4.225.217.983                |
| Khác                       | 3.302.798.564                 | 913.860.445                  |
| <b>Tổng cộng</b>           | <b>5.804.553.803</b>          | <b>7.765.245.937</b>         |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký là 20 tỷ đồng đối với công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

|                                | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>VND</i> |
|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm                     | 21.181.760.379                | 19.453.261.222               |
| Tiền nộp bổ sung trong năm     | -                             | 546.738.778                  |
| Tiền lãi đã nhận trong năm     | (1.181.760.379)               | -                            |
| Tiền lãi phân bổ trong năm (*) | 1.147.619.087                 | 1.181.760.379                |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>21.147.619.087</b>         | <b>21.181.760.379</b>        |

(\*) Tiền lãi phân bổ trong năm được ghi nhận dựa trên tiền lãi phân bổ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông báo cho năm tài chính 2016.

**14. VAY NGẮN HẠN**

|                     | <i>Lãi<br/>suất<br/>%</i> | <i>Số dư<br/>đầu năm<br/>VND</i> | <i>Số vay<br/>trong năm<br/>VND</i> | <i>Số đã trả<br/>trong năm<br/>VND</i> | <i>Số dư<br/>cuối năm<br/>VND</i> |
|---------------------|---------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|--|-----------------------------------|
| <b>Vay ngắn hạn</b> |                           |                                  |                                     |  |                                   |
| Vay<br>thấu chi     | 6,2%                      | 29.150.839.917                   | 216.081.996.833                     | 245.232.836.750                        | -                                 |
| Vay<br>thấu chi     | 6,0%                      | -                                | 3.047.964.929.954                   | 2.888.287.481.482                      | 159.677.448.472                   |
| <b>Tổng cộng</b>    |                           | <b>29.150.839.917</b>            | <b>3.264.046.926.787</b>            | <b>3.133.520.318.232</b>               | <b>159.677.448.472</b>            |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

|                                       | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>(trình bày lại)<br/>VND</i> |
|---------------------------------------|-------------------------------|--|
| Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán     | 2.153.949.582                 | 1.208.970.924                                    |
| Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán | 472.103.123                   | 385.569.473                                      |
| <b>Tổng cộng</b>                      | <b>2.626.052.705</b>          | <b>1.594.540.397</b>                             |

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

|  | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>(trình bày lại)<br/>VND</i> |
|--|-------------------------------|--|
| Phải trả các bên liên quan ( <i>thuyết minh 26.1</i> ) | 331.239.720                   | 3.240.645.547                                    |
| Công ty CP truyền thông ABC Việt Nam                   | 306.120.000                   | -  |
| Công ty CP Tư Vấn Và Thẩm Định Giá Đông Nam            | 153.000.000                   | -  |
| Đối tượng khác   | 374.100.990                   | 217.799.919                                      |
| <b>Tổng cộng</b>                                       | <b>1.164.460.710</b>          | <b>3.458.445.466</b>                             |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

| <i>STT</i> | <i>Chỉ tiêu</i>                        | <i>Số dư đầu năm<br/>(trình bày lại)<br/>VND</i> | <i>Số phải nộp<br/>trong năm<br/>VND</i> | <i>Số đã nộp<br/>trong năm<br/>VND</i> | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> |
|------------|--|--|--|--|-------------------------------|
| 1          | Thuế thu nhập cá nhân                  | 2.988.443.407                                    | 33.024.539.659                           | (32.535.073.994)                       | 3.477.909.072                 |
|            | - <i>Của nhân viên Công ty</i>         | 794.645.376                                      | 6.715.173.137                            | (6.692.854.365)                        | 816.964.148                   |
|            | - <i>Của nhà đầu tư cá nhân</i>        | 2.193.798.031                                    | 26.309.366.522                           | (25.842.219.629)                       | 2.660.944.924                 |
| 2          | Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 946.200.687                                      | 17.594.997.762                           | (16.476.510.295)                       | 2.064.688.154                 |
| 3          | Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 110.274.372                                      | 1.176.764.759                            | (1.045.147.349)                        | 241.891.782                   |
| 4          | Các loại thuế khác                     | 152.751.131                                      | 3.762.329.303                            | (3.723.664.011)                        | 191.416.423                   |
|            | <b>Tổng cộng</b>                       | <b>4.197.669.597</b>                             | <b>55.558.631.483</b>                    | <b>(53.780.395.649)</b>                | <b>5.975.905.431</b>          |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|   | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>VND</i> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                           |                               |                              |
| Trích trước chi phí giới thiệu khách hàng | 844.733.609                   | 160.980.365                  |
| Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài     | 1.065.731.234                 | 664.893.189                  |
| Trích trước chi phí khác                  | -                             | 425.854.400                  |
|   | <b><u>1.910.464.843</u></b>   | <b><u>1.251.727.954</u></b>  |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

|  | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu<br>VND | Thặng dư vốn cổ phần<br>VND | Cổ phiếu quỹ<br>VND  | Quỹ dự trữ bổ<br>sung vốn điều<br>lệ<br>VND | Quỹ<br>dự phòng tài<br>chính và rủi ro<br>nghịệp vụ<br>VND | Lợi nhuận chưa<br>phân phối<br>VND | Tổng cộng<br>VND         |
|--|-------------------------------------|-----------------------------|----------------------|---|--|------------------------------------|--------------------------|
| <b>Số dư đầu năm</b>   | <b>722.339.370.000</b>              | <b>610.253.166.720</b>      | <b>(228.000.000)</b> | <b>18.808.728.387</b>                       | <b>18.808.728.387</b>                                      | <b>80.757.887.200</b>              | <b>1.450.739.880.694</b> |
| Trích quỹ khen<br>thưởng, phúc lợi<br>năm 2015 theo Nghị<br>quyết Đại hội đồng<br>cổ đông      | -                                   | -                           | -                    | -   | -  | (4.037.894.360)                    | (4.037.894.360)          |
| Trích quỹ dự trữ bổ<br>sung vốn điều lệ và<br>quỹ dự phòng tài<br>chính và rủi ro<br>nghịệp vụ | -                                   | -                           | -                    | 5.085.721.015                               | 5.085.721.015  | (10.171.442.030)                   | -                        |
| Mua cổ phiếu quỹ   | -                                   | -                           | (268.682.500)        | -   | -  | -                                  | (268.682.500)            |
| Lợi nhuận sau thuế<br>trong năm  | -                                   | -                           | -                    | -   | -  | 101.714.420.306                    | 101.714.420.306          |
| Tăng khác  | -                                   | -                           | -                    | -   | -  | 14.599.444                         | 14.599.444               |
| <b>Số dư cuối năm</b>  | <b>722.339.370.000</b>              | <b>610.253.166.720</b>      | <b>(496.682.500)</b> | <b>23.894.449.402</b>                       | <b>23.894.449.402</b>                                      | <b>168.277.570.560</b>             | <b>1.548.162.323.584</b> |

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

|                   | Số lượng cổ phần (*)<br>Đơn vị | Giá trị (*)<br>VND     | Tỷ lệ sở hữu<br>% |
|-------------------|--------------------------------|------------------------|-------------------|
| Tập đoàn Bảo Việt | 43.281.193                     | 432.811.930.000        | 59,9%             |
| Các cổ đông khác  | 28.918.952                     | 289.189.520.000        | 40,1%             |
|                   | <b>72.200.145</b>              | <b>722.001.450.000</b> | <b>100,0%</b>     |

(\*) số lượng và giá trị cổ phiếu lưu hành đã được trừ đi cổ phiếu quỹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

|  | <i>Số dư cuối năm</i><br><i>Đơn vị</i> | <i>Số dư đầu năm</i><br><i>Đơn vị</i> |
|--|--|---------------------------------------|
| Số lượng cổ phần được phép phát hành               | 72.233.937                             | 72.233.937                            |
| <i>Cổ phiếu thường</i>                             | 72.233.937                             | 72.233.937                            |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                             | -                                      | -                                     |
| Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ | 72.233.937                             | 72.233.937                            |
| <i>Cổ phiếu thường</i>                             | 72.233.937                             | 72.233.937                            |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                             | -                                      | -                                     |
| Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)            | 33.792                                 | 15.200                                |
| <i>Cổ phiếu thường</i>                             | 33.792                                 | 15.200                                |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                             | -                                      | -                                     |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành                     | 72.200.145                             | 72.218.737                            |
| <i>Cổ phiếu thường</i>                             | 72.200.145                             | 72.218.737                            |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                             | -                                      | -                                     |

**20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**20.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK**

|   | <i>Số dư cuối năm</i><br><i>VND</i> | <i>Số dư đầu năm</i><br><i>VND</i> |
|---|-------------------------------------|------------------------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 113.684.440.000                     | 117.700.660.000                    |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán                | 1.521.500.000                       | 3.991.100.000                      |
| <b>Tổng cộng</b>                                | <b>115.205.940.000</b>              | <b>121.691.760.000</b>             |

**20.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK**

|   | <i>Số dư cuối năm</i><br><i>VND</i> | <i>Số dư đầu năm</i><br><i>VND</i> |
|---|-------------------------------------|------------------------------------|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng | 3.000.000.000                       | 8.000.000.000                      |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>3.000.000.000</b>                | <b>8.000.000.000</b>               |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
(tiếp theo)

**20.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK**

|          | Số dư cuối năm<br>VND | Số dư đầu năm<br>VND |
|----------|-----------------------|----------------------|
| Cổ phiếu | 1.577.100.000         | 6.003.500.000        |
|          | <b>1.577.100.000</b>  | <b>6.003.500.000</b> |

**20.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

|                  | Số dư cuối năm<br>VND  | Số dư đầu năm<br>VND   |
|------------------|------------------------|------------------------|
| Cổ phiếu         | 94.553.980.000         | 88.641.750.000         |
| Trái phiếu       | 160.000.000.000        | -                      |
| Chứng chỉ quỹ    | 102.000.000.000        | 107.800.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>356.553.980.000</b> | <b>196.441.750.000</b> |

**20.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**

|   | Số dư cuối năm<br>VND     | Số dư đầu năm<br>VND      |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 28.622.801.930.000        | 22.005.500.140.000        |
| Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng         | 206.691.910.000           | 158.446.710.000           |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố              | 470.168.980.000           | 220.631.660.000           |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán                | 75.730.760.000            | 167.436.810.000           |
| <b>Tổng cộng</b>                                | <b>29.375.393.580.000</b> | <b>22.552.015.320.000</b> |

**20.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

|  | Số dư cuối năm<br>VND | Số dư đầu năm<br>VND |
|--|-----------------------|----------------------|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng   | 13.742.840.000        | 5.823.450.000        |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 1.408.490.000         | 3.265.370.000        |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>15.151.330.000</b> | <b>9.088.820.000</b> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
(tiếp theo)

**20.7 Tiền của Nhà đầu tư**

|   | Số dư cuối năm<br>VND  | Số dư đầu năm<br>VND   |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 160.686.058.057        | 415.569.063.793        |
| - Cửa Nhà đầu tư trong nước   | 143.772.358.678        | 398.249.889.849        |
| - Cửa Nhà đầu tư nước ngoài   | 16.913.699.379         | 17.319.173.944         |
| Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng  | 308.360.826.219        | -                      |
| Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư                            | -                      | 24.771.814.200         |
| - Cửa Nhà đầu tư trong nước   | -                      | 24.629.874.200         |
| - Cửa Nhà đầu tư nước ngoài   | -                      | 141.940.000            |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>469.046.884.276</b> | <b>440.340.877.993</b> |

**20.8 Phải trả Nhà đầu tư**

|  | Số dư cuối năm<br>VND  | Số dư đầu năm<br>VND   |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý |                        |                        |
| - Cửa Nhà đầu tư trong nước  | 466.819.169.926        | 418.022.303.403        |
| - Cửa Nhà đầu tư nước ngoài  | 1.274.582.516          | -                      |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>468.093.752.442</b> | <b>418.022.303.403</b> |

**20.9 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty**

|                                    | Số dư cuối năm<br>VND | Số dư đầu năm<br>VND |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Phải trả phí giao dịch chứng khoán | 1.993.622.518         | 2.018.686.766        |
| Phải trả phí lưu ký chứng khoán    | 252.064.415           | 274.375.708          |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>2.245.686.933</b>  | <b>2.293.062.474</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

21.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

| STT | Danh mục các khoản đầu tư       | Số lượng bán<br>Đơn vị | Giá bán bình<br>quân<br>VND/đơn vị | Tổng giá trị bán<br>VND | Giá vốn bình quân gia quyền<br>tính đến cuối ngày giao dịch<br>VND | Lãi/(lỗ) bán chứng<br>khoán năm nay<br>VND | Lãi/(lỗ) bán chứng<br>khoán năm trước<br>VND |
|-----|---------------------------------|------------------------|------------------------------------|-------------------------|--|--|--|
| I   | <b>LÃI BÁN</b>                  |                        |                                    |                         |  |  |  |
| 1   | <b>Cổ phiếu niêm yết</b>        | <b>9.649.440</b>       |                                    | <b>159.917.947.002</b>  | <b>154.308.403.457</b>   | <b>5.609.543.545</b>                       | <b>15.292.299.366</b>                        |
|     | REE                             | 952.840                | 22.919                             | 21.838.106.243          | 20.743.184.896   | 1.094.921.347                              | 920.068.360                                  |
|     | VHC                             | -                      | -                                  | -                       | -  | -  | 2.257.160.400                                |
|     | Khác                            | 8.696.600              |                                    | 138.079.840.759         | 133.565.218.561  | 4.514.622.198                              | 12.115.070.606                               |
| 2   | <b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>   | <b>194.131</b>         |                                    | <b>1.486.624.600</b>    | <b>1.450.842.636</b>   | <b>35.781.964</b>                          | -  |
|     | KLS                             | 194.016                | 7.652                              | 1.484.569.600           | 1.449.967.636  | 34.601.964                                 | -  |
|     | Khác                            | 115                    |                                    | 2.055.000               | 875.000  | 1.180.000                                  | -  |
| 3   | <b>Chứng chỉ quỹ</b>            | <b>2.303.820</b>       |                                    | <b>38.214.860.900</b>   | <b>28.863.599.154</b>  | <b>9.351.261.746</b>                       | <b>10.922.333.898</b>                        |
|     | VFMVF1                          | 1.000.000              | 25.699                             | 25.698.570.000          | 16.576.432.683   | 9.122.137.317                              | 10.591.859.898                               |
|     | E1VFN30                         | 1.303.820              | 9.600                              | 12.516.290.900          | 12.287.166.471   | 229.124.429                                | 330.474.000                                  |
| 4   | <b>Trái phiếu niêm yết</b>      | <b>500.000</b>         |                                    | <b>50.000.000.000</b>   | <b>49.877.650.000</b>  | <b>122.350.000</b>                         | -  |
|     | BID10306                        | 500.000                | 100.000                            | 50.000.000.000          | 49.877.650.000   | 122.350.000                                | -  |
| 5   | <b>Trái phiếu chưa niêm yết</b> | <b>150.000</b>         |                                    | <b>150.075.000.000</b>  | <b>150.000.000.000</b>   | <b>75.000.000</b>                          | <b>109.572.000</b>                           |
|     | VPBANK.BOND.2016.12             | 150.000                | 1.000.500                          | 150.075.000.000         | 150.000.000.000  | 75.000.000                                 | -  |
|     | TP/SHB2015B                     | -                      | -                                  | -                       | -  | -  | 109.572.000                                  |
|     | <b>Tổng cộng</b>                | <b>12.797.391</b>      |                                    | <b>399.694.432.502</b>  | <b>384.500.495.247</b>   | <b>15.193.937.255</b>                      | <b>26.324.205.264</b>                        |
| II  | <b>LỖ BÁN</b>                   |                        |                                    |                         |  |  |  |
| 1   | <b>Cổ phiếu niêm yết</b>        | <b>8.365.116</b>       |                                    | <b>80.674.196.020</b>   | <b>88.990.627.344</b>  | <b>(8.316.431.324)</b>                     | <b>(14.351.242.790)</b>                      |
|     | PHC                             | 167.600                | 8.108                              | 1.358.889.744           | 2.989.902.116  | (1.631.012.372)                            | (2.269.261.300)                              |
|     | FCM                             | 1.112.990              | 5.386                              | 5.994.947.235           | 6.792.905.827  | (797.958.592)                              | (61.266.000)                                 |
|     | HAG                             | 300.000                | 8.680                              | 2.603.999.800           | 3.241.448.288  | (637.448.488)                              | (2.129.952.990)                              |
|     | SJS                             | 96.000                 | 20.913                             | 2.007.611.071           | 2.072.204.544  | (64.593.473)                               | (2.559.076.770)                              |
|     | Khác                            | 6.688.526              |                                    | 68.708.748.170          | 73.894.166.569   | (5.185.418.399)                            | (7.331.685.730)                              |
| 2   | <b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>   | <b>1.264.862</b>       |                                    | <b>11.052.383.540</b>   | <b>13.767.026.672</b>  | <b>(2.714.643.132)</b>                     | -  |
|     | DUOCHANOI                       | 359.388                | 12.600                             | 4.528.288.800           | 6.987.720.000  | (2.459.431.200)                            | -  |
|     | Khác                            | 905.474                |                                    | 6.524.094.740           | 6.779.306.672  | (255.211.932)                              | -  |
| 3   | <b>Chứng chỉ quỹ</b>            | <b>780.000</b>         |                                    | <b>5.307.424.200</b>    | <b>7.907.950.000</b>   | <b>(2.600.525.800)</b>                     | <b>(64.700.000)</b>                          |
|     | VFMVFA                          | 780.000                | 6.804                              | 5.307.424.200           | 7.907.950.000  | (2.600.525.800)                            | -  |
|     | E1VFN30                         | -                      | -                                  | -                       | -  | -  | (64.700.000)                                 |
|     | <b>Tổng cộng</b>                | <b>10.409.978</b>      |                                    | <b>97.034.003.760</b>   | <b>110.665.604.016</b>   | <b>(13.631.600.256)</b>                    | <b>(14.415.942.790)</b>                      |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**21.2 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và AFS**

|   | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|---|------------------------|------------------------|
| Từ tài sản tài chính FVTPL                      | 3.359.999.969          | 6.220.646.900          |
| - Cổ phiếu                                      | 3.359.999.969          | 6.220.646.900          |
| Từ tài sản tài chính HTM                        | 31.170.368.395         | 38.815.814.975         |
| - Trái phiếu                                    | 11.098.238.776         | 16.889.086.809         |
| - Hợp đồng tiền gửi                             | 20.072.129.619         | 21.926.728.166         |
| Từ các khoản cho vay                            | 98.486.397.721         | 84.378.727.486         |
| - Cho vay margin                                | 83.276.506.746         | 62.022.578.636         |
| - Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng | 15.209.890.975         | 22.356.148.850         |
| Từ tài sản tài chính AFS                        | 7.805.501.100          | 3.734.910.700          |
| - Cổ phiếu                                      | 7.782.982.000          | 3.734.910.700          |
| - Khác  | 22.519.100             | -                      |
| <b>Tổng cộng</b>                                | <b>140.822.267.185</b> | <b>133.150.100.061</b> |

**21.3 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính**

|  | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán                           | 99.886.761.357         | 84.023.709.261         |
| Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán                   | 272.264.577            | 1.028.025.755          |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính                               | 9.547.556.363          | 9.490.733.596          |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán                                       | 4.377.884.402          | 3.694.319.217          |
| Thu nhập hoạt động khác  | 5.638.608.312          | 15.678.426.454         |
| - Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá                        | 225.393.640            | 30.810.299             |
| - Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư | 3.920.030.732          | 9.731.467.215          |
| - Doanh thu khác   | 1.493.183.940          | 5.916.148.940          |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>119.723.075.011</b> | <b>113.915.214.283</b> |

**22. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÔ ĐỐI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

|   | Năm nay<br>VND          | Năm trước<br>VND        |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay kỳ quỹ                                    | 1.106.883.917           | -                       |
| Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính FVTPL (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng tài sản tài chính AFS | (6.445.559.593)         | (20.906.908.890)        |
|   | (17.375.885.564)        | 2.264.522.318           |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>(22.714.561.240)</b> | <b>(18.642.386.572)</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

|   | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>(trình bày lại)<br>VND |
|---|-----------------------|-------------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý               | 36.725.029.115        | 30.962.606.658                      |
| - Lương và các khoản phúc lợi           | 35.286.425.902        | 30.145.817.257                      |
| - BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN                | 1.438.603.213         | 816.789.401                         |
| Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên | 1.764.904.759         | 2.293.349.406                       |
| Chi phí vật tư văn phòng                | 412.546.227           | 572.076.107                         |
| Chi phí công cụ, dụng cụ                | 791.886.067           | 490.928.639                         |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                   | 1.590.474.459         | 1.681.598.632                       |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí             | 3.644.269.254         | 3.923.593.817                       |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài               | 16.853.276.661        | 16.096.177.231                      |
| Chi phí dự phòng phải thu khó đòi       | -                     | 2.680.500.000                       |
| Chi phí khác                            | 3.061.433.856         | 2.310.287.477                       |
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>64.843.820.398</b> | <b>61.011.117.967</b>               |

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

|  | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND   |
|--|----------------------|--------------------|
| Thu nhập khác                          | <b>9.563.637</b>     | <b>435.363.636</b> |
| Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC | 7.363.637            | 435.363.636        |
| Thu nhập khác                          | 2.200.000            | -                  |
| Chi phí khác                           | <b>769.772.345</b>   | <b>428.322.069</b> |
| Chi phí phạt thực hiện hợp đồng        | 76.000.000           | -                  |
| Chi về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC | 111.339.820          | -                  |
| Chi phí khác                           | 582.432.525          | 428.322.069        |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>(760.208.708)</b> | <b>7.041.567</b>   |

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

|   | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>119.306.206.190</b> | <b>120.324.624.019</b> |
| Các khoản điều chỉnh:   |                        |                        |
| <i>Trừ:</i> Thu nhập từ cổ tức  | (11.142.981.969)       | (9.955.557.600)        |
| Hoàn nhập chi phí chưa được khấu trừ năm trước                            | (22.080.951.064)       | (6.215.780.020)        |
| Chuyển lỗ của những năm trước   | -                      | (85.402.317.610)       |
| <i>Cộng:</i> Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế | 1.876.656.262          | 428.322.069            |
| <b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>                          | <b>87.958.929.419</b>  | <b>19.179.290.858</b>  |
| Thuế suất thuế TNDN   | 20%                    | 22%                    |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | <b>17.591.785.884</b>  | <b>4.219.443.989</b>   |
| Thuế TNDN phải trả/(trả trước) đầu năm                                    | 946.200.687            | (3.273.243.302)        |
| Thuế TNDN đã trả trong năm  | (16.476.510.295)       | -                      |
| Thuế TNDN phải trả do vi phạm được thu hồi từ bên thứ ba                  | 3.211.878              | -                      |
| <b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>  | <b>2.064.688.154</b>   | <b>946.200.687</b>     |

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**26.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan                         | Mối quan hệ           | Nội dung nghiệp vụ                     | Thu nhập/(Chi phí)   |                           |
|---------------------------------------|-----------------------|--|----------------------|---------------------------|
|                                       |                       |  | Năm nay              | Năm trước                 |
| Tập đoàn Bảo Việt                     | Công ty mẹ            | Phí giao dịch chứng khoán              | 205.804.128          | 130.744.612               |
|                                       |                       | Phí lưu ký                             | 87.892.741           | 194.856.967               |
|                                       |                       | Phí cung cấp báo cáo                   | 70.000.000           | 52.500.000                |
|                                       |                       | Phí tư vấn                             | 210.000.000          | 278.000.000               |
|                                       |                       | Phí chi trả cổ tức, quản lý sổ cổ đông | 88.000.000           | 176.000.000               |
|                                       |                       | Thuê văn phòng                         | (7.500.437.246)      | (7.486.023.768)           |
|                                       |                       | Phí công nghệ thông tin                | (3.535.223.997)      | (2.694.231.519)           |
|                                       |                       | Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt            | Đơn vị cùng Tập đoàn | Phí giao dịch chứng khoán |
|                                       |                       | Cổ tức được nhận                       | 4.000.000.000        | -                         |
| Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT) | Công ty cùng Tập đoàn | Phí giao dịch chứng khoán              | 10.487.830.206       | 5.262.753.695             |
|                                       |                       | Phí lưu ký                             | 629.241.796          | 426.905.304               |
|                                       |                       | Thuê văn phòng                         | (3.008.016.000)      | (3.008.016.000)           |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.1 *Nhiệm vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

| <i>Bên liên quan</i>                  | <i>Mối quan hệ vụ</i>   | <i>Nội dung nghiệp vụ</i>                             | <i>Thu nhập/(Chi phí)</i>          |                                    |
|---------------------------------------|-------------------------|---|------------------------------------|------------------------------------|
|                                       |                         |   | <i>Năm nay</i>                     | <i>Năm trước</i>                   |
| Bảo hiểm Nhân Thọ Hà Nội              | Công ty thành viên BVNT | Thuê văn phòng<br>Phí bảo hiểm An hưởng điền viên     | (498.000.000)<br>(2.840.544.400)   | (498.000.000)<br>(2.886.731.000)   |
| Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) | Công ty cùng Tập đoàn   | Phí giao dịch chứng khoán<br>Phí lưu ký               | 1.176.713.587<br>27.437.566        | 786.899.960<br>28.822.471          |
| Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội              | Công ty thành viên BHBV | Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên<br>Thuê văn phòng | (993.719.160)<br>-                 | (989.353.329)<br>(95.850.000)      |
| Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt          | Công ty cùng Tập đoàn   | Phí giao dịch chứng khoán<br>Phí lưu ký               | 140.517.808<br>229.515.324         | 85.020.836<br>193.318.520          |
| Công ty CP Đầu tư Bảo Việt            | Công ty cùng Tập đoàn   | Thuê văn phòng<br>Phí dịch vụ quản lý tòa nhà         | (6.107.456.949)<br>(1.724.581.365) | (5.165.365.502)<br>(1.602.859.509) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

| <i>Bên liên quan</i>         | <i>Mối quan hệ</i>    | <i>Các giao dịch</i>   | <i>Phải thu/(phải trả)</i>                 |   |
|------------------------------|-----------------------|--|--|---|
|                              |                       |  | <i>Số dư cuối năm</i>                      | <i>Số dư đầu năm</i>  |
| Tập đoàn Bảo Việt            | Công ty mẹ            | Phí quản lý sổ cổ đông<br>Phí lưu ký chứng khoán<br>Phí chi trả cổ tức<br>Chi phí CNTT<br>Chi phí khác | -<br>-<br>88.000.000<br>(821.215.545)<br>- | 44.000.000<br>91.794.601<br>132.000.000<br>(2.694.231.519)<br>(155.106.492) |
| Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt  | Đơn vị cùng Tập đoàn  | Phải thu cổ tức  | 4.000.000.000                              | -   |
| Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội     | Công ty cùng Tập đoàn | Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên  | (331.239.720)                              | (315.007.140)   |
| Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt | Công ty cùng Tập đoàn | Phí lưu ký chứng khoán   | 225.717.294                                | 183.471.722   |
| Công ty CP Đầu tư Bảo Việt   | Công ty cùng Tập đoàn | Tiền điện  | -  | (76.300.396)  |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**26.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan** (tiếp theo)

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

*Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

|  | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|--|----------------------|----------------------|
| Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc Công ty và Chi nhánh (*) | 5.283.266.750        | 5.185.634.675        |
| Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (**)    | 1.632.983.446        | 1.758.465.000        |
|  | <b>6.916.250.196</b> | <b>6.944.099.675</b> |

(\*) Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc trong năm bao gồm (i) số phát sinh trong năm, (ii) lương hiệu quả làm việc của năm 2015 được chi trả trong năm 2016 (iii) tạm ứng lương hiệu quả làm việc của năm 2016.

(\*\*) Thù lao, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm bao gồm (i) số phát sinh trong năm, (ii) thưởng hiệu quả của năm 2015 được chi trả trong năm 2016, (iii) thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách.

**26.2 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

|  | Năm nay         | Năm trước<br>(Trình bày lại *) |
|--|-----------------|--------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp - VND                                 | 101.714.420.306 | 116.105.180.030                |
| Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)- VND                   | (4.577.805.889) | (4.037.894.360)                |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND         | 97.136.614.417  | 112.067.285.670                |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 72.204.793      | 72.218.737                     |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND   | 1.345           | 1.552                          |

(\*) Số liệu so sánh được trình bày lại do tính đến ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đến lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.

(\*\*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty xác định lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dựa trên ước tính số quỹ khen thưởng phúc lợi trích cho năm 2016 bằng 5% lợi nhuận sau thuế sau khi trích các dự trữ bắt buộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**26.3 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                  | <i>Số dư cuối năm<br/>VND</i> | <i>Số dư đầu năm<br/>VND</i> |
|------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Đến 1 năm        | 22.152.736.391                | 17.761.956.043               |
| Trên 1 - 5 năm   | 22.988.775.223                | 24.356.333.790               |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>45.141.511.614</b>         | <b>42.118.289.833</b>        |

**26.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để BVSC đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

BVSC đã thành lập Hội đồng quản lý rủi ro (HĐQLRR) nhằm đưa ra khuôn khổ và thực hiện nhiệm vụ QLRR, tham mưu cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các hoạt động QLRR tại BVSC.

Công tác QTRR tại BVSC được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong công ty. Từ tháng 5 năm 2013, Hội đồng quản trị BVSC đã cử một thành viên HĐQT, chịu trách nhiệm hỗ trợ HĐQT thực hiện các vai trò QTRR tại BVSC như: Rà soát định kỳ chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro; Chỉ đạo xử lý kịp thời các tổn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám Đốc, Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận Quản trị rủi ro tại BVSC.

Ở cấp độ điều hành, bên cạnh việc duy trì hoạt động định kỳ của Hội đồng QLRR từ năm 2011 tới nay BVSC còn thực hiện theo hướng dẫn của UBCK về việc thiết lập và vận hành hệ thống QTRR đã quy định tại QĐ 105/2013/ UBCK. Công ty đã thành lập bộ phận QTRR thực hiện nhiệm vụ triển khai công tác QTRR và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các hoạt động QTRR tại BVSC. Công ty đã ban hành Chính sách rủi ro, Hạn mức rủi ro, Quy trình QTRR nhằm tổ chức thực hiện công tác QTRR tại BVSC một cách nghiêm túc và hiệu quả.

Bên cạnh các hoạt động về QTRR, BVSC đã thành lập Ủy ban ALCO với chức năng tham mưu cho Ban TGĐ công ty trong việc quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có của công ty. Ủy ban hoạt động định kỳ từ năm 2011 tới nay.

Mục tiêu ưu tiên của BVSC là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về khả năng thanh toán theo luật định. BVSC tiếp tục đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về vốn trong năm.

Công tác QLRR được theo dõi, tổng hợp và báo cáo hàng tháng bởi bộ phận QTRR. Định kỳ hàng quý, BVSC tiến hành họp HĐ QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong năm, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**26.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch kỳ quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình bởi xu hướng giảm lãi suất trong thời gian gần đây có tác động trực tiếp tới thu nhập từ tiền gửi. Ngoài ra, danh mục tiền gửi có kỳ hạn ngắn nên chịu rủi ro tái đầu tư khi lãi suất tiền gửi hiện tại ở mức thấp. Tuy nhiên, Ban Điều hành BVSC cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cân nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

***Rủi ro về giá cổ phiếu đối với danh mục tự doanh***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015.

Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục cổ phiếu. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết lại có xu hướng xấu đi nếu thị trường cổ phiếu niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường cổ phiếu giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Và rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Với mục đích giảm sự tác động của rủi ro thị trường mà cụ thể là rủi ro giá cổ phiếu tới kết quả kinh doanh của công ty, trong một vài năm gần đây, BVSC đã chủ trương tái cơ cấu danh mục theo hướng giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2016, danh mục cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 17,1%/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà BVSC sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sản chứng khoán biến động +/-10%:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**26.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

|                             | <i>Biến động<br/>của giá thị trường</i> | <i>Ảnh hưởng lên<br/>lợi nhuận trước thuế<br/>(VND)</i> |
|-----------------------------|---|---|
| <b>31 tháng 12 năm 2016</b> |   |   |
| Kịch bản 1                  | +10%                                    | 3.259.380.778   |
| Kịch bản 2                  | -10%                                    | (4.342.614.532)   |
| <b>31 tháng 12 năm 2015</b> |   |   |
| Kịch bản 1                  | +10%                                    | 2.992.742.509   |
| Kịch bản 2                  | -10%                                    | (7.064.008.313)   |

*Rủi ro giá cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch kỳ quỹ*

Khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho BVSC chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. BVSC phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng giao dịch kỳ quỹ.

*Tiền gửi ngân hàng*

Để quản trị rủi ro tín dụng, BVSC chỉ thực hiện gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng tốt thuộc nhóm 1 và 2 theo đánh giá của Khối Quản lý Rủi ro Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt. Hạn mức đầu tư vào tiền gửi ngân hàng cũng được thực hiện tuân thủ theo hạn mức rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt vào đầu các năm tài chính. Thực tế cho thấy BVSC không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

*Đầu tư trái phiếu*

BVSC đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng quản trị BVSC. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

*Hoạt động giao dịch kỳ quỹ*

Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xét xếp loại khách hàng để quản trị rủi ro này. Chính sách được thực hiện bằng việc phân tích và đánh giá về lịch sử giá trị giao dịch của khách hàng, tài sản và các thông tin về sự tín nhiệm và tuân thủ khác trong quá trình khách hàng giao dịch tại Công ty cũng như các công ty chứng khoán khác (nếu có). Các khách hàng đều được đánh giá trước khi đàm phán về điều kiện xếp loại và hạn mức vay kỳ quỹ. Thêm vào đó, Công ty thực hiện việc đánh giá và điều chỉnh xếp loại khách hàng hàng tháng, đảm bảo tính cập nhật và giảm đi mức độ rủi ro về tín dụng của khách hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**26.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính** (tiếp theo)

*Rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty còn nắm giữ một số lượng chứng khoán nhất định của khách hàng làm tài sản đảm bảo khi thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch kỳ quỹ. Để quản trị số tài sản đảm bảo này cũng như tránh các rủi ro kèp từ sự biến động giá của thị trường và rủi ro tích tụ từ nhiều khách hàng, Công ty đã đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay kỳ quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: sự biến động về giá, tình thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng... Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 09/QĐ-UBCK ngày 08 tháng 01 năm 2013 về việc sửa đổi quy chế hướng dẫn giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**26.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính** (tiếp theo)

**Rủi ro tín dụng** (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ kỳ quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tin nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tắt toàn món vay khi đến hạn.

Bảng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch kỳ quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình thấp.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị: VND

|   | Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị | Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị |             |              |            | Bị suy giảm giá trị | Tổng cộng                |
|---|--|---|-------------|--------------|------------|---------------------|--------------------------|
|   |  | Dưới 3 tháng                            | 3 – 6 tháng | 6 – 12 tháng | Trên 1 năm |                     |                          |
| <b>31 tháng 12 năm 2016</b>               |  |   |             |              |            |                     |                          |
| <b>Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định</b>    | <b>598.843.402.421</b>                     | -                                       | -           | -            | -          | -                   | <b>598.843.402.421</b>   |
| Trái phiếu                                | 233.998.558.415                            | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 233.998.558.415          |
| Hợp đồng tiền gửi                         | 364.844.844.006                            | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 364.844.844.006          |
| <b>Tài sản tài chính khác</b>             | <b>771.498.123.991</b>                     | -                                       | -           | -            | -          | -                   | <b>771.498.123.991</b>   |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán            | 21.147.619.087                             | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 21.147.619.087           |
| Phải thu cổ tức                           | 4.050.125.350                              | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 4.050.125.350            |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán  | 739.443.370.994                            | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 739.443.370.994          |
| Khác                                      | 6.857.008.560                              | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 6.857.008.560            |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>117.958.400.723</b>                     | -                                       | -           | -            | -          | -                   | <b>117.958.400.723</b>   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>1.488.299.927.135</b>                   | -                                       | -           | -            | -          | -                   | <b>1.488.299.927.135</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

|   | Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị | Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị |             |              |            | Bị suy giảm giá trị | Tổng cộng                |
|---|--|---|-------------|--------------|------------|---------------------|--------------------------|
|   |  | Dưới 3 tháng                            | 3 – 6 tháng | 6 – 12 tháng | Trên 1 năm |                     |                          |
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>          |  |   |             |              |            |                     |                          |
| <b>Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định</b>    | <b>251.873.887.749</b>                     | -                                       | -           | -            | -          | -                   | <b>251.873.887.749</b>   |
| Trái phiếu                                | 123.765.236.306                            | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 123.765.236.306          |
| Hợp đồng tiền gửi                         | 128.108.651.443                            | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 128.108.651.443          |
| <b>Tài sản tài chính khác</b>             | <b>635.536.362.787</b>                     | -                                       | -           | -            | -          | -                   | <b>635.536.362.787</b>   |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán            | 21.181.760.379                             | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 21.181.760.379           |
| Phải thu cổ tức                           | 4.289.400                                  | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 4.289.400                |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán  | 607.398.540.934                            | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 607.398.540.934          |
| Khác                                      | 6.951.772.074                              | -                                       | -           | -            | -          | -                   | 6.951.772.074            |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>448.757.097.003</b>                     | -                                       | -           | -            | -          | -                   | <b>448.757.097.003</b>   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>1.336.167.347.539</b>                   | -                                       | -           | -            | -          | -                   | <b>1.336.167.347.539</b> |

**Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị:** các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

**Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị:** tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tín cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**26.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính** (tiếp theo)

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, rủi ro thanh khoản xuất hiện khi BVSC tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ.

Chính sách của BVSC là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý và chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ và trong giao dịch kỳ quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

|   | Không có ngày<br>đáo hạn xác định | Đến 01 năm       | Từ 01 – 03<br>năm | Từ 03 – 05<br>năm | Từ 05 – 15<br>năm | Trên 15 năm | Tổng cộng        |
|---|-----------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------|------------------|
| <b>31 tháng 12 năm 2016</b>               |                                   |                  |                   |                   |                   |             |                  |
| <b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>                  |                                   |                  |                   |                   |                   |             |                  |
| Các khoản đầu tư tài chính                | 308.943                           | 359.575          | 150.056           | 24.000            | 160.700           | -           | 1.003.274        |
| Trái phiếu                                | -                                 | 87.058           | 45.680            | 24.000            | 160.700           | -           | 317.438          |
| Hợp đồng tiền gửi                         | -                                 | 272.517          | 104.376           | -                 | -                 | -           | 376.893          |
| Cổ phiếu                                  | 308.943                           | -                | -                 | -                 | -                 | -           | 308.943          |
| <b>Tài sản tài chính khác</b>             | <b>20.000</b>                     | <b>751.498</b>   | <b>-</b>          | <b>-</b>          | <b>-</b>          | <b>-</b>    | <b>771.498</b>   |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán            | 20.000                            | 1.148            | -                 | -                 | -                 | -           | 21.148           |
| Phải thu cổ tức                           | -                                 | 4.050            | -                 | -                 | -                 | -           | 4.050            |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán  | -                                 | 739.443          | -                 | -                 | -                 | -           | 739.443          |
| Khác                                      | -                                 | 6.857            | -                 | -                 | -                 | -           | 6.857            |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>-</b>                          | <b>117.958</b>   | <b>-</b>          | <b>-</b>          | <b>-</b>          | <b>-</b>    | <b>117.958</b>   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>328.943</b>                    | <b>1.229.031</b> | <b>150.056</b>    | <b>24.000</b>     | <b>160.700</b>    | <b>-</b>    | <b>1.892.730</b> |
| <b>NỢ TÀI CHÍNH</b>                       |                                   |                  |                   |                   |                   |             |                  |
| Vay và nợ ngắn hạn                        | -                                 | 159.677          | -                 | -                 | -                 | -           | 159.677          |
| Chi phí phải trả                          | -                                 | 1.910            | -                 | -                 | -                 | -           | 1.910            |
| Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán | -                                 | 2.626            | -                 | -                 | -                 | -           | 2.626            |
| Khác                                      | -                                 | 101.477          | -                 | -                 | -                 | -           | 101.477          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>-</b>                          | <b>265.690</b>   | <b>-</b>          | <b>-</b>          | <b>-</b>          | <b>-</b>    | <b>265.690</b>   |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**26.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: triệu đồng

|   | <i>Không có ngày<br/>đáo hạn xác định</i> | <i>Đến 01 năm</i> | <i>Từ 01 – 03<br/>năm</i> | <i>Từ 03 – 05<br/>năm</i> | <i>Từ 05 – 15<br/>năm</i> | <i>Trên 15<br/>năm</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|---|---|-------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|------------------|
| <b>31 tháng 12 năm 2015</b>               |   |                   |                           |                           |                           |                        |                  |
| <b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>                  |   |                   |                           |                           |                           |                        |                  |
| Các khoản đầu tư tài chính                | 316.187                                   | 142.396           | 42.160                    | 18.800                    | 122.450                   | -                      | 641.993          |
| Trái phiếu                                | -   | 11.080            | 42.160                    | 18.800                    | 122.450                   | -                      | 194.490          |
| Hợp đồng tiền gửi                         | -   | 131.316           | -                         | -                         | -                         | -                      | 131.316          |
| Cổ phiếu                                  | 316.187                                   | -                 | -                         | -                         | -                         | -                      | 316.187          |
| <b>Tài sản tài chính khác</b>             | <b>20.000</b>                             | <b>615.537</b>    | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>               | <b>635.537</b>   |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán            | 20.000                                    | 1.182             | -                         | -                         | -                         | -                      | 21.182           |
| Phải thu cổ tức                           | -   | 4                 | -                         | -                         | -                         | -                      | 4                |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán  | -   | 607.399           | -                         | -                         | -                         | -                      | 607.399          |
| Khác                                      | -   | 6.952             | -                         | -                         | -                         | -                      | 6.952            |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>-</b>                                  | <b>448.757</b>    | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>               | <b>448.757</b>   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>336.187</b>                            | <b>1.206.690</b>  | <b>42.160</b>             | <b>18.800</b>             | <b>122.450</b>            | <b>-</b>               | <b>1.726.287</b> |
| <b>NỢ TÀI CHÍNH</b>                       |   |                   |                           |                           |                           |                        |                  |
| Vay và nợ ngắn hạn                        | -   | 29.151            | -                         | -                         | -                         | -                      | 29.151           |
| Chi phí phải trả                          | -   | 1.252             | -                         | -                         | -                         | -                      | 1.252            |
| Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán | -   | 1.595             | -                         | -                         | -                         | -                      | 1.595            |
| Khác                                      | -   | 140.819           | -                         | -                         | -                         | -                      | 140.819          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>-</b>                                  | <b>172.817</b>    | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>               | <b>172.817</b>   |

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**26.5 Phân loại lại số liệu so sánh**

Trong năm, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán theo Thông tư 210 và Thông tư 334, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp năm nay.

a. Trích từ báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Diễn giải | Số dư đầu năm<br>(đã được trình bày<br>trước đây)<br>VND | Trình bày lại<br>VND     | Số dư đầu năm<br>(được trình bày<br>lại)<br>VND |
|---|-----------|--|--------------------------|---|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>  |           | <b>1.829.345.297.544</b>                                 | <b>(444.391.220.142)</b> | <b>1.384.954.077.402</b>                        |
| Tiền  | [1]       | 447.893.744.732  | (440.464.233.836)        | 7.429.510.896                                   |
| Các khoản tương đương tiền  | [2]       | 316.750.000.000  | 124.577.586.107          | 441.327.586.107                                 |
| Đầu tư ngắn hạn (**)  | [3]       | 396.264.219.872  | (396.264.219.872)        | -   |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (**)                                  | [3]       | (85.007.154.500)   | 85.007.154.500           | -   |
| Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)             |           | -  | 155.616.277.733          | 155.616.277.733                                 |
| Các khoản cho vay (*)   | [3]       | -  | 604.420.360.977          | 604.420.360.977                                 |
| Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (*)                         | [3]       | -  | 119.293.555.739          | 119.293.555.739                                 |
| Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp (*) | [3]       | -  | (89.480.512.517)         | (89.480.512.517)                                |
| Phải thu của khách hàng (**)  | [4]       | 2.456.575.334  | (2.456.575.334)          | -   |
| Trả trước cho người bán (*)   | [4]       | 9.413.140.391  | (2.145.613.600)          | 7.267.526.791                                   |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (**)                           | [2], [4]  | 731.743.484.438  | (731.743.484.438)        | -   |
| Các khoản phải thu khác   | [4]       | 28.675.676.048   | (15.545.914.374)         | 13.129.761.674                                  |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (**)                                 | [4]       | (20.374.587.716)   | 20.374.587.716           | -   |
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)                        | [4]       | -  | (15.901.229.699)         | (15.901.229.699)                                |
| Dự thu cố tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận (*)                          | [3]       | -  | 6.675.483.428            | 6.675.483.428                                   |
| Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)                                  | [4]       | -  | 4.326.787.354            | 4.326.787.354                                   |
| Tài sản ngắn hạn khác (**)  | [5]       | 324.700.000  | (324.700.000)            | -   |
| Tạm ứng (*)   | [5]       | -  | 272.900.000              | 272.900.000                                     |
| Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ (*)                                  | [5]       | -  | 51.800.000               | 51.800.000                                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>   |           | <b>278.945.810.323</b>                                   | <b>3.926.986.306</b>     | <b>282.872.796.629</b>                          |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán (**)  | [3]       | 237.736.573.000  | (237.736.573.000)        | -   |
| Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn                                    | [3]       | 49.877.650.000   | 73.887.586.306           | 123.765.236.306                                 |
| Đầu tư dài hạn khác (*)   | [3]       | -  | 167.775.973.000          | 167.775.973.000                                 |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>  |           | <b>2.108.291.107.867</b>                                 | <b>(440.464.233.836)</b> | <b>1.667.826.874.031</b>                        |

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(\*\*) Các chỉ tiêu của Báo cáo tình hình tài chính không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.5 Phân loại lại số liệu so sánh (tiếp theo)

a. Trích từ báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

| NGUỒN VỐN                                      | Diễn giải   | Số dư đầu năm<br>(đã được trình bày<br>trước đây)<br>VND | Trình bày lại<br>VND     | Số dư đầu năm<br>(được trình bày<br>lại)<br>VND |
|--|-------------|--|--------------------------|---|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          |             | <b>657.551.227.173</b>                                   | <b>(440.464.233.836)</b> | <b>217.086.993.337</b>                          |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          |             | <b>657.551.227.173</b>                                   | <b>(440.464.233.836)</b> | <b>217.086.993.337</b>                          |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán       | [1]         | 440.135.301.795  | (438.540.761.398)        | 1.594.540.397                                   |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (**) | [1]         | 8.271.852.548  | (8.271.852.548)          | -   |
| Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán (**)    | [1]         | 14.103.367.895   | (14.103.367.895)         | -   |
| Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên (*)     | [6]         | -  | 843.407.495              | 843.407.495                                     |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác     | [1],<br>[6] | 2.209.850.922  | 19.608.340.510           | 21.818.191.432                                  |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     |             | <b>2.108.291.107.867</b>                                 | <b>(440.464.233.836)</b> | <b>1.667.826.874.031</b>                        |

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(\*\*) Các chỉ tiêu của Báo cáo tình hình tài chính không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo đối ngoại bằng theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334
- [2] Phân loại lại danh mục ứng trước tiền bán từ phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán sang các khoản tương đương tiền theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334
- [3] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334
- [4] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334
- [5] Phân loại lại các khoản mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334
- [6] Phân loại lại các khoản mục vay và nợ theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**26.5 Phân loại lại số liệu so sánh (tiếp theo)**

b. Trích từ báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp

| CHỈ TIÊU   | Diễn giải | Năm trước<br>(đã được trình bày<br>trước đây)<br>VND | Trình bày lại<br>VND | Năm trước<br>(được trình bày lại)<br>VND |
|--|-----------|--|----------------------|--|
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)   | [7]       | 53.216.596.270                                       | (53.216.596.270)     | -  |
| Doanh thu khác (**)  | [7]       | 135.695.261.513                                      | (135.695.261.513)    | -  |
| Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá (**)   | [7]       | 30.810.299   | (30.810.299)         | -  |
| Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL (*)  | [7]       | -  | 26.324.205.264       | 26.324.205.264                           |
| Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL (*)  | [7]       | -  | 6.220.646.900        | 6.220.646.900                            |
| Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (*)   | [7]       | -  | 3.734.910.700        | 3.734.910.700                            |
| Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)   | [7]       | -  | 38.815.814.975       | 38.815.814.975                           |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)   | [7]       | -  | 84.378.727.486       | 84.378.727.486                           |
| Thu nhập hoạt động khác (*)  | [7]       | -  | 15.678.426.454       | 15.678.426.454                           |
| Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (**)   | [7]       | 287.179.455.911                                      | (287.179.455.911)    | -  |
| Cộng doanh thu hoạt động (*)   | [7]       | -  | 273.389.519.608      | 273.389.519.608                          |
| Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (*)   | [8]       | -  | (14.415.942.790)     | (14.415.942.790)                         |
| Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu kho đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay (*) | [8]       | -  | 18.642.386.572       | 18.642.386.572                           |
| Chi phí hoạt động tự doanh (*)   | [8]       | -  | (2.323.666.092)      | (2.323.666.092)                          |
| Chi phí môi giới chứng khoán (*)   | [8]       | -  | (79.443.343.024)     | (79.443.343.024)                         |
| Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán (*)   | [8]       | -  | (133.263.604)        | (133.263.604)                            |
| Chi phí lưu ký chứng khoán (*)   | [8]       | -  | (9.118.820.635)      | (9.118.820.635)                          |
| Chi phí tư vấn (*)   | [8]       | -  | (7.758.484.603)      | (7.758.484.603)                          |
| Chi phí khác (*)   | [8]       | -  | (6.847.443.373)      | (6.847.443.373)                          |
| Chi phí hoạt động kinh doanh (**)  | [8]       | (105.850.755.492)                                    | 105.850.755.492      | -  |
| Cộng chi phí hoạt động (*)   | [8]       | -  | (101.398.577.549)    | (101.398.577.549)                        |
| Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định (*)   | [7]       | -  | 13.789.936.303       | 13.789.936.303                           |
| Cộng doanh thu hoạt động tài chính (*)   | [7]       | -  | 13.789.936.303       | 13.789.936.303                           |
| Chi phí lãi vay (*)  | [8]       | -  | (4.452.177.943)      | (4.452.177.943)                          |
| Cộng chi phí tài chính (*)   | [8]       | -  | (4.452.177.943)      | (4.452.177.943)                          |
| Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (**)  | [7]       | 181.328.700.419                                      | (181.328.700.419)    | -  |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (**)   | [7]       | 120.317.582.452                                      | (120.317.582.452)    | -  |
| Kết quả hoạt động (*)  |           | -  | 120.317.582.452      | 120.317.582.452                          |
| Lợi nhuận/(lỗ) khác (**)   |           | 7.041.567  | (7.041.567)          | -  |
| Cộng kết quả hoạt động khác (*)  |           | -  | 7.041.567            | 7.041.567                                |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>   |           | <b>120.324.624.019</b>                               | -                    | <b>120.324.624.019</b>                   |

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(\*\*) Các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

[7] Phân loại lại các khoản mục doanh thu hoạt động theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

[8] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**26.5 Phân loại lại số liệu so sánh (tiếp theo)**

c. Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

| CHỈ TIÊU  | Diễn giải | Năm trước<br>(đã được trình bày<br>trước đây)<br>VND | Trình bày lại<br>VND | Năm trước<br>(được trình bày lại)<br>VND |
|---|-----------|--|----------------------|--|
| Tiền và tương đương tiền đầu năm  | [9]       | 710.556.071.690                                      | (307.210.403.363)    | 403.345.668.327                          |
| Tiền (*)  | [9]       | 590.556.071.690                                      | (482.815.427.376)    | 107.740.644.314                          |
| Các khoản tương đương tiền (*)  | [9]       | 120.000.000.000                                      | 175.605.024.013      | 295.605.024.013                          |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm   | [9]       | 764.643.744.732                                      | (315.886.647.729)    | 448.757.097.003                          |
| Tiền (*)  | [9]       | 447.893.744.732                                      | (440.464.233.836)    | 7.429.510.896                            |
| Các khoản tương đương tiền (*)  | [9]       | 316.750.000.000                                      | 124.577.586.107      | 441.327.586.107                          |
| <b>PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (*)</b>         |           |  |                      |  |
| II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng (*)                     | [9]       |  |                      |  |
| Tiền gửi ngân hàng đầu năm: (**)  | [9]       | -  | 482.815.427.376      | 482.815.427.376                          |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (**) | [9]       | -  | 434.653.019.376      | 434.653.019.376                          |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (*)                             | [9]       | -  | 48.162.408.000       | 48.162.408.000                           |
| III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30) (*)    | [9]       |  |                      |  |
| Tiền gửi ngân hàng cuối năm: (**)   | [9]       | -  | 440.464.233.836      | 440.464.233.836                          |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (**) | [9]       | -  | 415.569.063.793      | 415.569.063.793                          |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (*)                             | [9]       | -  | 24.771.814.200       | 24.771.814.200                           |
| - Tiền gửi của Tổ chức phát hành (*)  | [9]       | -  | 123.355.843          | 123.355.843                              |

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(\*\*) Các chỉ tiêu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

[9] Trình bày lại báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**


Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, không có sự kiện nào trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.



Bà Vũ Thị Thủy Linh  
Người lập  
Phó phòng Tài chính Kế toán



Bà Nguyễn Hồng Thủy  
Người phê duyệt  
Trưởng phòng Tài chính  
Kế toán



Ông Nhữ Đình Hòa  
Người phê duyệt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 03 năm 2017

